

Giáo Lý Căn Bản



Nguyễn Sinh
(soạn theo In Understanding Be Men
của T. C. Hammond)

VĂN PHẨM NGUỒN SỐNG

GIÁO LÝ CĂN BẢN

NGUYỄN SINH

(soạn theo *In Understanding Be Men*
của T. C. Hammond)

VĂN PHẨM NGUỒN SỐNG
1990

Giao Ly Can Ban (In Understanding Be Men)

Vietnamese Edition

Copyright 2015 Voice Media

info@VM1.global

Web home: www.VM1.global

All rights reserved. No part of the publication may be reproduced, distributed or transmitted in any form or by any means, including photocopying, recording, or other electronic, or mechanical methods, without the prior written permission of the publisher, except in the case of brief quotations embodied in critical reviews and certain other noncommercial uses permitted by copyright law. For permission requests, email the publisher, addressed “Attention: Permission Coordinator,” at the address above.

This publication **may not be sold, and is for free distribution** only.

Lời mở đầu

Tập Giáo Lý Căn Bản này được soạn ra nhằm mục đích giúp cho người tin Chúa có dịp làm quen với những vấn đề trong căn bản niềm tin. Đây là những bài học cần dành thì giờ nghiên cứu, học hỏi, thảo luận để lòng tin nhờ đó được vững, khi gặp sóng gió của tà thuyết bên ngoài, hay dao động nghi ngờ bên trong, đều có thể vượt qua.

Đức Thánh Linh vẫn là giáo sư vĩ đại nhất, vì không phải chỉ phán truyền, giải nghĩa, minh chứng, nhưng còn gây hứng cảm, truyền linh lực cho mỗi người học, để ngày càng trưởng thành trong niềm tin, sẵn sàng vào đời làm nhân chứng hữu hiệu cho Chúa Cứu Thế Giê-xu. Vì vậy người học cần chuyên tâm và tôn phục Thánh Linh cho kết quả.

Sau khi đã học xong tài liệu này, người học xin vui lòng hướng dẫn người khác học, sao cho mọi người quanh ta đều hiểu thấu các điều căn bản, và cùng bắt tay phục vụ Chúa vững vàng từ thế hệ này sang thế hệ kế tiếp.

Văn phẩm Nguồn Sống xin chân thành cảm ơn Inter-Varsity Press đã cho phép sử dụng tài liệu In Understanding Be Men trong việc soạn cuốn Giáo Lý Căn Bản này.

Nguyễn Sinh

Mục Lục

5

Các Định nghĩa: *Mạc khải trong Cơ-đốc-giáo - Niềm tin và Đức tin - Đạo và Thần học - Thần học Thánh Kinh và Thần học Giáo lý - Công đồng - Tín điều - Các phân chia đầu tiên trong Giáo hội.*

11

Phần thứ Nhất

Thẩm quyền tối hậu trong các lĩnh vực Đức tin: *Các nguồn Thẩm quyền - Quy điển Thánh Kinh - Thần ứng hay Thần cảm của Thánh Linh.*

24

Phần thứ Hai

Thượng Đế: *Bản thể của Thượng Đế - Bản chất của Thượng Đế - Danh hiệu của Thượng Đế - Thượng Đế Ba Ngôi - Giáo lý về sự Sáng Tạo - Ý chỉ của Thượng Đế - Sự An bài của Thượng Đế trong Vũ trụ - Sự Quản trị của Chúa trên con người - Thượng đế trong tư thế là người Cha hiền.*

47

Phần thứ Ba

Con người và tội ác: *Bản chất của con người - Sự sa ngã của con người và vấn đề Nguyên tội - Bản chất và phát triển của tội ác - Phạm tội và hình phạt - Chương Trình của Thượng Đế đối với con người.*

65

Phần thứ Tư

Chúa Cứu Thế: *Thần tính và danh phận làm con - Sự nhập thể của Chúa Giê-xu - Thần tính và nhân tính của Chúa Giê-xu - Đời sống Chúa Cứu thế - Sự chết của Chúa Cứu Thế - Cuộc phục sinh của Chúa Cứu thế - Công nghiệp Chúa Cứu thế.*

82

Giáo lý về sự Chuộc tội: *Quan điểm của Tin lành - Dẫn chứng từ trong Thánh Kinh - Ý nghĩa của từ chuộc tội - Sự chuộc tội nhìn qua khía cạnh thần học.*

85

Phần thứ Năm

Đức Thánh Linh: Thân vị của Đức Thánh Linh - Thần tính của Đức Thánh Linh - Danh hiệu của Đức Thánh linh - Công việc của Đức Thánh Linh - Thánh Linh: gạch nối giữa Thượng Đế và con người - Thánh Linh trong vai trò giải tội và xưng công nghĩa - Hợp nhất với Chúa Cứu Thế và thánh hóa.

103

Phần thứ Sáu

Người Tín Đồ và Giáo Hội: Hội Thánh - Nhiệm vụ của Hội Thánh - Phát triển nhiệm vụ - Tổ chức Hội Thánh - Phương cách của ân sủng.

120

Phần thứ Bảy

Thiên sứ, Sa tan và Ác quỷ: Thiên sứ - Ác quỷ - Quỷ ám.

130

Phần thứ Tám

Những việc sau cùng: Chúa tái lâm - Số phận của con người - Nơi ở của người chết - Sự sống lại của người chết, và cuộc phán xét sau cùng.

GIÁO LÝ CĂN BẢN

Các Định nghĩa:

1. Mạc khải trong Cơ-đốc-giáo.

Trong Thánh Kinh Tân ước có chữ apokalypsis, dịch ra là mạc khải, nghĩa là mở ra, vén màn lên để lộ ra điều gì mà trước kia được giấu kín. Mạc khải thường được dùng để nói về việc Thượng Đế giải tỏ dần dần đức tính của Ngài, các mục đích cũng như các việc quyền năng Ngài đã làm trong lịch sử và qua lời của những người phát ngôn được Ngài chỉ định đặc biệt. Cuộc mạc khải này khởi đầu với lịch sử ghi lại trong Thánh kinh Cựu ước (phần lớn là lịch sử dân tộc Do thái) và điểm cao nhất là cuộc vào đời của Chúa Cứu Thế, việc thành lập Hội Thánh của Chúa và sự xác định niềm tin qua các vị Sứ Đồ trong quyền năng của Thánh Linh. Vì vậy mạc khải trong Cơ-đốc-giáo là việc làm tự giải bày về Thượng Đế để cho con người được cứu độ. Không có hành động này thì không ai có thể biết được Thượng Đế siêu việt. Hành động ấy đặt trọng tâm là Chúa Cứu Thế Giê-xu, và đã được ghi lại trong Thánh Kinh.

Ngay Thánh kinh cũng có tính chất mạc khải, vì Thánh Kinh cho ta cách để tiếp xúc với mạc khải Cơ-đốc-giáo. Thánh Kinh đã được chính Thượng Đế thần cảm để truyền đạt mạc khải nguyên thủy cho các thế hệ tiếp nối. Như thế khi nói về mạc khải Cơ-đốc-giáo không có nghĩa là mạc khải tổng quát. Đôi khi cũng khác hẳn mạc khải đặc biệt nữa. Theo Sứ Đồ Phao-lô thì đó là huyền nhiệm được giữ kín suốt các thời đại trước, ngày nay huyền nhiệm ấy được biểu lộ và công bố cho tất cả các dân tộc theo lệnh Thượng Đế vĩnh hằng, như Thánh Kinh đã báo trước, để loài người tin và vâng phục Chúa.

2. Niềm tin và Đức tin.

Người ta nói rằng: "Niềm tin trong con người là sự bổ túc cho ân sủng trong Thượng Đế." Nói khác đi, Thượng Đế đặng đến con người bằng ân sủng; và con người đáp ứng Thượng Đế bằng niềm tin. Trong ân sủng của Chúa, Ngài đã bằng lòng mạc khải chính Ngài cho con người chúng ta, và đáp ứng đầy trọn nhất của con người đối với ân sủng đó là tin cậy hoàn toàn vào Thượng Đế. Chúa Cứu Thế đã dạy điều này khi Ngài ca ngợi niềm tin của trẻ thơ. Niềm tin vì vậy là dụng cụ mà nhờ đó mạc khải thiêng liêng và tất cả các phước lành thừa hưởng trong Chúa, có thể nhận được.

Nhưng khi nói đến đức tin thì ta phải hiểu đó là toàn bộ giáo lý, lời dạy của Cơ-đốc-giáo. Đây là điều mà Giu-đe dạy rằng "...đã được ban cho các người thánh chỉ một lần."

3. Đạo và Thần học.

Đạo và Thần học là hai từ phải được phân biệt rõ trong tư tưởng và trong ý nghĩa. Cũng phải phân biệt hẳn với sự mạc khải. Đạo là trật tự trong đời sống con người, là hành vi và đức tính của con người, thực hành cách đáp ứng của con người đối với mạc khải thiêng liêng, trong ánh sáng của các niềm tin về Thượng Đế. Đạo có thể được xếp loại như một nghệ thuật, trong khi đó Thần học như một khoa học. Thần học là môn học và mô tả về mạc khải của Thượng Đế. Nói như vậy nghĩa là cả đạo và thần học đều tiêu biểu cho các đáp ứng của con người đối với mạc khải của Thượng Đế. Đạo tìm cách sống theo mạc khải đó và Thần học tìm cách phân tích và hệ thống hóa mạc khải đó.

4. Thần học Thánh Kinh và Thần học Giáo lý.

Thần học Thánh kinh nghiên cứu về những điểm nổi bật của các phần trong Thánh Kinh, thí dụ như Ngôi lời hay logos của Giảng và đức tin theo thư Hê-bơ-rơ. Môn học này quan sát những vẻ đẹp khác biệt của lời Thánh Kinh và tập trung vào phần nghiên cứu của từng phần đoạn, sử dụng mọi tài liệu để tìm hiểu ý nghĩa nguyên thủy. Phương pháp này cũng tránh dùng các loại tư tưởng và ngôn ngữ không phải của Thánh Kinh trong việc đào sâu ý nghĩa, và chú ý đặc biệt đến cách khai triển lời dạy trong mạc khải của Thánh Kinh.

Trong khi đó thì Thần học Giáo lý chú trọng vào việc hợp nhất hóa, hệ thống hóa các bằng cứ dị biệt và bổ túc của Thánh Kinh, và cố gắng chứng minh sự liên lạc bên trong của các giáo lý riêng rẽ trong một chương trình tổng quát hay là dưới ánh sáng của một đề tài then chốt. Môn học này hữu ích trong việc bảo vệ đức tin chống lại những cuộc tấn công chỉ trích phê bình, gọi là biện giải; hoặc là liên quan đến việc đả phá những sai lầm qua các cuộc bút chiến, hay là đòi hỏi việc trình bày các tiêu chuẩn chính yếu của tín lý, tức là tín điều của một giáo phái nào hay là trong truyền thống của Hội thánh chung. Môn học này dùng những ý niệm và từ ngữ không tìm thấy trong Thánh Kinh. (Thí dụ như: Ba Ngôi, Thực Chất, Vô Ngộ, Phép Bí Tích V.V.) Mục đích là để giải thích và bênh vực ý nghĩa cho các dữ kiện Thánh Kinh rải rác khắp nơi. Thần học giáo lý để ý đến việc phát triển hiểu biết thần học trong đời sống giáo hội qua lịch sử. Người theo Chúa, nhất là những người muốn ra nước ngoài truyền giáo, cần biết rõ lịch sử của giáo hội. Nhất là nguyên tắc của lịch sử giáo hội. Môn học này rất thích thú nếu theo đúng phương pháp.

5. Công Đồng.

Người ta gọi là Công đồng Tổng quát hay là Công Đồng Hiệp thông. Đây là tên gọi những Hội nghị của các nhân vật trong giáo hội, được coi như là của toàn thế giới và đại diện cho mỗi thành phần trong giáo hội. Giáo hội Tin Lành chỉ công nhận 6 Công đồng, đặc biệt nhất là 4 Công đồng đầu tiên. Sáu Công đồng đó là:

1. Công đồng Niceae (AD 325) Công đồng này được triệu tập để đối phó với tà giáo Aria.

2. Công đồng Constantinople I (AD 381) Được triệu tập để tái xác nhận tín lý của công đồng Niceae như là căn bản hợp nhất và để đối đầu với các trào lưu sai lạc về sau.

3. Công đồng Ephesus (AD 431) được triệu tập để phán xét về sự sai lạc của nhóm Nestoria.

4. Công đồng Chalcedon (AD 451) được triệu tập để chống lại giáo lý sai lạc của Eutiches.

5. Công đồng Constantinople II (AD 553).

6. Công đồng Constantinople III (AD 680).

6. Tín Điều.

Tín điều là dịch từ chữ Credo trong La tinh, nghĩa là tôi tin. Tín điều được đưa ra ngay trong thời kỳ Hội Thánh đầu tiên cốt để nhắc lại các niềm tin căn bản mà mỗi người cần xác nhận như lời cam kết. Có ba tín điều quan trọng là:

1. Tín điều của các Sứ Đồ. Tín điều này thực ra không phải các Sứ Đồ soạn thảo nhưng là do Hội Thánh đầu tiên định ra, nhấn mạnh về tín lý báp-tem.

2. Tín điều Nicene, đây là bản tín điều phỏng theo tín điều của công đồng Nicaea với những lời tuyên xưng đầy đủ hơn về bản tính của Chúa Giê-xu và Đức Thánh Linh.

3. Tín điều Athanasia định nghĩa rõ về tín lý Ba Ngôi và cuộc vào đời làm người của Chúa Cứu thế Giê-xu.

Từ năm 451 đến thời Cải Chính Giáo Hội không có thêm bớt gì vào các tín điều, nhưng đến thời Cải Chính người ta xét lại toàn bộ nền móng của Giáo hội và đã có tuyên xưng mới, gọi chung là Tuyên xưng Đức tin. Nổi tiếng nhất là Tuyên Xưng Đức Tin Westminster.

Như thế Tín điều là tiêu biểu cho quan điểm chung của toàn thể Hội Thánh, còn Tuyên Xưng Đức tin thực ra chỉ tiêu biểu cho sự phân cách đã đưa đến tuyên xưng này. Như vậy Tuyên Xưng Đức Tin là bản văn dùng để định nghĩa và phân loại các giáo hội.

7. Các phân chia đầu tiên trong giáo hội.

1. Trước hết là phân chia về thần đạo.

a. *Thần đạo học Tin Lành.* Từ này gọi chung những chủ trương thần đạo của các Giáo hội phân cách với giáo hội La mã trong thời

Cải chính. Thoạt đầu là của người theo Luther hay Giáo Hội Cải Chính, và về sau là Anh Quốc Giáo Hội.

b. *Thần đạo học Công Giáo.* Thần đạo này đặt cơ sở trên Công đồng Trent, là Công đồng được triệu tập để phán xét giáo lý của những người theo Cải Chính Giáo Hội.

c. *Thần đạo học Chính Thống giáo Đông Phương.* Giáo Hội Đông Phương vào thế kỷ thứ chín đã tuyên bố ly khai với La mã vì không chịu thống thuộc, đến thế kỷ thứ 11 thì hoàn toàn ly khai. Thần học này nhấn mạnh về truyền thống của Giáo Hội, khác với Công Giáo về cách dùng chữ và không khí thờ phượng cũng như một số điều về giáo lý căn bản. Đặc biệt là tôn sùng Giáo Phụ ở Constantinople.

Các khác biệt giữa Thần học Công Giáo và Tin Lành có thể căn cứ vào quyết nghị của Công đồng Trent, và sau đây là các điểm căn bản:

1. *Thẩm quyền tối hậu.* Người Tin Lành coi Thánh Kinh là thẩm quyền tối hậu. Người Công Giáo cho rằng thẩm quyền tối hậu gồm Thánh Kinh, truyền thống của giáo hội và tiếng nói của giáo hội hiện hữu. Người Tin Lành không công nhận chức quyền Giáo Hoàng căn cứ vào lời ủy nhiệm của Chúa đối với Phê-rô, đặc biệt là giáo lý về việc truyền chức Sứ Đồ.

2. *Chức vụ tư tế và tế lễ.* Người Tin Lành không công nhận việc tu sĩ có quyền dâng sự hi sinh của Chúa Cứu thế với sự hiện diện của Ngài trên bàn thờ trong Lễ Mi Sa. Vì Thánh Kinh dạy rằng việc đổ máu của Chúa trên Gô-gô-tha một lần là đủ cả, không cần phải tái diễn, dù chỉ là biểu tượng.

3. *Việc cứu rỗi.* Người Công Giáo tin rằng Giáo Hội là sự mở rộng của cuộc vào đời của Chúa, nghĩa là người tin Chúa phải có công đức để được cứu. Người Tin Lành cho rằng việc Chúa chết và sống lại là hoàn toàn đầy đủ cho sự cứu chuộc con người khỏi tội lỗi, con người không cần phải làm thêm điều gì cả.

2. *Thứ hai là phân chia về tổ chức giáo hội.*

1. *Giáo Hội Luther.* Đây là những giáo hội hình thành do Tuyên Xưng Augsburg và những lời dạy của linh tụ Luther. Các giáo hội này quy tụ ở nước Đức và vùng Bắc Âu.

2. *Giáo Hội cải chính hay Calvin.* Đây là những giáo hội hình thành do Tuyên xưng Helvetic và các lời dạy của linh tụ Jean Calvin. Họ quy tụ nhiều trong vùng Thụy sĩ, trung Âu và Hà lan. Giáo Hội Trưởng Lão là một chi nhánh của Giáo Hội Cải chính, và do Tuyên xưng Westminster mà thành hình.

3. *Anh Quốc Giáo Hội và Episcopal.* Đây là những giáo hội do Tuyên xưng Ba-mươi-chín điều mà hình thành.

PHẦN THỨ NHẤT

THẨM QUYỀN TỐI HẬU

Trong các lĩnh vực Đức tin

1. Các nguồn Thẩm quyền.

Thần đạo học đề cập đến mạc khải tổng quát và mạc khải Cơ-đốc-giáo như là hai lĩnh vực hay địa hạt mà do đó người ta có thể biết được về Thượng Đế. Theo định nghĩa thì tất cả mọi mạc khải đều là được ban cho con người do sáng kiến hoàn toàn tự do và nhân từ của Thượng Đế. Thu nhận tri thức qua một mạc khải siêu nhiên hoàn toàn khác với thu nhận tri thức bằng khảo cứu khoa học hay suy luận triết học. Trong nhiều lĩnh vực, người theo Chúa không có một dung hòa nào giữa suy luận triết học và mạc khải thiêng liêng cả.

a. Cần thiết phải có mạc khải.

Thượng Đế siêu việt chủ thể hoàn toàn che khuất đối với con người, nếu Ngài không tự mạc khải. Thượng Đế cao cả vượt hẳn loài người trong bản chất, vì vậy dù là con người trước khi phạm tội đi nữa, cũng không thể nào nhìn thấy hay hiểu biết Thượng Đế được. Hơn nữa, về phía con người, con người không có khả năng biết Thượng Đế nếu không được trợ giúp, vì con người còn bị hậu quả của tội lỗi làm cho hoàn toàn không thể nhận định hay biết Thượng Đế được. Ngay cả khi Thượng Đế tự mạc khải, nếu Ngài không mở tâm, mở trí cho nhìn thấy các giá trị thiêng liêng thì con người cũng đành bó tay.

Mạc khải cần thiết vì nếu có một Thượng Đế tối cao, vĩ đại mà cả nhân loại do Ngài được hiện hữu, thì Ngài sẽ tự mạc khải cho nhân loại hơn là để mặc cho nhân loại lẫn mò vô hi vọng trong bóng tối.

b. Mạc khải tổng quát.

Thánh kinh có nói đến một phần mạc khải rất giới hạn của Thượng Đế, khác với mạc khải đặc biệt cho người Do thái và người Cơ-đốc, đó là qua trật tự sáng tạo, các việc làm thần hựu trong thiên nhiên và lịch sử, cũng như trong đời sống đạo đức và khả năng của nhân loại. Mạc khải tổng quát này phần lớn là giới hạn, chỉ để chứng minh quyền năng, tính cách vĩnh cửu và vinh quang của Thượng Đế. Con người vì mù tối trong cái nhìn của bản chất tội ác nên loại mạc khải này vẫn không đủ để đưa con người đến một tri thức rõ ràng về Thượng Đế. Thật ra đáp ứng của con người sa ngã đối với loại tự mạc khải liên tục này của Thượng Đế đã được chứng tỏ trong thái độ ngoan cố, thêm bằng cứ về tội ác không thể bào chữa được của con người trước Thượng Đế. Nhưng khi một người được Thánh Linh khai tâm mở trí, thì bắt đầu nhận ra được mạc khải tổng quát của Thượng Đế, cũng như cuộc vào đời của Ngài qua Chúa Cứu Thế Giê-xu, rồi đáp ứng mạc khải đó bằng những cách như thờ phượng, ăn năn hối lỗi, hay hết lòng tin tưởng v.v.

c. Thần học tự nhiên.

Một truyền thống lâu đời trong tư tưởng thần học đã tìm cách chứng minh rằng có một chân lý tối thiểu nào đó về Thượng Đế dựa trên căn bản biện minh từ sự hiện hữu và bản chất của thế giới, cũng như ý thức về đạo đức và tôn giáo trong nhân loại. Người ta gọi là Thần học Tự nhiên (khác hẳn với mạc khải tổng quát) do các tư tưởng gia như Anselm và Thomas Aquinas (sống vào thế kỷ 11 và 13) tin rằng cuộc biện luận triết học theo các căn bản kể trên có thể đưa đến hiểu biết về hiện hữu của Thượng Đế, cũng như một số thuộc tính của Ngài. Những người khác cũng đã biện luận chứng minh các chân lý khác, như là sự cần thiết phải có mạc khải thiêng liêng. Tất cả các chân lý về thần học tự nhiên đều được coi là những nguyên tắc căn bản để cho mạc khải Thánh kinh có thể đặt nền móng xây dựng lên trên.

Người Tin lành có các quan niệm khác biệt với phương pháp thần học tự nhiên. Nhiều người rất ngần ngại trong việc dùng các lý luận như vậy, ngoại trừ với tính cách hỗ trợ. Đa số các nhà lãnh đạo Tin Lành đều phủ nhận mọi hình thức biện minh Cơ-đốc-giáo đặt căn bản trên Thần học tự nhiên.

d. Mạc Khải Cơ-đốc-giáo.

Bằng chứng quan trọng nhất của Cơ-đốc-giáo là cuộc đời, công nghiệp, sự chết, và sự phục sinh của Chúa Cứu Thế Giê-xu. Đây cũng là căn bản của niềm tin để được cứu mà Thánh Kinh Tân Ước đề cập đến. Sự mạc khải đã được ban cho loài người trong hình thể của một con người. Trước đó là trong lịch sử của dân Chúa, chuẩn bị cho cuộc vào đời của Người ấy, và làm nền móng cho dân Chúa mới, tức là Hội Thánh nhờ Thánh Linh mà thành lập. Khi nhìn vào thực sự giới hạn thời gian và không gian của loại mạc khải thiêng liêng này, ta phải thấy rằng rất có thể là Chúa đã nghĩ đến một bản văn ghi lại mạc khải đó, để có thể giải thích tường tận cái gọi là mạc khải trong đời sống và rồi truyền đến chúng ta không theo hình thức hệ thống thần học, nhưng chỉ là những bài viết về lịch sử và những bức thư đủ loại. Thánh Linh đã thần ứng để hoàn thành mạc khải của Chúa Cứu Thế qua kinh nghiệm của Hội Thánh do các sứ đồ lãnh đạo và Thánh Linh cũng thần ứng trên toàn bộ mạc khải của Thánh Kinh, và nhất là khai tâm mở trí cho người đọc có thể biết và hiểu được. Chúng ta cũng có thể ca ngợi Thánh Linh cả trong việc làm cho lịch sử giáo hội trong nhiệm vụ rao truyền sứ điệp cứu chuộc được minh bạch và những giáo lý căn bản qua bao nhiêu thế hệ mà không bị thay đổi vì phán đoán sai lầm của con người.

Khi nói đến mạc khải của Thánh Kinh, ta phải dành một chỗ quan trọng nhất chính yếu nhất cho cuộc đời, đức tính và những lời dạy của Chúa Cứu Thế Giê-xu. Ngài chính là tác giả và đối tượng của đức tin chúng ta. Chúa Cứu Thế là Chúa của cả Thánh Kinh Cựu cũng như Tân Ước.

2. Quy điển Thánh Kinh.

A. Ý nghĩa của Quy điển Thánh Kinh.

Chữ mà chúng tôi dịch là Quy điển trong bài này là chữ Canon trong tiếng Hi Lạp. Canon có nghĩa là tiêu chuẩn hay thước đo. Áp dụng cho Thánh Kinh chữ này có hai nghĩa. Trước tiên Quy điển

hay Canon được dùng để nói về một tập những cuốn sách đã trải qua một cuộc xét nghiệm và được xác nhận là chân thật và hoàn toàn đúng tiêu chuẩn. Sau đó chữ Quy điển hay Canon được dùng cho một tập những tài liệu viết như là tiêu chuẩn của đức tin để nhờ đó mà xét nghiệm các giáo lý.

Ta cần nhớ rằng những cuốn sách được tuyển chọn vào Thánh Kinh là vì thực chất của nó hay là vì thẩm quyền của người viết. Những cuốn sách nào không được đưa vào Thánh Kinh, nghĩa là không được công nhận trong Canon thì gọi là ngụy thư. Chữ ngụy thư không có nghĩa là sai lạc, nhưng chỉ có nghĩa là các sách này thoạt đầu không được công nhận là ngang hàng với các sách chính trong Thánh Kinh mà chỉ được nhận là những sách có giá trị xây dựng. Ban đầu các sách này chỉ được một phần trong giáo hội công nhận và được đặt vào thứ bậc phụ đối với những sách đã được công nhận là được thần ứng và có thẩm quyền trong các lĩnh vực đức tin.

B. Lịch sử Quy điển Thánh Kinh Cựu Ước.

Chi tiết về việc tuyển chọn các sách trong Kinh Cựu Ước không ai rõ. Nhưng ngay trong Thánh Kinh có bằng cứ Cựu Ước là một tuyển tập những cuốn sách có thẩm quyền và các cuốn sách này đã được lưu trữ trong đền thờ. Như trong trường hợp Bộ Giáo Luật được Thầy Tư Tế thượng phẩm tên là Hinh Kia tìm được trong đền thờ và dâng lên cho Vua Giô-si-a. (2 Các Vua 22).

Vào thời Chúa Giê-xu đến thế gian thì đã có một cuốn Thánh Kinh bằng tiếng Hê-bơ-rơ. Trong đó gồm có các sách giáo luật, các sách tiên tri và những Thánh thư khác. Chúa Giê-xu không những đã nhận lời Thánh Kinh này cho chính mình và chức vụ, mà còn truyền cho các môn đệ là phải vững giữ nữa. Ngay trong Thánh Kinh Tân Ước ta cũng thấy trích dẫn rất nhiều sách trong Thánh Kinh Cựu Ước, trừ ra bốn sách.

Chính sử gia Josephus vào khoảng năm 95 cũng đã đưa ra một danh sách xác nhận các cuốn sách trong Thánh Kinh Cựu Ước.

Thánh Kinh Cựu Ước đã được Môi-se hay là Mai-sen ghi chép, các nhà tiên tri, sứ giả của Chúa vâng lời Chúa ghi lại các mệnh lệnh

của Ngài, cũng có các tác giả khác được thần ứng viết ra, cuối cùng được dân Thánh sử dụng trong thời đại trước khi Chúa Giê-xu xuống đời và tiếp tục cho đến ngày nay.

C. Lịch sử Quy điển Thánh Kinh Tân Ước.

Bộ Thánh Kinh Tân Ước được tuyển chọn theo một trình tự rất tự nhiên:

1. Tân Ước ghi lại lời của chính Chúa Giê-xu, những lời này hoàn toàn có thẩm quyền ngay từ khi Chúa khởi đầu chức vụ giảng truyền Phúc âm.

2. Tân Ước ghi lại lời tường thuật của những người trực tiếp nghe Chúa dạy. Những lời này được coi như lời thật của Chúa.

3. Tân Ước có những lá thư của các Sứ Đồ gửi đi, được các cộng đoàn tín hữu đọc và phổ biến, được coi như lời dạy trực tiếp của các Sứ Đồ. Chúa Giê-xu chắc chắn đã uỷ nhiệm cho các Sứ Đồ thẩm quyền này.

4. Khi các Sứ Đồ đã tử đạo, có một số lá thư phỏng theo lời dạy của các Sứ Đồ được lưu truyền thì người ta đặt ra vấn đề thẩm quyền của các thư đó.

Việc công nhận Tân Ước đã dần dần thực hiện trong thời gian khoảng ba trăm năm tất cả, và có thể tóm lược như sau:

1. Chọn những sách được ghi chép trong thời gian từ 50 đến 100 năm sau Công nguyên.

2. Các sách này được thu thập và đọc trong các cộng đoàn dân Chúa từ năm 100 đến năm 200.

3. Các sách này được xem xét kỹ lưỡng và đối chiếu với các bản văn giả hiệu có trong khoảng từ năm 200 đến năm 300.

4. Hội Thánh đồng ý về toàn bộ Tân Ước vào khoảng năm 300 đến 400.

Không có một Công đồng nào chịu trách nhiệm về việc thu thập và công bố danh sách các sách được công nhận trong Tân Ước cả.

Vào thế kỷ thứ tư thì các sách trong Tân Ước được xếp làm hai loại:

1. Các sách được tất cả các cộng đoàn dân Chúa công nhận. (Sách Khải thị và thư Hê-bơ-rơ bị một số cộng đoàn không hoàn toàn đồng ý).

2. Các sách mà một số cộng đoàn chống, nhưng đa số công nhận. Các sách này là Gia-cơ, Phi-e-rơ thứ hai, thư Giăng 2,3 và thư Giu-đe.

D. Sự công nhận tuyển tập Thánh Kinh được định như thế nào?

Đây là một vấn đề quan trọng, ta sẽ xét về ba khía cạnh chính:

1. *Thẩm quyền của những người viết Thánh Kinh.* Các sách trong Thánh Kinh đa số là do các người đã được công nhận là do Chúa chỉ định để giải bày ý chỉ của Ngài và đã viết ra. Họ là người truyền lại giáo luật của Chúa, các nhà tiên tri trong thời Cựu Ước và các Sứ đồ và những người cộng tác thân tín của họ trong thời Tân Ước. Riêng các sách trong Tân Ước thì thẩm quyền Sứ đồ là tiêu chuẩn, nghĩa là có các Sứ Đồ ký tên hoặc xưng tên.

2. *Các bằng chứng bên ngoài.* Sự đồng ý giữa các cộng đoàn dân Chúa đương thời đối với giá trị lịch sử của Thánh Kinh rất là quan trọng. Chính vì sự đồng ý lạ lùng này mà Kinh Tân Ước được công nhận.

3. Các bằng chứng bên trong:

a. Nội dung các sách được công nhận là có giáo lý thuần túy, hợp với lời dạy của các Sứ Đồ mà các Hội Thánh đã nhờ đó mà được rèn đúc nên. Thẩm quyền Sứ Đồ như vậy trở thành quan trọng nhất trong việc công nhận các sách của Kinh Tân Ước.

b. Thêm vào đó, các cuốn sách trong Kinh cũng phải có một tính chất tự xác nhận là lời Chúa chứ không phải lời của người. Thánh

Linh cho con người khôn ngoan để biện biệt lời Chúa và lời người. Có thể nói rằng tiếng của Thánh Linh trong Thánh Kinh trả lời cho tiếng của Thánh Linh trong tâm hồn người tin Chúa.

Người đọc Thánh Kinh nhận thấy rằng Thánh Kinh có tầm quyền cao cả và người sống với Thánh kinh kinh nghiệm được khôn ngoan, sáng suốt nếu vâng theo trọn lời dạy của Thánh Kinh. Sự kiện Thánh Kinh tồn tại trong lịch sử nhân loại qua 2000 năm và hằng ngày trên thế giới có hằng triệu người đọc và nghe Thánh kinh cũng đủ chứng minh rằng Thánh Kinh không phải là một cuốn sách tầm thường, nhưng đã được Chúa thần ứng để hình thành và làm ánh sáng cho muôn đời về sau.

3. Thần ứng hay Thần cảm của Thánh Kinh.

A. Thần cảm là gì?

Trong ngôn ngữ Hi Lạp chữ THEOPNEUSTOS có nghĩa là Thượng Đế hà hơi. Ta có thể dịch là Thần cảm hay Thiên Chúa cảm ứng. Chữ này chỉ thấy Thánh Kinh ghi lại một lần, đó là trong 2 Ti-mô-thê 3:16 "Cả Kinh thánh đều được Thượng đế cảm ứng, có ích cho việc dạy dỗ, khiển trách, sửa trị, đào luyện con người theo sự công chính." Thần cảm tức là việc Thánh Linh chế ngự, điều khiển và hướng dẫn người viết trong mục đích đặc biệt. Ta cần nhớ các điểm sau đây liên quan đến thần cảm:

1. Bản chất, cách thức và các giới hạn của việc thần cảm không được Thánh Kinh định nghĩa rõ ràng. Nhưng ta có thể đọc các dẫn chứng trong 2 Sử Ký 15:1 "Thần của Đức Chúa Trời cảm động A-xa-ria..." Hay trong Ma-thi-ơ 22:43 "...Vua Đa-vit được Thánh Linh cảm động..." Hoặc là trong 2 Phi-e-rơ 1:21 "Vì không có lời tiên tri nào trong Thánh Kinh do các tiên tri tự nghĩ ra, nhưng chính Chúa Thánh Linh đã cảm ứng họ nói ra lời của Thượng Đế."

2. Các khó khăn liên quan đến việc Thần cảm cũng tương đương như khó khăn trong việc diễn tả Chúa Cứu Thế Giê-xu vừa có Thần tính lại vừa có nhân tính.

3. Khi nghiên cứu về vấn đề Thượng Đế cảm ứng tâm trí con người ta phải nhận rằng khả năng của tâm trí ta quá nhỏ bé không thể nào hiểu được một điều thần bí.

B. Phương Cách Thần Cảm.

Không ai có thể định nghĩa thật chính xác về phương cách thần cảm, vì chúng ta không thể nào biết được cách Thánh Linh vận dụng tâm trí của người viết như thế nào, tuy nhiên ta cần nắm vững các điểm sau đây:

1. Cá tính của người viết không bị thay thế. Nhiều cuốn sách trong Thánh Kinh còn giữ nguyên cả những đoạn văn chứng tỏ rằng bản chất của người viết cũng như tính tình của người ấy đã được Thánh Linh sử dụng và còn quan trọng đối với sứ điệp Chúa truyền bảo nữa.

2. Chúa dụng ý chọn một số người trong các tầng lớp của xã hội, huấn luyện họ qua những kinh nghiệm, sao cho lời Thánh Kinh họ viết ra gắn sát với các hoàn cảnh đa diện của đời sống con người.

3. Thánh Kinh cũng không được hình thành một cách máy móc, nghĩa là người viết chỉ biết ghi chép. Lời suy tư của người viết cũng không bị thay thế. Mặc dù người viết không phải luôn luôn hiểu được ý nghĩa thứ hai của các lời họ viết, họ vẫn ý thức được rằng đó là những sứ điệp của Chúa trao cho họ để truyền cho thế hệ họ đang sống và những thế hệ nối tiếp.

4. Mặt khác, mặc dù người viết được phép sử dụng những gia phả, những bản thống kê và các tài liệu người ấy có, Thánh Kinh cho hay rằng Thánh Linh đã kiểm soát chế ngự người viết cẩn thận đến nỗi người ấy không thể đưa vào Thánh Kinh một điều nào sai lạc. Như là sai lầm trong lịch sử, mô tả không chính xác hay là diễn tả nhầm một giáo lý để đến nỗi làm hại cho sự mạc khải trong bản văn hay là làm giảm thẩm quyền của mạc khải đó.

5. Thần cảm của Thánh Kinh là loại thần cảm từng lời, nghĩa là sứ điệp thần cảm được trình bày ra thành từng lời, la lời đã được Thánh Linh chuẩn nhận. Đây cũng không phải là cách như đọc chính tả máy móc. Tác giả mô tả bằng ngôn ngữ của loài người

những gì mà người ấy thấy được qua mạc khải của Chúa, tất nhiên là phải dùng đến trí óc và tài diễn tả của người ấy.

C. *Tâm Cảm của Thần Cảm.*

Thần cảm có giới hạn như thế nào cũng là một điều không ai định nghĩa được. Nhưng ta có thể ghi nhận các đặc điểm sau đây:

1. Các nhà thần học Tin lành chủ trương rằng tất cả Thánh Kinh được tuyển chọn hay công nhận (Canon) đều được Thần cảm. Nói khác đi, toàn bộ các sách trong Cựu và Tân Ước đều là do Thánh Linh của Thượng Đế tác thành, trừ ra một vài chỗ sai do người chép kinh và lối dịch chưa được sát nghĩa của người dịch Kinh, các lỗi này thật ra cũng không làm hại gì đến lời dạy chính của Thánh Kinh.

2. Tất cả Thánh Kinh đều do Chúa thần cảm, nhưng mỗi phần, mỗi sách khác nhau trong mục đích và cách áp dụng. Sự khác biệt ấy không phải là khác biệt về thần cảm. Thí dụ như người học Thánh Kinh không thể nào nói rằng Phúc âm Giảng được thần cảm nhiều hơn là sách Truyền đạo. Phúc âm Giảng là mạc khải về Con của Thượng Đế còn sách Truyền đạo là một tuyển tập những kết quả của đời người chạy theo hạnh phúc, tương phản với mạc khải thiêng liêng.

D. *Sự Hòa Hợp giữa Con người và Thượng Đế.*

Trí óc con người chúng ta khó hiểu nổi bản chất và chiều kích của sự thần cảm là vì chúng ta phải đối đầu với một sự giải thích rất phức tạp, đó là: Sự Hòa Hợp giữa con người và Thượng Đế. Thượng Đế ở nơi nào thì nơi ấy huyền nhiệm. Nhưng cũng chính từ điểm này mà ta thấy được vinh quang của Mạc Khải Cơ-đốc-giáo. Thượng Đế không phải là một đối tượng thờ phượng không mang cá tính, từ thiên nhiên xuất phát, cũng không phải là một triết lý nhân sinh từ đâu trên trời rơi xuống hiện lên trên các bảng đá. Thượng Đế thực sự đã hiện ra và đã sống giữa nhân loại trong hình hài một người. Và mạc khải chữ viết của Chúa đã đến với con người trong một hình thức quan hệ rất sống động với mạc khải sống, là Chúa Giê-xu, và đã được đưa lại gần với hiểu biết hạn hẹp của con người.

Ta hãy so sánh các dẫn chứng sau đây:

Mạc Khải Sống tức là Chúa Giê-xu đã được đưa vào thế giới loài người một cách rất huyền nhiệm, không cần vai trò của một người cha, Thánh Linh làm việc ấy. Mạc Khải Chữ Viết cũng được hình thành tương tự như thế, không cần đến vai trò của triết học, Thánh Linh cũng làm việc ấy.

Người mẹ của Chúa Cứu Thế vẫn là một bà mẹ như mọi người, và kinh nghiệm của bà cũng không khác gì kinh nghiệm của các bà mẹ, trừ ra một điều là bà Ma ri biết rõ đứa con mình cưu mang chính là Đấng Cứu Chuộc của Israel mà người ta vẫn trông mong. Các tác giả viết Thánh Kinh cũng là những con người, và kinh nghiệm của họ cũng tự nhiên như người khác, dù rằng đôi khi họ ý thức được rằng Thượng Đế đã truyền qua họ một sứ điệp cho thế giới, và sứ điệp ấy hoàn toàn khác biệt. Bà Ma-ri mẹ Chúa cũng đã sinh thêm các con khác theo cách sinh nở bình thường; và các người viết Thánh Kinh cũng có thể là đã viết các sách khác, mà không được kể vào Thánh Kinh. Quan trọng hơn cả là tính Trời-Người trong Chúa Cứu Thế Giê-xu chỉ là một, và không ai có thể nghiên cứu phân ích được. Nghĩa là không có trường hợp nào ghi lại mà chúng ta có thể nói là lúc ấy Chúa hoàn toàn ở trong tư tưởng thần linh, và lúc khác lại trong tư tưởng con người. Cả hai bản chất ấy đã hợp nhất trong một cá thể không chia rời ra được. Tóm lại, trong Thánh Kinh, các yếu tố thần linh và loài người đã được hòa lẫn đến nỗi khó có thể phân biệt.

E. Tính Cách Dễ Hiểu Rõ Ràng.

Nhiều người lầm tưởng rằng đôi khi Thánh Kinh không rõ nghĩa nên cần phải được một thẩm quyền nào khác để giải thích hay là sửa chữa lại. Các điều sau đây giúp ta minh định quan niệm:

1. Thánh Kinh đã được viết ra cho mọi thời đại và cho mọi người trong mọi tầng lớp của xã hội cũng như trình độ học thức. Mạc Khải của Chúa là để cho con người hiểu được chứ không phải là loại kinh đọc mà không hiểu gì cả.

2. Thánh Kinh được viết ra bằng tiếng Hê-bơ-rơ và tiếng Hi-lạp,

vì vậy thấu đáo các ngôn ngữ ấy cũng như phân tích rõ lịch sử trong quá khứ, có thể giúp con người hiểu mọi cách nói và mọi hình thức trình bày trong Thánh Kinh.

3. Những gì chúng ta coi là tối nghĩa ngày nay khác hẳn với những điều mà các Hội thánh ngày xưa thắc mắc. Nghĩa là các điều tối nghĩa sẽ dần được sáng tỏ với các phương pháp phân tích khoa học hiện đại vào những thời đại sẽ tới.

F. Tính cách đầy đủ.

Khi tin nhận Chúa, chúng ta có Thánh Kinh là ánh sáng soi cuộc đời của mình trong lĩnh vực đức tin, Thánh kinh là thẩm quyền duy nhất vì các lý do sau đây:

1. Thánh Kinh ghi lại tất cả những gì đầy đủ cho sự cứu rỗi, vì thế những gì Thánh kinh không ghi, hay không được minh chứng bằng Thánh Kinh thì không thể coi là tín lý.

2. Tự Thánh Kinh cho ta biết rằng Thánh Kinh đầy đủ và có thẩm quyền sau cùng về mọi địa hạt tâm linh của con người.

3. Thánh Kinh đã được hoàn thành, nghĩa là hoàn toàn đầy đủ trong nội dung, không cần một tài liệu nào khác bổ túc thêm. Vì đây là toàn bộ mạc khải của Chúa cho con người.

4. Trong đời sống của giáo hội và cá nhân Thánh Kinh chứng minh là đầy đủ để hướng dẫn mọi hoàn cảnh, mọi thời đại, tuổi tác, địa vị, dân tộc, địa dư v.v.

5. Lịch sử giáo hội chứng minh Thánh Kinh là đầy đủ. Nơi nào người ta cố thêm các tài liệu khác bên cạnh Thánh Kinh thì nơi ấy sẽ có thói nát, tham nhũng, hư hỏng.

G. Thánh Kinh tự giải thích.

Trước tiên ta cần nhận định rằng Thánh Linh đã thần cảm Thánh Kinh Ngài cũng sẽ tiếp tục giải thích Thánh Kinh cho con người nữa. Chúa Giê-xu đã báo trước rằng Thánh Linh là đấng giải bày, là

thầy dạy, và là người hướng dẫn các môn đệ của Chúa để hiểu được lời của Ngài.

Các điểm sau đây cũng giúp chúng ta trong việc tìm hiểu Thánh Kinh:

1. Thánh Kinh chứa đựng những nguyên tắc mà ta có thể căn cứ vào đó để định nghĩa bất cứ một câu nào khác.

2. Tân Ước thường trích dẫn nhiều lời trong Cựu Ước đã được ứng nghiệm, hoặc là các sứ đồ trích dẫn để giải thích hay làm dẫn chứng. Người đọc Thánh Kinh cũng có thể áp dụng nguyên tắc này để đối chiếu, so sánh và tìm ra các ý nghĩa các câu hay đoạn văn Thánh Kinh. Đây là cách giải thích Thánh Kinh chính xác nhất và hay nhất.

H. Thánh Kinh là Thẩm Quyền Tối Hậu.

Thông thường về vấn đề tôn giáo người ta nói rằng có ba điều được coi là có thẩm quyền nhất, nghĩa là đáng tin và đáng tuân phục nhất. Ba điều đó là: Lý trí, Giáo Hội và Thánh Kinh. Ba điều này không có thẩm quyền như nhau, và đôi khi phải phối hợp cả ba.

1. LÝ TRÍ. Lý trí không trở thành một nguồn thẩm quyền được nữa, vì Lý Trí đã bị tội ác làm hư hỏng. Lý trí lại không đầy đủ và không phù hợp trước sau. Người ta thường không biết phân biệt giữa nguyên tắc của Lý trí và thực hành khả năng lý luận trên bất cứ một chủ đề đặc biệt nào. Một người có thể sử dụng Lý trí sai lạc và có thể nhân danh thẩm quyền của Lý trí mà tuyên bố điều này điều nọ, nhưng như thế là áp dụng sai nguyên tắc của Lý trí. Kết quả là một lý thuyết hôm nay có thể là thích thời, nhưng ngày mai đã bị loại bỏ. Trong một vài trường hợp đem Lý trí mà giải thích một vài khía cạnh của niềm tin, người ta đã đi đến chỗ lạc đường. Lý trí vì thế không thể nào đặt vào chỗ soạn thảo Giáo lý, mà chỉ đóng vai trò khảo sát hay kiểm nghiệm mà thôi.

2. GIÁO HỘI. Giáo Hội có một thẩm quyền dù hiểu theo nghĩa giáo hội của một nước hay là một cộng đoàn dân Chúa hoàn toàn độc lập hoặc là theo nghĩa phổ quát, là tất cả những người tin Chúa thật. Giáo Hội có một phần thẩm quyền, nhưng chia là để phục vụ

cho Lời Chúa. Người ta vẫn lầm tưởng là có Giáo hội mới có Thánh Kinh, vì thế nghĩ rằng Giáo Hội có thẩm quyền hơn Thánh Kinh. Thật ra chính Thánh Kinh đã hình thành Giáo Hội, và nhiệm vụ chính của Giáo hội là phổ truyền Lời Chúa cho mọi người ở mọi thế hệ.

3. THÁNH KINH. Riêng về Thánh Kinh thì người Tin Lành dù theo giáo phái nào cũng vẫn giữ lập trường đặt Thánh Kinh ở chỗ thẩm quyền cao nhất. Nói như vậy không có nghĩa là coi nhẹ Lý trí và Giáo Hội, nhưng Giáo Hội là thẩm quyền thứ hai sau Thánh Kinh và Lý trí là thẩm quyền xác nhận.

Theo đó ta cũng có thể hiểu là những bản Tín điều hợp thông, những quyết định của các Công đồng chung, các bản Tín Lý và quyền hành của tất cả các giáo hội hiện đại phải được coi là thẩm quyền thứ hai sau Thánh Kinh. Những phát biểu của Giáo Hội phải được chứng nghiệm bằng lời Thánh Kinh thì mới có giá trị.

PHẦN THỨ HAI

THƯỢNG ĐẾ

I. Bản Thể Của Thượng Đế.

A. Căn bản của chủ thuyết Hữu Thần.

1. Có thể định nghĩa Chủ Thuyết Hữu Thần là niềm tin vào một Thượng Đế hiện hữu, cầm quyền trên vũ trụ và thế giới. Thượng Đế là Đấng Tối Cao mà loài người tôn thờ là Chủ của nhân loại và vạn vật.

2. Thánh Kinh không có mục đích chứng minh sự hiện hữu của Thượng Đế, vì ngay câu mở đầu Thánh Kinh đã ghi ngay: "Ban Đầu Thượng Đế tạo dựng nên trời đất..." Tuy nhiên cả Thánh Kinh đều hàm ý rằng không ai có thể chối cãi được là Thượng Đế hiện hữu; con người bị tội ác làm mù tâm trí, đã từ chối Ngài mà thờ phượng thần tượng giả trá. Con người tội ác cũng không thể nào nhận được mạc khải về bản chất của Thượng Đế trong lĩnh vực tự nhiên, nên ý thức về Thượng Đế hoàn toàn phải do từ các nguồn siêu nhiên.

3. Mặc dù trong tự nhiên không có đầy đủ các chứng minh làm thỏa trí thức về Thượng Đế hiện hữu, vẫn có một số điều mà nếu đem phối hợp lại cũng có thể coi là lý luận rất mạnh để nói rằng Thượng Đế có thật.

4. Trực giác trong tâm hồn mỗi người trên khắp thế giới đều biết rằng có một Đấng tối cao đáng được tôn thờ. Mặc dù trực giác này được biểu lộ bằng rất nhiều cách khác nhau, trên căn bản vẫn có một bản chất ở mọi thời đại và trong mọi dân tộc như nhau. Đây cũng là một điều chứng minh rằng người ta vẫn biết có một Thượng Đế thiêng liêng, và Thượng Đế có thật. Người ta lại còn quan niệm rằng Thượng Đế là một Đấng cá biệt, có năng quyền siêu việt và hoàn toàn thánh thiện. Tâm trí con người sẽ không chịu thỏa mãn

nếu nghe người nào mô tả Thượng Đế mà không có bản thể, không có năng quyền hoặc là không hoàn toàn.

B. Các Lý Luận Triết Học.

Sau đây là các lý luận chính hay các bằng cứ cổ truyền biện minh cho niềm tin sự hiện hữu của Thượng Đế tối cao:

1. **BẢN THỂ LUẬN (Ontological).** Theo lịch sử thì bằng cứ này được đưa ra sau cùng, tuy nhiên theo logic thì bằng cứ này phải đặt ở hàng đầu. Đây là một lý luận dựa trên ý niệm về sự hoàn hảo, đó là: Tôi có một ý niệm về một Đấng hoàn toàn nhất, Đấng ấy phải ở ngoài mọi giới hạn. Hơn nữa Sự Thực phải vượt cao hơn Sự Khả Dĩ (có thể). Nghĩa là Sự Thực phải hơn Sự Có Thể. Nếu Đấng Siêu Việt hoàn hảo nhất mà theo logic chỉ là Khả Dĩ, nghĩa là Có Thể có thật, thì không thể nào có thật được. Như vậy phải kết luận rằng Đấng Siêu Việt hoàn toàn nhất phải hiện hữu, nếu không tôi lại có thể nghĩ đến một Đấng Hoàn hảo hơn, và như thế là mâu thuẫn.

2. **VŨ TRỤ LUẬN (Cosmological).** Lý luận này cũng đặt cơ sở trên Bản thể luận. Lý luận này nói rằng: Vũ trụ này không thể tự hữu được, nghĩa là tự nhiên mà có. Bằng chứng là tất cả các hiện tượng đều được giải thích bởi một nguyên nhân nào đó ở bên ngoài các hiện tượng. Thí dụ như hơi nước vì lạnh đông lại rơi xuống thành mưa. Như vậy mưa là một hiện tượng được giải thích bằng nguyên nhân hơi nước vì lạnh đông lại rơi xuống. Con người chúng ta có khuynh hướng đi tìm nguyên nhân của sự việc. Nếu trái đất này có một nguyên nhân, thì nguyên nhân ấy phải hoàn toàn độc lập. Vũ trụ này đòi hỏi có một nguyên nhân, dù rằng vũ trụ hiện hữu từ vĩnh cửu đi nữa. Nghĩ rằng phải có một Đấng tự quyết định thì tư tưởng chúng ta mới thỏa mãn được. Ngày nay khoa học đã tiến bộ nhưng cũng không bao giờ cổ võ cho một vũ trụ độc lập, nghĩa là tự xuất hiện.

3. **MỤC ĐÍCH LUẬN (Teleological).** Đây là lý luận đặt cơ sở trên Kiểu Mẫu. Các sức mạnh tự nhiên và sự thích nghi của sinh vật đối với các sức mạnh đó làm cho người ta phải nghĩ rằng có một mẫu mực, một kế hoạch ở đằng sau thế giới này. Kiểu mẫu hay kế hoạch đó phải có tác giả. Lý luận này cho ta biết về bản chất

của tác giả đó hơn là chứng minh rằng tác giả ấy hiện hữu. Nghĩa là tất nhiên phải có một nguyên nhân đầu tiên. Đó là nguyên nhân khôn ngoan nhất.

4. **NHÂN LOẠI LUẬN (Anthropological).** Lý luận này nói rằng phải có một cá thể, một trí óc và ý chí lớn hơn và ở ngoài cá thể, trí óc và ý chí của con người.

Người ta nhận thấy rằng các lý luận trên đây liên quan đến các khía cạnh khác nhau về bản chất của Thượng Đế. Bản Thể Luận nói về đức Hoàn Toàn của Ngài; Vũ Trụ Luận nói Ngài là Nguyên Nhân Đầu Tiên; Mục Đích Luận nói về đức Khôn Ngoan của Ngài; và Nhân Loại Luận nói về Bản Chất Cá Biệt của Ngài.

C. Biện Luận Về Thượng Đế qua vai trò của Chúa Giê-xu.

Biện luận này căn cứ vào sự tin tưởng rằng các hiện tượng đã đưa đến việc hình thành Cơ-đốc-giáo đưa ra bằng chứng mạnh mẽ chứng minh về sự hiện hữu của Thượng Đế. Các hiện tượng này gồm cả con người đặc biệt và duy nhất của Chúa Giê-xu và lời tuyên xưng của Ngài rằng Ngài chính là Mạc Khải của Thượng Đế, Ngài là Con Thượng Đế; rồi việc Chúa Phục sinh và sự hình thành Giáo hội qua các bài giảng về Chúa Phục sinh. Lý luận này đa diện, cố tìm cách chứng minh các dữ kiện trong Kinh Tân Ước là phù hợp và rút ra kết luận rằng Thượng Đế chắc chắn phải hành động qua Chúa Giê-xu, vì đó là điều tất yếu.

II. Bản chất của Thượng Đế.

Về sự hiện hữu của Thượng Đế người ta có thể dùng các lý luận triết học để chứng minh, tuy nhiên về bản chất của Thượng Đế thì ngoài mạc khải ra, chúng ta không có cách nào khác để biết cả.

Bản chất hay thuộc tính của Thượng Đế là những đặc tính tạo thành Thượng Đế và cá tính của Ngài. Khi nói về bản chất của Thượng Đế ta cần nhớ các điểm sau đây:

1. Dù rằng thuộc tính của Chúa được liệt kê ra riêng rẽ, mỗi thuộc tính đều phải coi là tương quan mật thiết với nhau. Phân tích từng

thuộc tính của bản chất thiêng liêng riêng rẽ giúp ta hiểu được toàn diện về sự vĩ đại của Thượng Đế.

2. Những thuộc tính của Thượng Đế cho chúng ta biết về thực chất của Ngài. Thượng Đế không thể là Thượng Đế nếu Ngài không phải là Đấng vô hạn, thánh thiện, toàn tri v.v. Thuộc tính của Ngài không phải là những đặc tính như kiểu ta nói về thuộc tính của loài người, vì thuộc tính của Chúa là vẹn toàn.

3. Dù chúng ta có thể nói bản chất của Thượng Đế là tổng hợp tất cả các thuộc tính của Ngài, chúng ta cũng không thể nghĩ đến các thuộc tính đó như là các phần của bản thể Thượng Đế. Toàn thể bản thể của Thượng Đế chính là Thánh thiện, toàn năng v.v.

4. Các sách trong Thánh Kinh mô tả thuộc tính của Thượng Đế để hiểu nhất là những sách sùng kính cá nhân, hay trình bày kinh nghiệm niềm tin sâu xa như Thi Thiên chẳng hạn. Điều này nhắc chúng ta về sự thờ phượng trong ý thức nhận định về bản chất của Thượng Đế là quan trọng.

Về thuộc tính của Thượng Đế thì người ta có thể phân chia ra theo ba cách sau đây:

1. Hệ thống thứ nhất chia các thuộc tính ra làm ba loại:

a. Những thuộc tính thuộc về bản chất tuyệt đối của Thượng Đế, như: sự vô hạn, tự hữu V.V.

b. Những thuộc tính thuộc về bản chất riêng của Thượng Đế như: sự tự do và cá tính riêng của Ngài.

c. Những thuộc tính đặc biệt như: toàn tri, toàn hiện diện.

2. Hệ thống thứ hai chia các thuộc tính của Chúa làm hai loại:

a. Các thuộc tính liên hệ, như liên hệ với công việc tạo hóa.

b. Các thuộc tính không liên hệ.

3. Hệ thống thứ ba chia ra hai loại thuộc tính là:

a. Thuộc tính tự nhiên.

b. Thuộc tính đạo đức.

Sau đây chúng ta sẽ nghiên cứu về các thuộc tính của Chúa theo cách phân loại thứ ba, nghĩa là có Thuộc tính tự nhiên và Thuộc tính đạo đức.

a. Thuộc tính tự nhiên:

1. Vô cùng

Vô cùng vô tận là một ý niệm mà con người không sao hiểu được. Người ta thường hay nghĩ vô cùng là vô hạn. Không một người nào có thể quan niệm được cái vô cùng về số lượng, nhưng có thể chấp nhận ý niệm về một Đấng không bị ràng buộc bởi bất cứ một giới hạn nào. Khi nói thánh khiết hay thương yêu vô cùng thì không phải nói về số lượng, mà nói về tính cách thánh khiết hay yêu thương không có một giới hạn và không hề thiếu sót. Như vậy tính vô cùng trong Thượng Đế là nội tại và không hề có một giới hạn nào cũng như khuyết điểm nào và hoạt động không có giới hạn.

2. Cá tính và tự do

Người ta định nghĩa Thượng Đế là Thần linh tự do cá tính.

(i) Cá tính trong Thượng Đế là điều mà trí óc con người khó hiểu. nhưng thánh Kinh nhấn mạnh về điểm này. Thánh Kinh mô tả Thượng Đế có cá tính, có trí óc, tình cảm, ý chí, tự do. Nhưng Chúa là Thần Linh nên cá tính của Ngài hoàn toàn chứ không giới hạn như cá tính của một người.

(ii) Tự do là một yếu tố trong cá tính của Thượng Đế. Thường thường Thánh Kinh để cho người đọc tự nhận ra sự tự do của Thượng Đế. Đôi chỗ trong Thánh Kinh cũng nói rõ Thượng Đế là nguyên nhân có cá tính tự do, cầm quyền trên mọi đời sống. Như Ê-phê-sô 1:11.

3. Không thay đổi và vĩnh hằng.

Thánh Kinh tuyên bố rõ rằng Thượng Đế hằng cửu và không thay

đối (I Ti-mô-thê 1:17) Nghĩa là Chúa không bị thời gian và không gian giới hạn và thuộc tính của Thượng Đế không thay đổi. Thí dụ như tình thương của Chúa là một sức mạnh hằng còn, không phải chỉ là một cảm xúc nhất thời mà thôi.

4. Siêu việt và luôn luôn tự tại hay hiện diện.

Siêu việt nghĩa là Chúa tự hữu, hoàn toàn không bị ràng buộc với tạo vật của Ngài. Thượng Đế ở ngoài thế giới và tạo vật của Ngài. Ngài là Đấng sáng tạo và quan tòa phán xét thế gian.

Tự tại nghĩa là Ngài có mặt trong mọi sự vật, hữu cơ cũng như vô cơ. Ngài an bài chi phối vạn vật. Sứ Đồ Phao lô trong bài thuyết trình ở ngọn đồi Hỏa Thần khi xưa đã nói đến cả hai thuộc tính này: "Thượng đế, Đấng sáng tạo vũ trụ vạn vật, là Chúa của Trời Đất, nên không ngự trong đền thờ do tay người ta xây dựng. Chúa không thiếu thốn gì hết, không cần loài người phục dịch, vì chính Ngài ban sự sống, hơi thở và mọi vật cho mọi người. Chúa tạo nên loài người, sinh thành chủng tộc khắp mặt đất, ấn định thời gian và lãnh thổ cho họ sinh hoạt... Chúa chẳng xa cách ai cả, vì trong Chúa chúng ta được sống, hoạt động và hiện hữu."

Các thuộc tính vừa kể cần phải phân biệt rõ và cũng phải cân nhắc cẩn thận. Nếu không quan niệm đúng, có thể đưa đến quá khích hay đi lạc chân lý. Nhấn mạnh vào một thuộc tính này là phủ nhận thuộc tính kia. Như trong trường hợp của phái triết học Bất Khả Tri, nhấn mạnh đến tính cách huyền nhiệm không thể nào hiểu được của Thượng đế, vì thế cho rằng không có cách nào biết Thượng Đế được. Phái Thần Thuyết nhấn mạnh về tính siêu việt của Chúa. Đa Thần Thuyết nhấn mạnh về tính tự tại của Chúa và cho rằng Chúa ở trong tất cả vạn vật. Thuyết Hữu Thần lại nhấn mạnh về cá tính của Chúa.

Tính tự tại ngày xưa người ta gọi là có mặt ở khắp mọi nơi cùng một lúc. Nghĩa là Chúa không bị giới hạn bởi không gian. Không có gì ở ngoài Chúa hay cách xa Chúa cả. Ngài luôn luôn có mặt ở bất cứ nơi nào.

5. Tri thức toàn diện. Có khi người ta gọi là vô sở bất tri. Đây là tri thức của Thượng Đế. Tri thức ấy hoàn toàn và tuyệt đối. Thượng

Để biết tương lai cũng như quá khứ, dù là trong trí óc con người. Đối với Thượng Đế, có thể nói quá khứ, hiện tại và tương lai đều hiện ra cùng một lượt, vì Ngài không bị giới hạn trong thời gian.

6. Toàn năng.

Quan niệm về quyền năng của Thượng Đế phải tách rời ra khỏi những cách sử dụng năng lực của con người. Năng lực của con người là sự sử dụng ý chí. Ý chí hạn chế và điều khiển năng lực đã có. Ở Thượng Đế thì quyền năng phải được coi là luôn hoạt động.

Có ba điều ta cần quan tâm:

(i) Quyền năng của Chúa không thực hiện những việc mâu thuẫn. Thí dụ Chúa không thể khiến $7 \times 6 = 9$. Hoặc là những hành động không thích hợp với bản chất hoặc là trái với các thuộc tính của Ngài, vì các thuộc tính của Chúa bao giờ cũng phù hợp và phù hợp với nhau.

(ii) Quyền năng của Chúa có những giới hạn có thể nói là tự đặt ra. Chúa theo một số định luật mà chính Ngài đặt ra.

(iii) Chúa thường hành động qua những phương tiện thường. Thí dụ như khi Chúa chữa tật bệnh, Chúa có thể sử dụng quyền năng để cho mọi người thấy, nếu Chúa muốn, nhưng Ngài chỉ làm với cách thức thông thường.

Trên đây là các thuộc tính tự nhiên của Thượng Đế, sau đây là các *Thuộc tính đạo đức của Ngài*:

1. Thiện Lành.

Thượng Đế luôn luôn đem lại lợi ích cho tạo vật của Ngài. Trong cuộc sáng tạo, Thượng Đế không hề hoạch định một điều gì ác độc. Thượng Đế tạo nên vũ trụ với khuynh hướng thiện lành, một khuynh hướng thường bị tính chất độc ác và ngu dại của loài người đe dọa phá hỏng. Thánh Kinh nhấn mạnh đến các khía cạnh của thuộc tính thiện lành như là thương yêu, tử tế, thương xót, nhân nại và dịu dàng. Nghĩa cử cao nhất của tình thương được tỏ ra qua sự cứu chuộc, và chữ dịu dàng hay ân huệ trong Kinh Tân Ước là đức

kết nhiều chữ trong Kinh Cựu Ước đã dùng để mô tả sự toàn hảo của đức tính thiện lành này.

2. *Thánh Khiết.*

Trong Kinh Cựu Ước đức thánh khiết của Chúa được nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Danh hiệu của Chúa thường thấy là "Đấng Thánh của Israel" Danh hiệu này có nghĩa là Chúa hoàn toàn cách biệt với những gì phàm tục. Đức tính này còn mang tính chất cao cả và tách biệt khỏi bất cứ điều gì hữu hạn và không hoàn hảo. Chúng ta phải tự nhắc mình về sự quan trọng của đức tính hoàn hảo tuyệt đối này trong Chúa, vì không chú trọng vào đức tính này thì cuộc thờ phượng sẽ thiếu sót vô cùng.

3. *Công Chính.*

Đối với người thì chữ công chính có nghĩa là làm điều phải. Đây chỉ là một nghĩa trong đức công chính của Chúa, vì Chúa là đấng vĩnh hằng, và hoàn toàn công chính. Bản chất của chúa là công chính và Ngài không thể nào hành động ngược lại với đức tính này. Liên hệ với đức công chính là công bằng, chân thật và thịnh nộ. Người ta bảo rằng: Rất khó quan niệm được vì sao Chúa công chính mà thế giới đầy dẫy bất công, bất bình đẳng, và những nỗi thương đau? Người theo Chúa có thể trả lời rằng:

a. Những nỗi bất công, bất bình đẳng và đau thương của con người đã có từ khi loài người từ bỏ Thượng Đế, đó là hậu quả của mức độ tự do được trao cho một sinh vật hữu hạn.

b. Ân sủng của Chúa vẫn còn tiếp tục giới hạn điều ác, và cố gắng để cho con người vẫn sử dụng được tự do lựa chọn của mình.

c. Cuộc cứu chuộc nhân loại sẽ đưa đến kết quả sau cùng là trời mới đất mới, là nơi công lý hoàn toàn ngự trị.

III. **Danh Hiệu của Thượng Đế.**

Người đọc Thánh Kinh thường thấy có nhiều danh hiệu khác nhau của Chúa, đôi khi không hiểu vì sao Chúa có nhiều danh hiệu

như vậy. Các danh hiệu như: Đức Chúa Trời, Đức Giê-hô-va, Chúa v.v. Chúng ta sẽ lần lượt học qua các danh hiệu này bằng nguyên văn Hê-bơ-rơ và dịch nghĩa tương đương trong tiếng Việt.

A. Các tên Tổng quát

1. EL Chữ này có khi Thánh Kinh Việt ngữ dịch là Đức Chúa Trời, thật ra mang một ý nghĩa rất tổng quát. Người Trung hoa dịch là Thần sát nghĩa hơn, vì Thần là chỉ chung các bậc thần linh, chân thần cũng như giả thần, ngay cả một hình tượng mà người ta tôn là thần cũng là chữ Thần này. Vì tính cách tổng quát nên khi dùng cho Thượng Đế, Thánh Kinh thường ghép chung với một thuộc tính của Thượng Đế. Thí dụ như trong Phục Truyền Luật Lệ Ký chương 5:9 "Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, tức là Đức Chúa Trời kì tà. Câu này đáng phải dịch là: Ta là Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của các ngươi tức là Thần kì tà. Thí dụ khác, trong Phục Truyền Luật Lệ Ký chương 4:31 cũng ghi: "Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, là Đức Chúa Trời hay thương xót." Câu này đáng ra phải dịch là: " Vì Giê-hô-va là Đức Chúa Trời các ngươi là Thần hay thương xót." Chữ EL hay Thần được ghi lại 250 lần trong Thánh Kinh. Chữ này cũng thường được ghép với các thuộc tính khác của Chúa và dùng như một tên khác như:

* EL ELYON, là Thần Chí cao mà Thánh Kinh Việt nam dịch là Đức Chúa Trời Chí Cao. (Xuất Ê-díp-tô-ký 14:18).

* EL OLAM là Thần Vĩnh Hằng, mà Thánh Kinh Việt nam dịch là Đức Chúa Trời hằng hữu. (Sáng thế ký 21:33).

* EL SHADDAI là Thần Toàn năng, Thánh Kinh Việt nam dịch là Đức Chúa Trời toàn năng. (Sáng 17:1).

b. ELOHIM. Chữ này là số nhiều của chữ EL. Mặc dù Thánh Kinh Việt Nam dịch là Đức Chúa Trời, ELOHIM được dùng khi nói về Chúa là Đấng sáng tạo, là thần hựu, là thần linh cao cả nhất. Chữ này được dùng khoảng 2000 lần trong Thánh Kinh. Chữ này dùng khi người ta không biết dùng chữ nào khác để mô tả vinh quang vĩ đại của Chúa trong vũ trụ vạn vật mà Ngài đã tạo nên

B. Tên Giao Ước.

Một tên thường hay ghi ở Kinh Cựu Ước hơn là Tân Ước là Giê-hô-va. Thật ra chữ này phải đọc là Yaweh, hay là Gia-vê mới đúng. Trong nguyên ngữ Hê-bơ-rơ chữ này chỉ để viết mà không bao giờ đọc lên, vì chỉ có các phụ âm YHWH, khi nào đọc thì người ta thay chữ này bằng chữ Adonai, có lẽ để khỏi xúc phạm đến Chúa. Chữ Giê-hô-va được người ta đặt ra từ thế kỷ thứ hai sau công nguyên để đọc danh hiệu của Chúa. Tuy nhiên vẫn có những người đọc là Gia-uê hay Gia-vê.

Giê-hô-va là một tên có tính cách giao ước giữa Chúa và dân tộc Israel. Giê-hô-va là danh hiệu Chúa xưng ra và cho loài người biết đến Ngài. Khác hẳn với chữ EL và ELOHIM là Thần với nghĩa tổng quát. Ta để ý thì thấy rằng sách Sáng Thế Ký mở đầu với danh hiệu ELOHIM tức là Thần, là Đức Chúa Trời, Đấng Sáng tạo. Nhưng bắt đầu từ chương hai, khi nói đến việc tạo thành sinh vật và loài người, nghĩa là thu hẹp vào thế giới loài người, thì dùng tên ghép Giê-hô-va Đức Chúa Trời. Chữ Giê-hô-va được Thánh kinh giải nghĩa là Đấng Tự Hữu Hằng hữu. Nghĩa là đấng tự có, hằng sống, tuyệt đối, không thay đổi.

Giê-hô-va được dùng 7000 lần trong Kinh Cựu Ước.

C. Các tên Đặc biệt.

Trong Cựu Ước còn thấy có những tên ghép của Chúa đi liền với tên Giê-hô-va, các tên này hoặc là ghép với một danh tự hay với một động tự. Thí dụ như:

* Giê-hô-va Di rê, nghĩa là Giê-hô-va sẽ thấy hay cung cấp (Sáng 22:14).

* Giê-hô-va Nissi, Nghĩa là Giê-hô-va ngọn cờ của tôi. (Xuất 17:15,16)

* Giê-hô-va Tsidkenu, nghĩa là Giê-hô-va sự công bình của chúng ta (Giê-rê-mi 23:6 và 33:16).

Nhân nói về các tên của Chúa, ta cũng nhận thấy trong Việt ngữ có nhiều tên để gọi Chúa như: Đức Chúa Trời, Thượng Đế, hay dân gian hơn thì chỉ gọi là Trời, hay Ông Trời, các chữ này đều tương

ương với chữ Thần của người Trung hoa, chữ Dieu của người Pháp, hay chữ God của người nói tiếng Anh. Riêng chữ Giê-hô-va một số học giả dịch là Chúa Hằng Hữu, cũng rất sát nghĩa. Ta cũng phải nhận thấy rằng quan niệm về Thần của người Trung hoa và Trời của người Việt Nam mang tính cách thiên nhiên chứ không xác định một ngôi vị như Đức Chúa Trời của Thánh Kinh.

Các nhóm chống nghịch với chủ thuyết độc thần.

Chủ thuyết độc thần là chủ thuyết tôn thờ một Chân Thần là Chúa, Thiên Chúa, Đức Chúa Trời, Thượng Đế, Giê-Hô-Va, như các danh hiệu đã kể bên trên. Các thuyết chống lại chủ trương này là:

1. Thuyết Vô Thần (Atheism)

Chủ thuyết này cho rằng không có Thượng Đế, Thiên Chúa, Đức Chúa Trời hay một Đấng Thần Linh nào cả. Chủ thuyết này cho rằng vũ trụ tự nhiên mà có, và loài người do tiến hóa mà thành. Đây là chủ thuyết hoàn toàn chống với những người tôn thờ Chân Thần.

2. Chủ Thuyết Bất khả tri (Agnosticism).

Chủ thuyết này cho rằng Thượng Đế có thật, nhưng con người không thể nào biết Ngài được. Thoạt mới nghe thì thuyết này có vẻ hợp lý, vì ta không thấy Thượng Đế đâu cả, và nhiều điều huyền nhiệm về Thượng Đế hoàn toàn cao cả, con người nhỏ bé không sao hiểu được. Tuy nhiên những người tin theo thuyết này không biết rằng Thượng Đế có mạc khải chính Ngài cho nhân loại bằng nhiều phương cách. Chúa Cứu thế Giê-xu là mạc khải quan trọng nhất. Ai tin nhận Chúa Giê-xu thì người ấy biết được Thượng Đế.

3. Thần Luận Thuyết (Deism)

Thuyết này nhận rằng có một Thần Linh quyền năng, nhưng tách rời Thần Linh ấy với vũ trụ của Ngài, nghĩa là thần linh ấy không hoạt động gì hay có quyền gì trong vũ trụ. Thần linh ấy chia là nguyên nhân đầu tiên và có thể hiểu là không có cá tính. Đây là một

chủ trương hoàn toàn sai trái đối với Tin lý căn bản. Vì Chúa không tạo nên vũ trụ rồi bỏ mặc, nhưng vẫn chế ngự vũ trụ, vì vũ trụ được hình thành để suy tôn ca ngợi Ngài. Bằng cứ là Ngài đã mạc khải chính Ngài cho nhân loại, đã vào đời trong thân xác Chúa Giê-xu để cứu nhân loại, như thế Thượng Đế không xa cách vũ trụ, nhưng cầm quyền trên vũ trụ.

4. *Phiếm thần thuyết (Pantheism)*

Thuyết này chủ trương rằng vũ trụ đều do Thượng Đế tạo ra và Thượng Đế hòa lẫn trong linh hồn của vũ trụ. Nói khác đi, chủ thuyết này cho rằng Thượng Đế ở khắp mọi nơi, ở trong mọi tạo vật, từ hòn núi hay ngọn cỏ đều có Thượng Đế cả. Người tin Chúa chân chính phải nhận rõ rằng, Chúa có mặt ở mọi nơi, không phân biệt không gian, nhưng chúa vẫn là Đấng sáng tạo, Ngài siêu việt trên vũ trụ vạn vật, Ngài không thể nào sáp nhập hay ở trong vạn vật được.

5. *Đa thần thuyết (Polytheism)*

Thường người ta hay nhầm Đa thần thuyết với Phiếm thần thuyết. Hai thuyết này khác hẳn nhau, vì Phiếm thần thuyết cho rằng chỗ nào cũng có thần linh cả; còn Đa thần thuyết cho rằng có rất nhiều thần linh. Đa thần thuyết vẫn còn tồn tại ở một số nước chưa mở mang. Người theo Chúa phải nhận định rõ là chỉ có một Chân Thần, không làm gì có nhiều thần. Chúa có những sứ giả của Ngài, như các thiên sứ, nhưng người theo Chúa không tôn thờ bất cứ ai ngoài Chúa. Vì chỉ một mình Chúa là Chân Thần đáng tôn thờ mà thôi.

IV. THƯỢNG ĐẾ BA NGÔI

Thượng đế Ba ngôi là quan điểm của người tin Chúa về Thượng Đế. Tôn giáo nào xưng là Cơ-Đốc-Giáo nhưng không công nhận Thượng Đế Ba Ngôi thì tôn giáo đó đã lạc chân lý.

Từ "Thượng Đế Ba Ngôi" phải hiểu là Ba Ngôi Hợp Nhất, tức là Trinity, không được ghi trong Thánh Kinh. Nhưng như vậy không có nghĩa là đã do suy luận triết học của con người mà ra, nhưng

chính là một mạc khải từ nơi Chúa.

Ba Ngôi Hợp Nhất là một ý niệm rất khó hiểu, không thể nào giải thích bằng ngôn ngữ của loài người, vì nó liên quan đến những phạm trù mà trí óc hữu hạn của con người không quan niệm được. Khi đem giáo lý Ba Ngôi giải thích cho một người mới tin Chúa, thì dường như ta nói về một điều gì do con người nghĩ ra, nhưng thật sự là chính Chúa mạc khải.

Giáo lý về Thượng Đế Ba Ngôi Hợp Nhất có thể tóm tắt là: *"Thượng Đế là một Đấng Bậc nhưng bản chất thần linh hiện hữu trong ba hình thức, mỗi hình thức là một ngôi, tuy nhiên bản chất thần linh vẫn đầy đủ trọn vẹn trong mỗi Ngôi. Nói khác đi, Thượng Đế là một nhưng hiện hữu trong Ba Ngôi."*

Chỗ đầu tiên trong Thánh Kinh đề cập đến Ba Ngôi là câu chuyện Sáng Tạo. Thượng Đế đã sáng tạo nhờ Lời và Linh (Sáng thế ký 1:1-3). Lời đây chính là Chúa Giê-xu, như Phúc âm Giăng về sau đã xác nhận.

Có người cho rằng khi Chúa phán: "Chúng ta hãy làm nên loài người như hình ta và theo tượng ta..." Chúng ta đây chính là Ba ngôi, và có thể hiểu là mạc khải về Ba Ngôi cho loài người. Ý niệm về Ba Ngôi mất đi khi loài người sa ngã.

Mặt khác ta cũng phải nhận ngay rằng suốt Thánh Kinh, chỗ nào cũng nhấn mạnh Thượng Đế là duy nhất. Phục Truyền Luật lệ ký 6:4 ghi "Hỡi Israel! Hãy nghe: Giê-hô-va Đức Chúa Trời Chúng ta là Giê-hô-va có một không hai." Chân lý này cốt dạy cho người Do Thái rằng chỉ có một chân thần là Đức Chúa Trời, là Thượng Đế, vì lúc ấy họ đang sống giữ một thế giới đa thần. Đức Chúa Trời là chân Thần duy nhất, tuy nhiên trong Đức Chúa Trời có Ba Ngôi. Đây là một điều ta không nên lầm lẫn.

Trong Kinh Tân Ước ta thấy giáo lý về Thượng Đế Ba Ngôi được trình bày rất rõ, tuy nhiên khi Chúa Giê-xu dạy các môn đệ của Ngài khi làm báp tem hãy nhân danh Cha, Con và Thánh Linh, thì chữ "Danh" dùng trong trường hợp này lại là số ít.

Khi Chúa Giê-xu đến chịu Giăng làm báp tem thì ngài thấy các tầng trời mở ra và Thánh Linh mang hình chim bồ câu xuống trên Ngài, và có tiếng của Thượng đế từ trời phán: "Con là con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đường." Đây là một lời xác nhận về Ba ngôi,

vì cả Cha, Con và Thánh Linh đều được đề cập đến.

Trước đó khi Chúa Giê-xu giáng sinh, cả Ba Ngôi Thượng Đế cùng được nói đến. Thiên sứ báo tin cho Ma-ri rằng con của bà sẽ là con trai Đức Chúa Trời và bà sẽ do Thánh Linh mà thụ thai. Đặc biệt là chính Chúa Giê-xu đã đề cập đến Đức Chúa Cha và Thánh Linh như các ngôi khác hẳn với Ngài.

Giáo lý về Cứu Chuộc nhân loại cũng là công việc của Ba Ngôi. Chúa Cha đã sai Chúa Giê-xu đến để hoàn thành công tác cứu chuộc. Chúa Giê-xu lại sai Thánh Linh đến để thuyết phục loài người về việc Chúa Giê-xu đã thực hiện.

Lời chúc lành của Phao lô trong 2 Cô-rinh-tô 13:13 có nói: "Nguyên xin ơn của Đức Chúa Giê-xu, sự yêu thương của Đức Chúa Trời và sự giao thông của Đức Thánh Linh ở với hết thầy anh em."

Phao lô dạy rằng mỗi ngôi trong Ba Ngôi Hợp Nhất đều là Đức Chúa Trời hoàn toàn. Phao lô viết: Đức Chúa Trời Cha chúng ta... "Rô-ma 1:7; " Con là hình ảnh của Đức Chúa Trời không thấy được" Cô-lô-se 1:13,15.

Về Đức Thánh Linh thì vẫn được coi là ngang hàng với Đức Chúa Trời, như lời Phi-e-rơ bảo A-na-nia: "Quý Sa-tan đã đẩy dấy lòng ngươi đến nỗi ngươi nói dối cùng Đức Thánh Linh, mà bót lại một phần giá ruộng đó. Ấy chẳng phải nói dối loài người đâu, mà là nói dối Đức Chúa Trời." Công-vụ Các Sứ-đồ 5:3

Các Nan đề liên quan đến Ba Ngôi Thượng Đế.

Nan đề thứ nhất là về ngôn ngữ. Khi ta nói Ba Ngôi Thượng Đế, thật ra không rõ nghĩa, mà chỉ là ngôn ngữ mà ta tìm được để diễn tả.

Thứ nhất là chữ NGÔI

Chữ Ngôi thông thường có nghĩa là một nhân vật, nguyên ngữ Latin là Personia, gnhĩa là chiếc mặt nạ để diễn viên sân khấu mang vào để đóng một vai nào đó trong một vở kịch. Trong Việt ngữ thì chữ Ngôi có nghĩa là chức vị và quyền hành của ông vua. Trong văn phạm thì đó là vai trò của người hay vật hoặc sự việc: ngôi thứ nhất, ngôi thứ hai, ngôi thứ ba. Như là: Tôi, Anh, Nó. Thường thì chữ person không dịch là ngôi mà dịch là nhân vật, nghĩa là một người có trí thức, tình cảm và ý chí. Khi nói ba nhân vật thì ta phải hiểu là

ba người khác nhau. Tuy nhiên Ba Ngôi thì không vậy. Ba Ngôi không phải là ba cá thể, nhưng là ba ngôi vị trong cùng một bản chất thần linh.

Khi ta nói đến một nhân vật hay một người, ta liên tưởng ngay đến sự độc lập của ý chí, hành động và cảm xúc, đưa đến tính tình của một cá nhân. Đối với Ba Ngôi Thượng Đế thì không thể hiểu như vậy được. Vì trong Ba ngôi Thượng Đế mỗi ngôi tự ý thức và tự hướng dẫn, nhưng không bao giờ hành động độc lập hay là chống nghịch nhau. Khi nói Thượng Đế là Một tức là nói rằng Ngài là trung tâm của sự sống có ba phương diện, nhưng sự sống của Ngài không chia làm ba. Ngài vẫn là một trong bản chất, trong cá tính và trong ý chí. Khi chúng ta nói rằng Thượng Đế Ba Ngôi Hợp Nhất thì phải hiểu rằng đó là sự hợp một trong dị biệt, và dị biệt đó được chứng tỏ trong các ngôi, trong cá tính và trong hành động.

Chữ thứ hai là BẢN THỂ:

Các Hội thánh đầu tiên gọi Ba Ngôi là "Ba Ngôi trong một bản thể." Chữ bản thể này không phải nói về vật chất.

Chữ thứ ba là Phụ thuộc:

Chúa Con và Thánh Linh được gọi là phụ thuộc vào Cha, nhưng không có nghĩa là thấp kém hơn. sự phụ thuộc này chỉ là về nhiệm vụ và liên lạc chứ không phải về bản thể.

Đức Chúa Cha là nguồn của Thần Linh, là đầu. Ngài là Đấng nguyên thủy. Đức Chúa Con được sinh ra từ cõi vĩnh hằng trong Cha là thứ hai. Nhiệm vụ của Con là mạc khải. Còn Thánh Linh từ Cha và Con mà ra cũng từ cõi vĩnh hằng, là thứ ba. Nhiệm vụ của Ngài là thi hành, là làm. Ta có thể nói: Cuộc sáng tạo là do Cha, nhờ Con và Linh mà thực hiện. Người ta tin rằng Linh xuất phát từ Cha và con. Như thế Cha là nơi mà con được sinh ra và Linh xuất hiện.

Để hiểu rõ hơn ta có thể nói:

Cha là nguồn của Thần Linh. Con được sinh ra từ Cha, nhiệm vụ là mạc khải Cha. Linh ra từ Cha và Con là Đấng hành động. Ba ngôi không được phân chia theo thứ tự thời gian hiện hữu hay là theo thần linh, nhưng chia theo nhiệm vụ và mạc khải. Cuộc sáng tạo vũ trụ vạn vật là do từ Cha, nhờ Con và bởi Linh.

Việc áp dụng giáo lý về Ba Ngôi rất là quan trọng, không những về thần học, nhưng còn về sống đạo của mỗi người nữa. Như về Thượng Đế thì giáo lý này cho biết rằng Thượng Đế là Đấng chân thật vĩnh hằng. Thượng Đế trong Ba Ngôi Hợp Nhất là nguồn sống, là toàn vẹn của sự sống, không bao giờ chấm dứt các mối quan hệ. Ba Ngôi Thượng Đế có thể mạc khải chính Ngài trong lòng người, và Ngài cũng có thể phần nào mạc khải Ngài bên ngoài thiên nhiên, qua cuộc sáng tạo. Đối với vũ trụ vạn vật, giáo lý Ba ngôi cho chúng ta thấy một khuôn mẫu vừa hợp nhất lại vừa khác biệt.

Nói tóm lại về giáo lý Ba Ngôi ta cần nhớ:

1. Ba Ngôi hoàn toàn hợp nhất.
2. Vì từ Cha sinh ra nên con hoàn toàn là Thượng Đế. Cũng từ Cha và Con mà xuất phát nên Linh cũng hoàn toàn là Thượng Đế.
3. Con và Linh đều phụ thuộc vào Cha.

V. GIÁO LÝ VỀ SỰ SÁNG TẠO

Sáng Tạo Vũ trụ

Người tin Chúa và người không tin Chúa thường tranh luận về bản chất của hành động sáng tạo, chứ không tranh luận về thời gian sáng tạo. Thánh Kinh nhấn mạnh về bản chất sáng tạo là dứt khoát, đầy quyền năng, hoàn toàn của ý chí thần linh, trong một thể cách rất là siêu nhiên, đã đưa đến vũ trụ này và tất cả hình thức đời sống hữu cơ, kể cả con người. Khải thị ghi rõ: Ngài đã tạo nên mọi vật, và do ý Ngài muôn vật được sáng tạo và hiện hữu.

Sau đây là một vài điểm ta cần ghi nhớ:

1. Người ta thường nói rằng Chúa tạo ra vũ trụ này từ cõi hư vô. Câu nói này cần phải định nghĩa rõ. Vì người ta có thể hiểu hư vô là một loại vật chất mà Chúa dùng. Hư vô là EX NIHILO, theo các nhà thần học thời Trung Cổ và Cải Chính thì trước khi Chúa sáng tạo vũ trụ thì không hề có sự hiện hữu của một vật chất nào cả. Ta có thể hiểu là, Chúa sáng tạo ra vật chất trước khi sáng tạo ra vũ trụ.
2. Các chuyện sáng tạo khác: Giáo lý sáng tạo của Thánh Kinh hoàn

toàn duy nhất. Các câu chuyện sáng tạo theo huyền thoại và truyền thuyết của các dân tộc trên thế giới nếu xét kỹ, hoàn toàn khác với chuyện sáng tạo của Thánh Kinh. Nhất là hai chữ "Sáng tạo" và "Đấng Tạo Hóa" Vì các truyện khác người ta không đề cập đến Chúa là Đấng sáng tạo, mà chỉ là những biến hóa thần kỳ, không hợp lý luận.

3. Các thuyết sai lạc với Thánh Kinh về việc hình thành vũ trụ:

a. *Quan điểm của người vô thần:* Người vô thần cho rằng vũ trụ là vĩnh hằng và hoàn toàn không do ai sáng tạo cả.

* Thật ra vũ trụ không vĩnh hằng. Sáng thế Ký đưa chúng ta đến chỗ phải kết luận rằng vũ trụ này không có một khởi đầu trong dòng thời gian, nhưng đã khởi đầu cùng với thời gian. Nghĩa là thời gian có đồng thời với vũ trụ. Trước đó và sau đó là cõi vĩnh hằng.

b. *Quan điểm của phái Platon:* Platon cho rằng Thượng Đế đã khuôn đúc và sắp xếp vật chất vốn đã hiện hữu trong cõi hằng cửu.

* Vũ trụ này đã được Thượng Đế cho nó một khởi đầu. Nghĩa là chính Thượng Đế đã hình thành ra vật chất và vũ trụ vạn vật.

c. *Quan điểm của Phái Zoroastre:* Zoroastre cho rằng thế giới là một đấu trường có hai lực lượng tranh nhau làm chủ. Một là Thiện, hai là Ác.

* Không có một thế lực nào ép buộc Thượng Đế sáng tạo cả. Ngài tự ý sáng tạo nên vũ trụ y như Thánh Kinh đã ghi: "Ban đầu Thượng Đế tạo nên trời đất."

d. *Quan điểm của phái đa thần:* Phái này cho rằng Thượng Đế hòa lẫn trong vũ trụ, và vũ trụ là cái biểu lộ ra bên ngoài của bản chất thần linh bên trong, cũng như thân xác với linh hồn.

* Vũ trụ và Thượng Đế hoàn toàn khác biệt. Mặc dù Ngài hiện diện trong vũ trụ, nhưng Ngài hoàn toàn cao cả, không thuộc về cõi vật chất. Ngài là Đấng tự hữu và có từ cõi vĩnh hằng.

e. Quan điểm của Khoa học hiện đại: Quan điểm này cho rằng khoa học cần nỗ lực thêm nhiều để có thể đưa ra những giải thích về diễn tiến của việc hình thành vũ trụ và đời sống hữu cơ. Một số những giải thích này không phù hợp với Thánh Kinh.

* Khoa học có vô số lời giải thích vũ trụ. Người theo Chúa cũng không vì những tiến bộ của khoa học mà sợ rằng khoa học sẽ làm đổ đức tin. Thánh Kinh đã dùng cách mô tả theo kiểu mắt thấy, tai nghe để nói về vũ trụ, nhưng mục đích không phải là trình bày một sự kiện khoa học, mà chỉ là để đưa đến các mạc khải về Thượng Đế cho loài người. Người ta gọi ngôn ngữ của Thánh kinh là Ngôn ngữ Hiện tượng, còn khoa học dùng Ngôn ngữ Khoa học. Thí dụ như ngày nay ta vẫn dùng những chữ như: Mặt trời mọc, mặt trời lặn. Những chữ này không phản khoa học, nhưng chỉ mô tả theo mắt ta nhìn thấy mỗi ngày. Khoa học có lối mô tả mặt trời khác hẳn.

Tóm tắt về giáo lý sáng tạo, ta có thể nói:

1. Thượng Đế hay Đức Chúa Trời là Đấng sáng tạo duy nhất.
2. Vũ trụ có một khởi đầu, và cùng một khởi đầu với thời gian.
3. Thượng Đế hoàn toàn tự do hành động, và không bị một thể lực nào ngăn cản.
4. Con người là một tạo vật đặc biệt được tạo ra để làm chủ các tạo vật khác.

Các Đấng bậc Thần linh khác.

Trước khi sáng tạo vũ trụ hữu hình, đã có một số các đấng bậc thần linh mà Thượng Đế cất đặt để làm trung gian giữa Thượng Đế Ba Ngôi và thế giới loài người. Những thần linh này do Thượng Đế sáng tạo nên chứ không phải đồng hiện hữu với Ngài. Đọc Thánh Kinh ta thấy có ba đẳng cấp thần linh là: Các Thiên Sứ Trưởng, Các Chêrubim, Sêraphim và các Thiên Sứ. Lại cũng có các ác thần nữa. Thánh Kinh cho biết là chúng cũng được tạo ra. Đứng đầu trong hàng ác thần là Sa tan. Sa tan là một Thiên sứ do Chúa Tạo ra nhưng đã nổi loạn muốn chiếm quyền của Chúa, đã bị Chúa đuổi ra khỏi vòng các Thiên sứ mà trở thành ác quỷ, kéo theo một số các thiên sứ cùng phe với nó.

Việc con người chết đi rồi hóa ra thần linh gây ảnh hưởng đến

đời sống con người là chuyện viễn vông. Nếu có chẳng cũng là do ác quỷ tạo ra để làm mê hoặc người đời, đến nỗi không thể biết Thượng Đế mà tôn thờ.

VI. Ý Chỉ của Thượng Đế.

Sự kiểm soát chế ngự của Thượng Đế trên vũ trụ vạn vật thường được nói là theo ý chỉ của Thượng Đế. Ý chỉ của Thượng Đế là kế hoạch vĩnh hằng mà Chúa đã vạch ra để bảo đảm là mọi việc trong vũ trụ - quá khứ, hiện tại và tương lai- đều được thể hiện. Đối với trí óc hạn hẹp của chúng ta thì dường như có nhiều sự kiện lắm, nhưng đối với Thượng Đế thì thời gian không có nghĩa gì cả, và tất cả đều xảy ra cùng trong một khoảnh khắc vĩnh cửu. vì vậy ta có thể nói, Thượng Đế biết cuối cùng ngay từ ban đầu.

Đôi khi người ta phân biệt giữa

Ý Chỉ Tuyệt Đối của Thượng Đế, là điều ấn định cái gì phải xảy ra, và **Mục Đích của Thượng Đế** cho con dân của Ngài, nghĩa là mục khả của Ngài dành riêng cho họ về nhiệm vụ của họ.

Ý chỉ của Thượng Đế luôn luôn được hoàn thành, nhưng con người thường bỏ qua, và không tuân hành theo các mục đích Chúa dành cho con người. Người ta cũng phân biệt giữa

Ý Chỉ Hướng Dẫn và Ý Chỉ Cho Phép của Thượng Đế.

Ý Chỉ Hướng Dẫn của Thượng Đế là những gì Chúa đưa đến. Còn **Ý chỉ Cho Phép** là những gì Chúa cho phép được xảy ra. Thí dụ như Thượng Đế cho phép tội lỗi vào thế gian, nhưng Ngài không hướng dẫn, không đưa tội lỗi vào thế gian. Tất cả mọi sự việc dù là ý chỉ của Ngài hay là Ngài cho phép, thì Thượng Đế cũng vẫn làm chủ tất cả những gì xảy ra.

Thượng Đế không bị ảnh hưởng hay quyền lực của bất cứ điều gì ở bên ngoài Ngài. Thượng Đế là Đấng chủ tể, Ngài có toàn quyền thực hiện ý chỉ của Ngài. Tất nhiên là khi nghe nói về quyền chủ tể của Thượng Đế, nhiều người vội đặt câu hỏi là: Nếu Thượng Đế điều khiển tất cả mọi sự việc, thì con người đâu còn là sinh vật có

tự do nữa, và như thế tại sao con người phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình? Nếu Thượng Đế biết trước con người sẽ hành động như thế nào, thì con người còn tự do gì nữa đâu mà hành động? Ta phải công nhận các câu hỏi này có các khó khăn của nó, và không dễ giải thích rành rẽ, nhưng ta có thể ghi nhớ các điểm sau đây:

1. Con người thực sự không làm chủ được những sự việc như: nơi mình sinh ra, sinh ra trong gia đình nào, sinh ra với khả năng nào, tật nguyên nào, có những điểm lợi nào, điểm hại nào. Con người ở dưới nhiều thứ ảnh hưởng mà không làm sao chống lại được. Có tự do thật, nhưng tự do của con người ở trong các giới hạn. con người vẫn phải lựa chọn và quyết định trong các giới hạn đó.

2. Tri thức của Thượng Đế là cái biết tiên thiên, nhưng không phải là nguyên nhân phát sinh ra sự việc. Thí dụ như Chúa biết rõ môn đệ Đê-ma sẽ bỏ Phao-lô vì say mê trần gian. Nhưng cái biết trước của Chúa không ấn định là Đê-ma phải quay trở lại, mà Ngài cũng không ép buộc Đê-ma làm như thế. Đê-ma hoàn toàn tự do hành động, không bị ai ép buộc cả.

Cũng như Chúa biết trước Sau-lơ sẽ tin nhận Chúa và trở thành Phao-lô là Sứ Đồ sau này. Nhưng trên đường đi Đa-mách Sau-lơ đã dùng ý chí riêng mà trả lời Chúa. Chúa không bắt ép Phao-lô.

Thượng Đế biết trước các quyết định của bạn và tôi trước khi ta quyết định. Ngài biết những gì bạn sẽ làm, nơi nào bạn sẽ đi, nhưng cái biết trước ấy không can thiệp để ngăn trở tự do của bạn. Quyền chủ tể của Chúa và tự do của con người là một điều khó hiểu. Có người cho đó là một sự tương phản, *antinomy*. Một sự tương phản xảy ra khi hai nguyên tắc đứng cạnh nhau, xem dường như không thể phù hợp với nhau được, nhưng cả hai đều không thể chối cãi được là đúng. Đó là một huyền nhiệm khó hiểu.

Các nhà khoa học cũng phải đối đầu với hiện tượng tương phản khi nghiên cứu về ánh sáng. Người ta có đủ bằng cứ chứng minh là ánh sáng gồm có những sóng, nhưng lại cũng có bằng cứ chứng

minh rằng ánh sáng được tạo thành bởi những hạt phân tử. Người ta không thể nào chối cãi được ánh sáng vừa là sóng, mà lại vừa là hạt, và không thể nào phủ nhận một trong hai nhận xét đó. Tương tự như vậy trong chân lý Chúa là đáng cảm quyền chủ tể, và con người có tự do thật. Chúng ta cần thấy rõ rằng, con người là một sinh vật duy nhất được tạo nên với ý chí tự do như vậy, và vì thế có trách nhiệm đối với đời sống của chính mình.

VII. Sự An Bài của Thượng Đế trong Vũ Trụ.

(Quan Phòng, Thiên hựu, Thần hựu)

Qua giáo lý về sự sáng tạo, ta đi sâu vào các đề tài liên quan đến việc bảo tồn vũ trụ và chế ngự mọi vật muôn loài trên thế giới. Ta để ý đến các điểm sau đây:

1. Bảo vệ hay bảo tồn.

Thánh Kinh dạy rằng Vũ trụ này không thể nào tiếp tục vận chuyển, nếu chỉ được tạo ra rồi bỏ mặc. Thánh Kinh còn dạy rằng đời sống sinh vật không thể nào tiếp tục chỉ nhờ một sức sống nào đó của chính nó, mà tất cả đều nương nhờ vào ý chỉ của Thượng Đế. Sự phụ thuộc vào ý chỉ này không những chỉ đối với sinh vật, nhưng còn đối với phẩm chất và sức mạnh của mỗi hình thức đời sống nữa.

2. Bản chất và tầm mức của sự an bài của Chúa.

Thánh kinh dạy rằng sự quan phòng của Chúa là hoàn toàn và bao gồm đủ mọi mặt. Thi thiên 135:6 ghi: "Điều nào đẹp ý Chúa Hằng hữu. thì Ngài làm điều ấy, hoặc trên trời, dưới đất, trong biển hay là trong các vực sâu." Công Vụ các Sứ đồ 4:28 cũng ghi: "Ngài làm mọi việc tay Ngài và ý Ngài đã định trước."

Cuộc an bài của Chúa không những cho mỗi người, nhưng còn là mọi sự việc và mọi hành động nữa. Mọi việc đều đã xảy ra theo hướng và mục đích mà Chúa đã định sẵn.

Nói như thế nhưng Thánh Kinh cho biết rằng việc an bài của Chúa khác hẳn với ý niệm về một định mệnh mà người ta gọi là mù

quáng. Lại cũng hoàn toàn trái với lời dạy của chủ thuyết cho rằng điều gì cũng là do ngẫu nhiên cả.

Tầm mức sự an bài của Chúa trái xa đến toàn thể thiên nhiên, kể cả loài vật, đến hành động của mỗi cá nhân, đến cả các việc xảy ra trong một nước. Việc An bài của Chúa hay là Quan phòng hoặc Thần hựu, ta cần nhớ các điểm sau đây:

a. Bất cứ chỗ nào trong thiên nhiên ta cũng thấy có sự hoạt động của một trí óc khôn ngoan tuyệt vời.

b. Bản chất đạo đức và tôn giáo của con người đòi hỏi ta phải công nhận là có một sự An bài, Quan phòng hay Thần hựu.

c. Các lời tiên tri trong Thánh Kinh và những lời hứa của Chúa được ứng nghiệm cũng mạnh mẽ chứng minh rằng có một sự Quan phòng, Thiên hựu.

d. Trong kinh nghiệm của mỗi người, chúng ta tự ý thức được rằng có một Đấng chí cao quan phòng, hướng dẫn cuộc đời của mỗi người.

Sau đây là một vài nan đề ta cần nêu lên:

(i) Nhiều người công nhận rằng có một sự an bài tổng quát, và vũ trụ này có những định luật chế ngự, nhưng không thể nào tin rằng có một sự an bài đặc biệt cho mỗi người. Quan điểm này chứng tỏ rằng người ta có quan niệm rất thấp về Thượng Đế. Vì cho rằng Thượng Đế không hành động trong các chi tiết nhỏ nhặt. Tuy nhiên càng xét kỹ từng việc, từng chuyện, ta mới thấy rằng Chúa đi vào từng chi tiết của đời sống, dù tầm thường nhỏ bé đến đâu cũng vậy.

(ii) Nhiều người thấy khó chấp nhận việc Thiên hựu phù hợp với tự do trong con người. Họ lý luận rằng, nếu tay Thượng Đế tiếp tục hành động trong đời sống một người thì không thể nói được là người ấy có tự do hành động. Ta phải nhận thấy rằng trong khi con người được tự do hành động trong các phạm vi dành cho mình, theo khả năng của mình, thì chính tự do ấy và những ảnh

hưởng vượt khỏi tầm kiểm soát của con người là bằng chứng có sự quan phòng hay thiên hựu.

VIII. Sự Quản Trị của Chúa Trên Con Người.

Ngoài việc an bài mọi công việc sáng tạo, Thượng Đế còn quản trị con người là sinh vật có thông minh, có khôn ngoan nữa. Việc quản trị này theo những định luật đạo đức của Chúa. Ngay trong Thánh Kinh ta đã thấy Chúa chuẩn bị giải pháp cứu chuộc nhân loại ra khỏi tội ác, Ngài đã tạo nên một ngã thoát cho con người và Chúa kiểm soát chế ngự mọi việc để làm lợi cho Hội thánh.

Qua lịch sử chúng ta thấy rằng ở nhiều nước không phải ngẫu nhiên mà người này lên làm vua hay người khác bị hạ sát. Chúa có khi dùng cả những vị vua vô đạo để thi hành ý chỉ của Ngài, thời xưa hay đời nay vẫn vậy. Điều ta cần để ý là chương trình của Chúa rất xa, rất rộng, và mọi người trên đất đời khi được đóng góp một phần rất nhỏ. Nhưng phải đợi cho đến cuối cùng hay ít ra là một thời gian, người ta mới thấy bàn tay quyền năng của Chúa. Điển hình nhất là lịch sử dân tộc Do thái ngày xưa. Các vua Ba-by-lôn và A-si-ri đã được Chúa dùng để sửa trị dân Chúa trong các thời mà dân Chúa phản nghịch, Chúa còn gọi các vua này là "tội tớ ta". Như thế ta thấy rằng không có gì gọi là ngẫu nhiên xảy ra cả.

IX. Thượng Đế Trong Tư thế là Người Cha Hiền.

Ngày nay người ta ít xưng Thượng Đế là Cha theo như lời dạy của Thánh Kinh, nghĩa là một Đấng nhân từ, thương yêu, săn sóc con dân Chúa như một người Cha hiền. Theo Thánh Kinh thì vai trò làm Cha của Thượng đế có ba phương diện:

1. Chúa là Cha của mọi người, vì Ngài đã sáng tạo nên mỗi người.
2. Chúa là Cha của mọi người và của dân tộc Do thái theo giao ước mà Chúa đã lập.
3. Chúa là cha của chúng ta là người tin Chúa, tin nhận Chúa Cứu thế Giê-xu, vì chính Chúa Giê-xu đã nói: "Ta về cùng Cha ta và Cha các con".

PHẦN THỨ BA

CON NGƯỜI VÀ TỘI ÁC

I. Bản chất của con người.

A. Nguồn gốc con người.

Thánh Kinh không cho chúng ta một dữ kiện nào về nhân chủng. Nhưng mặt khác Thánh Kinh có nói đến một số nguyên tắc liên quan đến bản chất của con người, các nguyên tắc này rất quan trọng vì toàn thể giáo lý của Thánh Kinh về sau đều đặt cơ sở trên các nguyên tắc ấy. Mặc dù các điều Thánh Kinh nói về nguồn gốc con người rất là ít ỏi, nhưng những lời của Thánh Kinh phải được đặt trên tất cả mọi nghiên cứu triết học. Giữ được như thế người học Thánh Kinh mới khỏi bị lung lạc bởi những tư tưởng sai lạc, có thể đi xa lời dạy của Thánh Kinh Tân Ước về điểm này và nhiều đề tài liên quan khác.

Đối với các tác giả Tân Ước thì A-đam cũng là một nhân vật lịch sử như Chúa Cứu Thế Giê-xu. Các tác giả thường đem so sánh tương phản giữa A-đam và Chúa Giê-xu, như trong các thư Rô-ma và Cô-rinh-tô. Ngay chính Chúa Giê-xu khi nói về nguồn gốc con người cũng đề cập thẳng đến A-đam.

Tất nhiên là có nhiều lý thuyết về nguồn gốc của con người mà ta không thể phân tích hết ở đây. Sự va chạm giữa tôn giáo và khoa học chân xác thật ra không bao giờ có thật cả, mà chỉ do con người tưởng tượng ra. Vì khuynh hướng của đa số các tác giả khoa học, nghĩa là những người đứng đầu trong các ngành nghiên cứu và những người có thẩm quyền nhất của các bộ môn khoa học, là tự khép kín trong phạm vi dữ kiện và nguyên tắc mà mình khám phá ra được, và nhận rằng lời giải thích tối hậu về căn nguyên của tất cả vẫn còn là một vấn đề suy lý triết học. Nói chung thì các nhà khoa học vẫn giữ thái độ là: không thể nào biết rõ được nguồn gốc của vạn vật.

Người học Thánh Kinh cần nắm vững các nguyên tắc căn bản sau đây:

a. Căn nguyên cuối cùng của vũ trụ vạn vật chính là sự sáng tạo tự do và có mục đích rõ ràng của Thượng Đế.

b. Căn nguyên của các ngành chính trong sự sống cũng là do sự sáng tạo tiệm tiến tương tự của Thượng Đế.

c. Chủng loại của loài người theo Thánh Kinh là đều phát sinh từ hai người đầu tiên là A-đam và Ê-va. Đây cũng là một việc sáng tạo đặc biệt của Thượng Đế.

d. Con người là sinh vật cao nhất trong mọi sinh vật, và đứng đầu mọi tạo vật. Đây là điều mà Thánh Kinh dạy, và khoa học hoàn toàn minh xác như thế.

e. Dòng dõi nhân loại chỉ có một và phát xuất từ một căn gốc. Những lý thuyết về các cái nôi của loài người, dần dần đã bị người ta bỏ đi. Mặc dù thân thể của con người có khác nhau, nhưng trí óc và bản chất lý luận của con người vẫn không khác nhau.

f. Tiến hóa là một từ ta phải cẩn thận khi dùng. Theo ý nghĩa của Thánh Kinh Cựu Ước tiến hóa được hiểu là một cuộc mở ra dần dần nhiều giai đoạn tiếp nối của một chương trình trong lịch sử nhân loại và về một cuộc mạc khải dần dần cho con người. Tuy nhiên vì từ này đã bị lạm dụng trong nghĩa là cách vạn vật hiện hữu hay là vũ trụ hiện hữu nói chung, nghĩa là không do ai sáng tạo ra cả mà chỉ tự nhiên tiến hóa dần dần mà thành. Đó là ý nghĩa sai lầm mà ta nên tránh.

B. Thể xác, Linh hồn và Tâm Linh.

Có người cho rằng con người gồm có hai phần là Thể xác và Linh hồn. Người khác tin rằng con người có ba phần là Thân, Hồn và Linh. Căn cứ vào Thánh Kinh chúng ta được biết:

1. Theo Thánh Kinh, thân thể không phải là một chương ngại cho

linh hồn, và không phải càng bỏ thân xác sớm bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu. Ta phải nhận thấy rằng không chỗ nào trong Thánh Kinh dạy tta về việc bạc đãi thân thể. Ngược lại giai đoạn mà sự sống của con người ở trong thân xác được coi là rất quan trọng. Vì đến ngày phán xét, chúng ta sẽ phải khai trình những gì đã làm trong đời này, nghĩa là trong thân xác. Thân xác như vậy là phương tiện để cho các giá trị tinh thần vốn có sẵn trong linh hồn được biểu lộ ra.

2. Mặc dù thân thể con người có những điểm hơn hẳn loài vật, nhưng so với một số sinh vật thì con người lại có những điểm kém, nhưng Thánh kinh dạy rằng con người phải được tôn trọng hơn bất cứ loài vật nào. Chính Chúa Giê-xu cũng đã bằng lòng vào thân xác con người và Thánh Linh thì muốn ngự vào để cứu chuộc con người.

3. "Hồn" và "Linh" trong ngôn ngữ của Thánh Kinh phân biệt rõ ràng. Nhưng đôi khi cũng lẫn lộn. Thí dụ như Thi thiên 74:19 ghi: "Xin chớ phó cho thú dữ linh hồn bỏ câu đất của Chúa; cũng đừng quên hoài kẻ khốn cùng của Chúa." Trong khi đó thì Truyền đạo 3:21 ghi "Ai biết được hoặc thân của loài người thăng lên hay là hồn của loài thú sa xuống dưới đất?" Ma-thi-ơ 10:28 ghi "Đừng sợ kẻ giết thân thể mà không giết được linh hồn, nhưng thà sợ Đấng làm cho mất được linh hồn và thân thể trong hỏa ngục." Lu-ca 23:46 Chúa Giê-xu kêu lớn tiếng rằng: Lạy cha con xin giao linh hồn lại trong tay Cha."

4. Nói tổng quát thì có lẽ Thánh Kinh ưa chia ra thân thể và linh hồn. Linh hồn được coi như là toàn vẹn con người, hay chính là con người. Thí dụ như câu: Linh hồn nào phạm tội thì sẽ chết. Có khi được dùng để nói về phần không phải thể chất của con người, là phần còn lại sau khi chết.

5. Các phần Thánh Kinh nói rằng con người có ba phần: Thân, Hồn, Linh là:

I Tê-sa-lô-ni-ca 5:23 "Nguyên xin Thượng Đế bình an khiến anh em nên thánh trọn vẹn, và nguyên xin tâm thần, linh hồn và thân thể của anh em được giữ vẹn không chỗ trách được khi Chúa Cứu thế Giê-xu đến."

Hê-bơ-rơ 4:12 "Vì lời của Thượng Đế là lời sống và linh nghiệm, sắc hơn gươm hai lưỡi, thấu vào đến nỗi chia hồn, linh cốt tủy, xem xét tư tưởng và ý định trong lòng."

Lu-ca 1:46,47 "Ma-ri bèn nói rằng: Linh hồn tôi ngợi khen Chúa, tâm thần tôi mừng rỡ trong Đức Chúa Trời, là Cứu Chúa tôi, vì Ngài đã đoái đến sự hèn hạ của tôi tớ Ngài."

Những người chủ trương rằng con người có Thân, Hồn Linh cũng nhận rằng hồn và linh trong thân xác chỉ phân biệt trong ý niệm. Vì thế ta nên coi hồn và linh như những sắc thái của cùng một bản thể và nên nhớ rằng vẫn có một căn bản chung cho Hồn và Linh.

6. Không có nơi nào trong Thánh Kinh nói rằng con người hoàn toàn sung sướng khi được rời khỏi thân xác này. Thân xác không phải là một nơi ở tạm cho linh hồn, và linh hồn không phải là con người toàn vẹn. Điểm này được minh xác trong giáo lý về sự phục sinh của thân xác. Như thế con người toàn vẹn phải gồm cả thân hồn và linh.

7. Hồn là sự biểu thị phần không phải là thể chất của con người đối với thế giới bên ngoài, còn linh là sự biểu thị của phần ấy đối với Thượng Đế. Vì Thượng Đế là thần linh, vì thế con người chỉ gặp Chúa trong phần Linh mà thôi.

8. Trong I Cô-rinh-tô 2:14,15 chúng ta thấy có sự phân biệt rõ ràng giữa con người thiên nhiên và con người tâm linh. Con người chưa được biến cải không thể nào hiểu được mạc khải của Thượng Đế. Những người được biến đổi, tức là tái sinh, thì sống động trước mặt Chúa.

9. Một số các giáo sư đã nói rằng, những người chưa được tái sinh thì chỉ có hai phần là Thân và Hồn, còn người được tái sinh thì có cả ba phần, Thân, Hồn, Linh.

C. Con người được tạo ra theo hình ảnh Thượng Đế nghĩa là gì?

Thượng Đế là Đấng thần linh, vô hình, không thể thấy được,

vì 'vậy hình ảnh của Thượng Đế phải được hiểu theo nghĩa là đức tính, đức độ của Chúa. Sau đây là một vài điểm ta cần nhớ:

1. Hình ảnh của Thượng Đế được biểu lộ qua cá tính của con người. So với loài vật, con người là một sinh vật tự giác, có khả năng suy nghĩ trừu tượng, và có một bản chất thần linh.

2. Con người có một bản tính đạo đức giống như Thượng Đế. Điều này có thể thấy qua các luật lệ kiểm soát sự quan hệ giữa loài người và chính quyền tốt do loài người lập nên.

3. Con người có chủ quyền trên vạn vật, mặc dù giới hạn.

4. Con người ước ao được sống mãi mãi, vì xuất phát từ Tạo Hóa là Đấng bất diệt.

5. Khi con người sa ngã thì hình ảnh Thượng Đế vẫn còn trong con người, mặc dù bị che mờ và hạ thấp. Nhưng đức thánh khiết thì mất hẳn.

D. Sự tự do của con người

Thánh Kinh cho biết thật minh bạch rằng, A-đam, ông tổ của loài người được tự do hành động, hoặc là theo đúng ý chỉ của Thượng Đế hay là ngược lại ý chỉ của Ngài. Mặc dù A-đam cũng bị cám dỗ (như Chúa Cứu thế khi Ngài ở trần gian), nhưng A-đam không bị bắt buộc phải phạm tội. Hành động phạm tội của A-đam là tùy tiện, bất tuân. Khác hẳn với Chúa Cứu Thế là tự chọn lựa không phạm tội. A-đam có nhiều ưu quyền hơn chúng ta ngày nay, vì khác hẳn với chúng ta, A-đam không có cái thôi thúc nội tâm để phạm tội. Chúng ta thì vì là con cháu A-đam nên mang tính di truyền này. Nguồn gốc thánh thiện của con người thực ra không phải là một thứ quyền hành bất khả phân, hay là một đặc tính di truyền. Đức thánh thiện của con người phụ thuộc vào mối liên lạc của con người với Đấng Sáng Tạo. Hành động phạm tội của A-đam hoàn toàn không cần thiết, cố ý và đáng trách. Đây không phải là một chuyện lỡ lầm vô tình. Trong bản chất thì tội phạm của A-đam cũng tương tự như của Sa-tan. A-đam đã tự ý phạm tội.

E. Tính bất diệt của con người.

Theo đúng nghĩa thì tính bất diệt chỉ thuộc về một mình Thượng Đế mà thôi. Con người thì khác, con người được sinh ra có thể chết đi cũng như mọi sinh vật. Trước A-dam có thể trên đời đã có sự chết, điều này được minh chứng qua các lớp fossil trong các tầng địa chất. Nhưng Thánh Kinh cho biết rằng chết không phải là một điều dĩ nhiên đối với con người. Nghĩa là con người nguyên thủy không phải sinh ra để chết. Bản chất của con người với thân, hồn, linh và các đức tính đặc biệt không thể nào sinh ra để chết được. Đây là một điểm ngược với các tư duy triết học, nói rằng con người sinh ra để rồi bị tiêu diệt. Sáng Thế ký 3 có nói đến cây sự sống, tiêu biểu cho tính bất diệt của Chúa. Khi con người phá hỏng mối tương giao với Chúa, thì bị đuổi ra khỏi nơi có cây sự sống, và mang hậu quả của tội lỗi là sự chết.

Bất diệt không có nghĩa là sống lâu, nhưng là sống vĩnh cửu, đời đời. Người tin nhận Chúa, được tái sinh, tức là trở về tình trạng bất diệt của linh hồn, mặc dù thân xác phải chết. Khi phục sinh, thì người ấy lại được tiếp tục sống mãi với Chúa.

F. Nguồn gốc của linh hồn.

Các nhà thần học đã tranh luận rất nhiều về vấn đề linh hồn. Cho đến nay thì có hai câu trả lời:

Các nhà tin sự sáng tạo thì chủ trương rằng Thượng Đế đã đặt linh hồn vào mỗi con người một thời gian trước khi sinh ra hay lúc sinh ra.

Theo các nhà di hồn thuyết (Traducianist) thì cho rằng linh hồn cũng như thể xác, đều là do cha mẹ truyền cho con.

Quan trọng của vấn đề là ở chỗ sự di truyền tội lỗi trong dòng giống. Tuy nhiên còn tùy theo cách hiểu. Nếu cho rằng linh hồn và thể xác hoàn toàn phân biệt thì khác, mà nếu coi con người phải gồm đủ cả thân, hồn, linh thì lại khác. Thật ra theo Thánh Kinh thì Chúa đã sáng tạo nên toàn thể con người theo hình ảnh của Ngài, nghĩa là thân và hồn đều được sinh ra cùng một lúc.

Câu hỏi người ta có thể đặt ra là: Như vậy thì hài nhi bị chết trước khi sinh ra có tội hay là không? Làm sao giải tội cho các hài nhi này?

Cần cứ vào Thánh Kinh, chúng ta biết rằng vì tội của A-đam, tức là tội tổ tông, mà mọi người đều phải chết. Hài nhi chưa ra đời mà đã chết, tức là đã trả xong hình phạt về tội tổ tông.

II. Sự Sa ngã của Con người và Vấn đề Nguyên tội.

A. Nguyên nhân của tội ác.

Dù có nhờ triết học hay mạc khải, con người cũng không thể nào tìm được lời giải thích về nguyên nhân của tội ác. Vì đây là một điều huyền nhiệm. Ta cần nắm vững các điểm sau đây:

1. Thượng Đế không phải là tác giả của tội ác.
2. Thượng Đế không cần tội ác để cho vinh quang của Ngài được rạng rỡ, và Ngài cũng không cho phép tội ác xảy ra để chứng tỏ đức độ vĩ đại của Ngài.
3. Trách nhiệm của con người đối với tội ác không thể bỏ qua, cũng không thể miễn trừ được. Không thể nói rằng con người ngày nay không quan hệ gì đến tội ban đầu.

B. Hậu quả của cuộc sa ngã.

Sau khi loài người sa ngã phạm tội thì hậu quả là gì? Trước tiên ta phải nhận rõ rằng lý trí, tình cảm và ý chí con người vẫn còn đó. Hiệu lực của các phần này chắc chắn là giảm đi nhiều, nhưng các đặc tính chính vẫn tồn tại. Thánh Kinh nhấn mạnh về việc mất mát trong tâm linh. Nghĩa là phần tiếp xúc với Thượng Đế. Trước kia giữ Trời và Người chỉ có một màn mỏng vô hình ngăn cách, nhưng từ khi con người sa ngã, phản nghịch, thì không còn khả năng tiếp xúc với Chúa, và tạo nên một hàng rào ngăn cản giữa dòng giống loài người với Thượng Đế, mà chỉ một mình Chúa Cứu Thế Giê-xu mới có quyền năng dời bỏ. Thật ra, con người sa ngã vẫn có khả năng tiếp xúc với Thượng Đế, nhưng không có năng lực để

thực hiện cho đến khi nào tin nhận Chúa Giê-xu để được phục hòa lại với Thượng Đế, và được Thánh Linh tái tạo. Kết quả của sự mất mát này là con người bị đặt dưới luật của tội ác trong thân xác mình, lôi kéo đi xuống, y như trọng lực, không sao vươn lên được nữa.

Con người không thể nào thoát khỏi luật lệ tội ác cho đến khi được một luật khác mạnh hơn giải phóng, đó là luật của Thánh Linh.

Khi con người sa ngã còn tạo nên các hậu quả tai hại trong môi trường sống nữa. Chúa đã đặt những giới hạn trong thiên nhiên, và mục đích chỉ là để con người không phạm thêm tội ác nữa. Có thể nói đây là những biện pháp kỷ luật dành cho con người trong thiên nhiên. Một trong các biện pháp đó là con người phải làm lụng khổ cực để thắng thiên nhiên, sự đau đớn của người nữ lúc sinh con, giới hạn của đời người trung bình là 70 năm, và sau cùng là sự suy thoái của thể chất.

Trong đời sống tư duy thì lương tâm luôn cáo trách, con người mang một mặc cảm hổ thẹn, sợ bị trả thù v.v. Tất cả những biện pháp này đều là để giới hạn tình trạng phạm tội của con người.

Con người cũng làm mất bản chất thánh thiện hay là bản chất khuôn rập theo ý chỉ và mục đích của Thượng Đế. Con người chỉ có thể trở về địa vị thánh thiện bằng sự vâng phục Chúa Cứu Thế. Trong Chúa Cứu Thế con người được giải phóng khỏi sự lên án của luật pháp, và nhờ quyền năng Thánh Linh, được dần dần thoát ra khỏi sự băng hoại do tội ác gây ra.

C. Nguyên tội hay Tội Tổ Tông.

Trong mỗi đứa trẻ người ta thấy đều có khuynh hướng phạm tội. Thánh Kinh dạy rằng, hậu quả của tội ác đã truyền từ A-đam đến tất cả mọi người, đặc biệt là có khuynh hướng phạm tội, gọi là luật của tội ác. Sau đây là như4ng điểm then chốt về vấn đề Nguyên Tội hay Tội tổ Tông:

1. Lời dạy của Thánh Kinh.

Các khúc Thánh Kinh như Sáng thế ký 8:21 và Thi thiên 51:5 cho biết rằng ngay từ lúc được thai dựng trong lòng mẹ, con người đã có khuynh hướng phạm tội và phản nghịch lại ý chỉ của Thượng Đế. Con người đã đi ngược lại với bản tính thánh thiện nguyên gốc và đã mất khả năng và thói quen giữ mình trong sự sống thánh thiện. Đây là kinh nghiệm chung của mỗi người. Ngoại trừ một mình Chúa Giê-xu, tất cả mọi người ra đời đều đã bị ô nhiễm tội. Chúa Giê-xu nhập thể do quyền năng của Thánh Linh, nên không sinh ra trong huyết thống A-đam, vì thế Chúa không nhiễm tội tổ tông. Chỉ một mình Chúa Giê-xu vô nhiễm tội mà thôi.

Tình trạng con người được tóm tắt bằng hai chữ:

Bị tước đoạt (Deprivation), nghĩa là con người bị xa cách khỏi sự sống thánh thiện nguyên thủy.

Sa đọa (Depravity), nghĩa là con người có khuynh hướng về tội ác, thể xác ước muốn những điều ngược lại với tâm linh.

2. *Tình trạng hoàn toàn sa đọa (Total Depravity).*

Tình trạng "hoàn toàn sa đọa" là một từ được dùng để nói về tội ác đã xâm nhập vào mỗi phần của bản chất con người, nên không có một phần nào có thể làm điều gì gọi là thánh thiện hay tư duy về những việc thánh thiện. Đây là nói về nguyên tắc tội ác, chứ không phải là mức độ tội ác. Từ "Hoàn toàn sa đọa" có nghĩa là nếu không được một sự cứu giúp từ Thượng Đế thì đời người không thể nào trở lại được nữa.

Cũng như một đường thẳng và một đường gãy trong hình học. Đường gãy không thể nào là khoảng cách ngắn nhất giữa hai điểm trên mặt phẳng được, vì nó đã gãy, đã hỏng. Chỉ khi nào đường gãy được uốn thẳng lại, thì mới có thể là đường ngắn nhất giữa hai điểm. Bản chất tội ác của con người cũng như đường đã gãy, không thể nối con người với Thượng Đế được nữa.

III. Bản chất và phát triển của tội ác.

A. Bản chất của tội ác.

Người theo Chúa nên nhớ rằng Thánh Kinh là một cuốn sách về lịch sử công cuộc cứu chuộc nhân loại của Thượng Đế, chứ không phải sách giáo khoa về tội ác. Vì thế Thánh Kinh không định nghĩa nhiều về tội ác. Theo Thánh Kinh thì tội ác là tính cố ý bất tuân ý chỉ của Thượng Đế, hay nói khác đi là kết quả của một hành động hay thái độ cố ý nổi loạn. Tội ác có thể mô tả bằng nhiều từ khác nhau, và cách biểu lộ tội ác cũng được nhìn theo nhiều quan điểm khác nhau, theo những mối quan hệ mà nó được khảo sát, nhưng thực sự xấu xa của bản chất tội ác không ai có thể bỏ qua được.

TỘI là một chữ tổng quát để mô tả những ý niệm như là: "Không đạt đến một tiêu chuẩn đã được đề ra"; hoặc là "Tùy tiện" và "Vô luật lệ" (nghĩa là không chịu theo luật lệ đã ấn định). Người ta thường dùng từ TỘI ÁC đi chung với nhau, nhưng ta cần phân biệt rõ TỘI và ĐIỀU ÁC. Điều ác có thể hiện hữu ở ngoài trách nhiệm của con người, nhưng tội lỗi quan hệ đến quyết tâm của một người hay của một nhóm người. Trong quan hệ này TỘI phải được coi như sự tự ý phân tách khỏi Thượng Đế.

Khi xét đến quan điểm của Thượng Đế về tội, có hai khía cạnh ta cần phân biệt rõ:

Trong quan hệ với bản chất của Thượng Đế, thì TỘI là điều bất khiết.

Trong quan hệ với các thể chế đạo đức của Thượng Đế thì Tội là sự bất tuân trực tiếp quy luật của Thượng Đế.

Con người phải chịu trách nhiệm vì đã được mang một bản chất đạo đức và cũng ý thức được điều ấy. Con người do chính lương tâm và qua mạc khải thiêng liêng, biết rõ rằng mình ở dưới luật lệ của Tạo Hóa, của Thượng Đế. Con người cũng biết rằng mình có trách nhiệm là phải tuân phục, lương tâm con người cũng thường xuyên nhắc nhở như vậy. *Như thế tội lỗi là sự từ chối của ý chí con người đối với sự đòi hỏi vâng phục của Thượng Đế.* Cũng nên để ý rằng, trong quan hệ với Thượng Đế, tội lỗi có mặt trong trí và lòng của con người. Nói tóm lại, bản chất của con người là tội lỗi, chính vì bản chất này mà các hành vi tội ác mới có mặt trên đời.

B. Sự lan rộng của tội ác.

Thánh Kinh cho hay rằng tình trạng tội lỗi là chung cho tất cả mọi người sinh ra tự nhiên trong đời. Chúa Giê-xu là Đấng duy nhất không theo công lệ ấy, vì cuộc vào đời của Chúa hoàn toàn là siêu nhiên. Không những mọi người đều tham dự vào tội lỗi, tội lỗi còn nhiễm vào từng thành phần của bản chất con người nữa. Cùng với những tính khí của con người, mọi người sinh ra đời còn được truyền cho một khuynh hướng phạm tội theo nguyên tắc tội ác, là những luật tội ác hoạt động chống lại luật lệ của Thượng Đế. Chính vì vậy mà con người phải chịu trách nhiệm.

Khi một người phạm tội thì người ấy ở trong một tình trạng gọi là bất hòa đồng. Tình cảm, lý trí và ý chí ở trong tình trạng rối loạn không quân bình và gây hại cho người khác. Tệ hại hơn cả là những phần xúc cảm xác thịt thấp kém trong bản chất lại vượt lên trên những gì cao đẹp và thuộc về tâm linh của con người. Con người biết và chấp nhận những gì thiện lành, nhưng vẫn tiếp tục làm những điều mà chính mình rất ghét. Như thế có thể nói rằng, nguyên tội là nguồn gốc của những tội lỗi được diễn tả qua những hành động cứ tái đi diễn lại mãi trong đời sống mỗi cá nhân.

IV. Phạm tội và hình phạt.

A. Bản chất của sự Phạm tội.

Người ta thường cho rằng Thượng Đế bất công trong trường hợp kết tội một cá nhân không tự ý sinh ra đời và không có năng lực để chống lại tội ác; và một cá nhân khác ra đời có hẳn khuynh hướng về tội, vì vậy mới phạm tội. Những người khác lại không chịu quan sát kỹ bản chất của sự phạm tội, lại đi quá xa và phản đối Chúa là bất công khi đưa tội phạm của A-đam kéo dài cho đến mỗi cá nhân ngày nay. Ta cần phân biệt rõ sự phạm tội của cá nhân và phạm tội do từ trách nhiệm tập thể. Trong đời sống chúng ta thường thấy trường hợp một người bị quan hệ trách nhiệm đến hành động sai lầm của người khác. Thật ra không có người nào bị Thượng Đế lên án vì sự phạm tội của A-đam, nhưng nếu A-đam là ông tổ của cả dòng dõi loài người, thì con người nói chung cũng có trách nhiệm tập thể đối với hành động tội lỗi đầu tiên. Hơn nữa

con người không những chỉ tham dự vào tội ác là vì sinh ra trong dòng A-đam, nhưng ngay từ khi có hiểu biết, cũng đã tự mình giữ một thái độ chống nghịch, phản loạn đối với Thượng Đế.

Thánh Kinh cho biết rằng, như tội nguyên thủy đã truyền cho hậu thế, thì sự phạm tội nguyên thủy cũng bị Chúa kể đến. Thật ra không thể nào suy tưởng ra tội nếu không có sự quan hệ với sự phạm tội. Nói như vậy để ta có thể hiểu rõ hiệu quả của công cuộc cứu chuộc nhân loại của Chúa Cứu Thế Giê-xu. Sự tham dự vào tội nguyên thủy của mọi người được thay thế bằng sự tha tội do cái chết hi sinh của Chúa Giê-xu. Trong dòng A-đam mọi người đều có tội và phạm tội; trong Chúa Cứu Thế Giê-xu là Đấng đứng đầu một dòng dõi nhân loại mới, chúng ta được tha tội và thành công chính.

Cuối cùng con người chỉ bị lên án về tội của chính mình. Con người thật sự đã tự ý phạm tội. Những người đã được nghe Phúc âm cứu độ của Chúa mà cố tình bác bỏ, sẽ không còn lý do nào chữa tội được nữa.

B. Lương tâm

Lương tâm có thể được coi là người lượng giá thường xuyên có mặt trong con người. Lương tâm chứng kiến những gì xảy ra trong tâm trí và hành vi của con người xem có phù hợp với luật của Chúa hay không. Tâm trí con người đã được Chúa tạo nên, và lương tâm như là thước đo của tâm trí, bắt con người phải thường xuyên theo đúng luật Chúa. Nhưng lương tâm không có một sức mạnh nào để bắt con người phải tuân phục, vì vậy vẫn cho con người một vài lý do để nói rằng: không hiểu rõ hành động của mình, và như thế lại càng làm cho con người phải chịu trách nhiệm nhiều hơn.

Tuy nhiên lương tâm đánh giá căn cứ vào bằng cứ chứ không phải vu vơ. Vì vậy lương tâm có thể cải thiện được.

C. Vấn đề đền bù tội ác.

Hình phạt là kết quả tất yếu của tội ác. Sự trừng phạt của Chúa

không mang tính chất báo thù trong đó. Mục đích của sự trừng phạt chỉ là để minh chứng rằng Thượng Đế là Đấng ban luật lệ. Tòa án của loài người ngày nay cũng theo ý nghĩa này mà phán xét tội. Con người đã cố ý phân cách mình với Thượng Đế bằng hành động phạm tội; Chúa vẫn y nguyên, nhưng Ngài không thể nào chấp nhận tội ác.

Thánh kinh đề cập đến một loại hình thức phán xét, đặc biệt là dành cho những người đã tin Chúa, gọi là sửa trị hay răn dạy. Mục đích của hình thức phán xét này là để đưa cá nhân phạm tội đến chỗ ăn năn tội và phục hồi lại địa vị.

Đối với tội ác của con người nói chung, Thánh kinh ghi rằng, cơn giận của Chúa giáng trên tất cả mọi điều vô đạo và tàn ác của con người. Trừng phạt nặng nhất đối với tội ác là cái chết phần tâm linh, vì để chứng minh cho luật thánh của Chúa.

V. Chương trình của THƯỢNG ĐẾ đối với Con Người

A. Bản chất.

Thượng Đế có một chương trình hành động rất lạ thường. Đây là điều mà nếu ta hiểu được, sẽ giúp cho đức tin rất nhiều. Người theo Chúa chịu trách nhiệm về việc sử dụng hết khả năng để mở rộng hiểu biết về Phúc âm và phục vụ Chúa cả trong Hội Thánh lẫn ở ngoài đời, nhưng người theo Chúa không phải chịu trách nhiệm về các kết quả của công việc mình gieo trồng. Vì Chúa bao giờ cũng thực hiện được mục đích đời đời của Ngài. Thư Ê-phê-sô 1:11 ghi: "Mọi việc đều diễn tiến theo chương trình Thượng Đế đã ấn định." Câu này có thể dịch lại là: "Theo mục đích của Ngài là Đấng hoàn thành mọi việc như ý chỉ của Ngài đã định." Nghĩa là Chúa có mục đích rõ ràng và đã có ý chỉ về mọi sự việc xảy ra. Mục đích tối hậu của Chúa là con Ngài, Chúa Cứu Thế sẽ làm chủ tể vũ trụ. Ngài sẽ hội họp muôn vật lại trong Chúa Cứu Thế và trong tất cả mọi tạo vật, Chúa Cứu Thế phải được nổi bật hơn cả. Để hoàn thành chương trình này, Thập tự giá của Chúa Cứu Thế là chính yếu. Đồng thời với mục đích này là mục đích cho người đã tiếp nhận Chúa Cứu Thế được khuôn rập theo hình ảnh của chính Chúa Cứu Thế.

Ta nên để ý là: chương trình của Chúa không bao giờ gọi là một kế hoạch để chuộc dòng dõi loài người. Hơn nữa cũng không thấy nói là có chương trình tuyệt diệt loài người. Tuy nhiên có một chương trình cứu chuộc dân Chúa, và có mạc khải cho biết rằng Chúa đã định sẵn cho những người tin nhận Chúa Cứu Thế sẽ được trở nên giống như Ngài. Thánh Kinh không đi xa hơn điểm này. Ta nên nhớ: tất cả phương tiện và cùng đích hay cứu cánh đều nằm trong kế hoạch của Chúa cả.

B. Ân tuyển chọn và giao ước của Đức Chúa Cha.

Người ta đã nói rất nhiều về việc tuyển chọn của Thượng Đế. Căn cứ vào lời Thánh Kinh dạy chúng tôi rút ra những nguyên tắc về vấn đề này:

1. Thánh Kinh ghi lại rằng, trước khi có lịch sử loài người thì trong ý chỉ của Ba Ngôi Thượng Đế đã có ý nghĩ về việc cứu chuộc.

2. Ý nghĩ hay chương trình cứu chuộc này không được mạc khải ra, chúng ta chỉ hiểu rằng đây là ý của Đức Chúa Cha đã được Đức Chúa Con nhận và hoàn thành, và chương trình chi tiết là do Đức Thánh Linh thực hiện.

3. Mỗi Ngôi trong Ba Ngôi Thượng Đế đóng một vai trò trong chương trình của Ngài. Đức Chúa Cha là tác giả của chương trình; Đức Chúa Con sinh từ Đức Chúa Cha, thi hành ý chỉ cứu chuộc của Đức Chúa Cha; Đức Thánh Linh xuất phát từ Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con thực hiện ý chỉ của cả hai, và được hợp nhất với cả hai, vì cùng một mục đích cứu chuộc. Trong quan hệ với loài người thì mục đích của Đức Chúa Cha nhằm vào việc chuộc con người sa ngã, chọn sự hi sinh ở ngọn đồi Gô-gô-tha làm phương tiện chính, và đã dự liệu áp dụng các phương cách này cho đến chỗ hoàn thành.

C. Giao ước giữa Chúa và con người.

Giao ước của Chúa đối với A-đam, Nô-ê và Áp-ra-ham đều là để

cho ta hiểu một giao ước cao cả được gọi là huyền nhiệm bí ẩn cho đến thời điểm được mạc khải. Đó chính là khi Chúa Cứu Thế vào đời làm người Trung bảo, và bảo đảm cho giao ước ấy. Giao ước này được mô tả là giữa Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con, vì chúng ta, Đức Chúa Con vào trần gian để đứng về phía chúng ta lập một giao ước giữa Trời và Người.

Một trong những điều thuộc về giao ước này là lời hứa về địa vị con người trong niềm tin nơi Chúa Cứu Thế được nâng cao hơn địa vị của A-đam ngày xưa khi chưa sa ngã. Đây chính là điều gọi là Thượng Đế đã tiên định cho con người ở trong Chúa Cứu Thế, nghĩa là không trở lại vườn địa đàng ở trần thế, nhưng được nâng cao lên đến hình ảnh của Chúa Cứu Thế Cao cả.

Chữ Tiên Định, hay dự định trước là một chữ thường bị lạm dụng và hiểu nhầm. Chữ này trong Thánh kinh cho thấy rằng đó là mối quan hệ của những cá nhân đã có lòng tin và một sự chế ngự kiểm soát của những bước dẫn đến sự tin nhận Chúa Cứu Thế, và đi đến sự đổi mới trong đời sống mỗi cá nhân ấy để nên giống như Chúa Cứu Thế, nghĩa là những người ấy đã được chọn. Như vậy khi nói rằng "được chọn" tức là nói rằng được Chúa biết trước. Trong Kinh Tân Ước thì những người được chọn là những người đã được Chúa khai tâm và được tách rời khỏi mọi người chung quanh, vì quyết tâm trung thành với Chúa Cứu Thế và sống cách sống đặc biệt của họ giữa thế gian này. Những người được chọn lại còn được mô tả là đã được chọn ở trong Chúa Cứu Thế từ trước khi có thế gian này, nghĩa là đã được Chúa định trước.

Vấn đề được chọn hay tiên định rất khó giải thích. Vì tất cả mọi người đều đồng ý rằng, một người muốn được cứu thì phải ăn năn tội, và có lòng tin nơi Chúa.

Mọi người cũng đồng ý rằng Chúa Cứu Thế là con đường duy nhất để loài người nhận được ơn cứu độ của Thượng Đế ban cho.

Mọi người đều đồng ý rằng sự thánh hóa đời sống là một điều kiện của con người được cứu chuộc.

Mọi người cũng đồng ý rằng con người không thể nào tự cứu lấy mình, và phải nhờ đến năng lực của Thần Linh để đánh thức và ban quyền năng.

Mọi người cũng đồng ý rằng, sau khi đã tin nhận Chúa người được chuộc và được thánh hóa thường biết sự đổi mới trong đời sống mình không phải là chuyện ngẫu nhiên hay tình cờ nhưng đã được Chúa định sẵn. Chúa có hẳn một kế hoạch cứu vớt riêng từng cá nhân. Chính vì vậy mà người tin Chúa, biết ơn Chúa sâu xa.

Nhưng người ta thường hay quan niệm khác nhau về căn bản của sự lựa chọn của Chúa.

Đối với một số người thì sự tuyển chọn của Chúa là kết quả của việc Chúa biết trước đức tin tiềm tàng trong con người ấy, và người ấy khi nghe tin mừng thì có thể quay về với Chúa. Như vậy "Sự Tuyển Chọn" xác nhận và ấn chứng đáp ứng của họ đối với Thượng Đế, với những kết quả đã biết trước, phù hợp với Chúa Cứu Thế.

Đối với người khác thì cho rằng sự đáp ứng của lòng tin và việc quay về với Chúa là kết quả của ân sủng lựa chọn từ trước của Chúa. Ân sủng này đã tìm họ đúng lúc và đã định sẵn cho ý chí của họ là phải đáp ứng tiếng gọi của Chúa.

Theo Thánh Kinh thì chúng ta thấy rằng Thượng Đế có toàn quyền, và Ngài muốn hành động như thế nào vẫn hợp lý, nhưng Thượng Đế không hoàn toàn độc đoán.

Cũng theo Thánh Kinh chúng ta biết rằng ơn cứu độ của Chúa dành cho tất cả mọi người, nhưng Chúa cũng không thể nào ép buộc ai theo Chúa, nếu người ấy cố tình không muốn. Vì vậy ta vẫn thấy trách nhiệm của mỗi người đối với cuộc đời của mình, và nhất là đối với ân huệ của Chúa. Ân huệ của Chúa đối với chúng ta là cho chúng ta dịp tiện và cơ hội để suy nghĩ về Chúa, và bằng lòng tin để được phước hay là từ chối để chuộc lấy thảm họa về sau.

Sau đây là một vài điểm ta cần ghi nhớ liên quan đến vấn đề tuyển chọn hay là tiền định:

1. Thánh Kinh không bao giờ nói rằng Thượng Đế bắt con người phải làm theo ý chỉ của Ngài. Con người luôn luôn được tự do lựa chọn.

2. Vấn đề lựa chọn hay tuyển chọn của Chúa đã được trình bày để cho con người thấy rõ ân huệ của Chúa thật là vĩ đại, và con người không bao giờ xứng đáng được nhận cả.

3. Vấn đề Thượng Đế tuyển chọn mặc dù rất huyền nhiệm, cũng chỉ là một phần trong giáo lý cứu rỗi. không ai có thể dùng lý do này để cố tình phạm tội, vì mỗi người đều phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Người truyền bá Phúc Âm vẫn có trách nhiệm kêu gọi nài mời mọi người đến giao hòa với Thượng Đế. người truyền bá Phúc Âm và người nghe Phúc Âm đều có trách nhiệm cả. Một đảng phải trung tín rao truyền, một đảng phải đáp ứng tiếp nhận.

5. Sự cứu chuộc là dành cho tất cả mọi người. Mọi người đều phải nghe lời Chúa kêu gọi mà đáp ứng, mặc dù người truyền bá Phúc Âm nhiều khi không hội đủ các điều kiện chẳng nữa.

6. Mặc dù Thánh Kinh dạy rằng, người nào đã thật lòng tin Chúa thì được bảo đảm đời đời là hưởng ân huệ của Chúa, nhưng người ấy cũng không thể lạm dụng ân huệ ấy mà cứ phạm tội. Thật ra người theo Chúa mà còn phạm tội thì bị trừng phạt nặng hơn người chưa tin nữa.

7. Tất cả các nan đề cũng như những điều nghi ngờ đều có thể giải quyết bằng cách trực tiếp đến với Chúa, cầu nguyện xin Chúa cho hiểu được nhưng điều huyền nhiệm về Ngài. Chỉ có phương cách này tâm hồn chúng ta mới thật sự được an nghỉ mà thôi.

Là người tin Chúa, chúng ta phải nhớ kỹ rằng có hai giáo lý quan trọng về vấn đề lựa chọn và cứu rỗi:

Thứ nhất là quyền chủ tể của Thượng Đế. Do quyền chủ tể này mà chúng ta chắc chắn rằng các mục đích của Chúa dự định đều sẽ thành tựu tất cả.

Thứ hai là trách nhiệm đáp ứng của con người. Mặc dù Chúa có chương trình hành động, nhưng người theo Chúa vẫn có trách

nhiệm làm việc và kêu gọi mọi người như là mọi việc đều phụ thuộc vào sự siêng năng và đáp ứng của con người đối với Phúc Âm. Thánh Bernard có nói rằng: "*Bỏ ý chí tự do đi, thì không còn gì để cứu nữa; bỏ ân huệ đi thì sẽ không biết cứu bằng cái gì.*"

PHẦN THỨ TƯ

CHÚA CỨU THẾ

I. Thần tính và danh phận làm con.

A. Sự tiên hữu của Chúa Giê-xu.

Tiên hữu tức là hiện hữu từ trước, dịch nghĩa của các chữ *préexistence* của tiếng Pháp, hay *pre-existence* của tiếng Anh. Khi nói đến tiên hữu của Chúa Giê-xu ta phải hiểu là trước khi Chúa giáng thế làm người tại làng Bê-lem, Chúa đã hiện hữu. Nhưng chữ tiên hữu này còn phải hiểu là Chúa Giê-xu có trước tất cả mọi vật hiện hữu. Chính Chúa Giê-xu đã cùng với Thượng Đế sáng tạo vạn vật muôn loài. Chúa Giê-xu vào thế gian như một mạc khải sống của Thượng Đế cho con người, điều này chứng minh rằng Chúa tiên hữu. Chính Chúa Giê-xu cũng từng tuyên bố rằng Ngài không thuộc về thế gian này, nhưng thuộc về cõi vĩnh hằng. Người theo Chúa phải nắm vững điểm này, nếu không là một thiếu sót lớn trong việc biết Chúa.

B. Thần tính của Chúa Giê-xu.

Thần tính tức là tính cách thần linh của Ngài, nói khác đi là tính cách Thượng Đế của Ngài. Có người bảo rằng chính Chúa Giê-xu không bao giờ nhận Ngài là thần linh. Điều này hoàn toàn sai lạc. Chúa Giê-xu không khoe khoang mình là Thượng Đế hay thần linh, tuy nhiên qua cuộc đời của Chúa, đã nhiều lần Ngài chứng minh Ngài là Thượng Đế. Ngay án tử hình của Ngài cũng ghi rằng: Vì Giê-xu tự xưng mình là Con Đức Chúa Trời. Chúa cũng nói rõ cho quan án Phi lát biết rằng: Ngài từ cõi vĩnh hằng mà đến, Ngài không thuộc về thế giới này, Ngài đã sinh ra làm một người, Ngài đã giáng thế. Còn khi bị cáo rằng Ngài tự xưng là con Đức Chúa Trời, thì Ngài xác nhận rằng: Thật như vậy. Nghĩa là đúng như vậy. Rồi khi Phê-rô tuyên xưng Chúa là Đấng Cứu Thế, con Thượng Đế vĩnh hằng, thì Chúa nói rằng không phải ngẫu nhiên mà Phê-rô biết được điều này, nhưng đó là một mạc khải.

Hai danh hiệu sau đây cần phải được hiểu thật rõ: Con Thượng Đế và Ngôi Lời. Hai điểm sau đây cũng cần ghi nhớ:

1. Chúa Giê-xu là một sự bày tỏ đặc biệt của Đức Thượng Đế, nhưng Ngài không phải chỉ là một ảnh hưởng mà thôi.

2. Chúa Giê-xu hoàn toàn bình đẳng với Đức Chúa Cha, là Đấng mà Ngài phản ánh trung thực về bản chất cũng như vinh quang.

C. Danh Phận làm con của Chúa Giê-xu.

Chúa Giê-xu là Con Thượng Đế nghĩa là gì? Thánh Kinh dùng chữ "được sinh ra" từ Thượng Đế để nói về Chúa Giê-xu, chữ "được sinh ra" đó hàm ý rằng Chúa Giê-xu không được tạo ra như các Thiên sứ. Chữ được sinh ra cũng là một chữ khó hiểu, vì nó mang ý niệm về một mối tương giao chân thật của bản chất. Người ta chỉ có thể hiểu "được sinh ra" khác hẳn với "được tạo ra". Chúa Giê-xu mặc dù được gọi là Con Đức Thượng Đế, phải hiểu thêm rằng Chúa Giê-xu đã là con Thượng Đế trước khi có cả thời gian nữa. Mặt khác địa vị làm con của Chúa Giê-xu là một địa vị vĩnh hằng. Các lý thuyết nào nói rằng từ "Con Thượng Đế" chỉ được dùng khi Chúa vào đời, là trái với Kinh thánh. Vì Hê-bơ-rơ 1:8 ghi: "Nhưng về Con thì Ngài phán rằng 'Lạy Chúa ngôi Ngài còn đến đời đời.'"

II. Sự nhập thể của Chúa Giê-xu.

A. Mục đích của cuộc nhập thể:

Theo Thánh kinh thì cuộc vào đời của Chúa là vì mục đích cứu chuộc nhân loại. Để trở thành A-đam thứ hai, người đứng đầu nhân loại mới, tức là những người được cứu chuộc, phải mang một thân xác như loài người chúng ta, và khi làm một người, thì Chúa Cứu Thế vắng phục ý chỉ Thượng Đế hoàn toàn. Con các lý do khác nữa, thí dụ như vì vai trò làm thầy tế lễ cao cả, mà Chúa đã chịu bị cám dỗ y như loài người, nhưng không hề phạm tội, và Ngài cũng biết hết mọi sự yếu đuối của con người chúng ta. Chúa Giê-xu cũng vào đời để thể hiện đức khôn ngoan và thương yêu của Thượng Đế

trong một hình thức mà loài người có thể hiểu được.

Trong các tôn giáo đồng phương cũng có những cuộc vào đời, nhập thể như Chúa Giê-xu, nhưng xét kỹ, chúng ta thấy rằng những cuộc vào đời ấy ngược hẳn với cuộc vào đời của Chúa Giê-xu. *Vì Chúa là thần linh trở thành người, còn các vị giáo chủ các tôn giáo là người trần được tôn lên làm thần linh.*

B. Những điểm chính của cuộc nhập thể.

Những điểm chính của cuộc nhập thể của Chúa Giê-xu đã được Thánh Kinh ghi lại như sau:

1. Chúa có một thân xác loài người thật, và một linh hồn có lý trí. Ngài là một người hoàn toàn, A-đam thứ hai.

2. Chúa Giê-xu có một bản chất Thần linh hoàn toàn, đầy đủ.

3. Chúa không phải là hai con người, nhưng chỉ là một người.

C. Cuộc sinh ra của Chúa.

1. Thánh kinh dạy rằng mẹ phần xác của Chúa Giê-xu là một nữ đồng trinh, và việc thụ thai hoàn toàn là một phép lạ, tác nhân của việc ấy là Thánh Linh. Như thế Chúa Giê-xu hoàn toàn không mang tội tổ tông truyền lại, nghĩa là dòng dõi loài người bị cắt ngang do một cuộc thụ thai bằng phép lạ. Như thế Chúa Giê-xu sinh ra từ một trinh nữ mà Chúa trở thành vô tội. Chúa hoàn toàn vô tội và đã vào đời trong tư thế vô tội như vậy.

Cuộc vào đời của Chúa do một trinh nữ chứng tỏ rằng Thượng Đế đã làm một điều kỳ lạ trong nhân loại để cứu con người. Cuộc vào đời ấy chứng minh rằng con người không hề đóng góp được gì vào sự cứu rỗi của chính mình. Thượng Đế đã phải bắt đầu lại tất cả, và không cần sự giúp đỡ của con người. Ngay Ma-ri cũng hoàn toàn thụ động. Một mình Thượng Đế khởi đầu và hoàn thành. Chính Ngài đã thăm dấn Ngài và cứu chuộc họ. Nghĩa là Chúa hành động một mình trong công cuộc cứu rỗi nhân loại.

2. Chúa Giê-xu mang hai bản chất, nhưng vẫn chỉ là một con

người. Ngài khác hẳn với tất cả nhân loại vì Ngài không do một người cha trần thế sinh ra, Ngài hoàn toàn vô nhiễm tội, dù là tội di truyền hay tội mắc phải.

III. Thần tính và nhân tính của Chúa Giê-xu

Vấn đề thần tính và nhân tính của Chúa Giê-xu nêu lên mấy điểm như sau:

a. *Kenosis: tự dốc đổ ra.*

Trong Phi-líp 2:7 có ghi rằng, Chúa đã tự bỏ mình đi lấy hình tội tó. Tuy nhiên những chữ "tự bỏ mình đi" hay là "tự dốc, đổ" không có nghĩa là Chúa để lại thần tính của Ngài trên trời mà vào trần gian làm một người. Chúa Giê-xu vào đời với đầy đủ thần tính và nhân tính. Câu: "Ngài tự bỏ mình đi" chỉ có nghĩa là Ngài bỏ địa vị Thượng Đế để làm một người nghèo hèn trong nhân loại mà thôi.

b. *Hai bản tính trong một cá thể.*

Nhiều khi nghĩ đến Chúa có hai bản tính trong một cá thể, chúng ta thấy khó hiểu, vì không hiểu làm sao có thể như vậy được. Chẳng lẽ có lúc Chúa hành động hay nói năng như một người hoàn toàn, rồi lúc khác lại là Chúa hoàn toàn? Ta nên nhớ các điểm sau đây:

1. Hai bản chất của Chúa đã hoàn toàn hòa hợp, nhưng không trộn lẫn hay bị biến đổi các đặc tính.

2. Bản chất thần linh của Chúa cũng không bị giảm đi trong các giới hạn của bản chất con người. Bằng cố là Chúa vẫn làm phép lạ siêu nhiên.

3. Hai bản chất ấy cũng ở trong nhau, khác hẳn với cách Thánh Linh ở trong lòng người tin Chúa, vì hai bản chất ấy hòa hợp lại làm một, và Chúa hành động suy nghĩ như một người chứ không phải hai người.

IV. Đời sống của Chúa Cứu thế

Người nào học Thánh Kinh cũng phải đọc trọn một trong các cuốn Phúc Âm để có thể nắm vững câu chuyện về cuộc đời của Chúa Cứu Thế. Những người muốn đi sâu vào văn chương nghệ thuật và tư tưởng của thế giới nói chung, cũng không thể nào bỏ sót cuộc đời của Chúa Cứu Thế. Nhiều người đã dày công nghiên cứu, và hoàn thành những bộ sách về cuộc đời của Chúa Cứu Thế căn cứ vào những dữ kiện mà họ tìm được, đó cũng là những tài liệu đáng cho ta nghiên cứu. Nếu bạn chưa đọc sách Phúc Âm, thì cũng nên đọc để phân nghiên cứu về cuộc đời của Chúa được dễ dàng hơn.

A. Những đức tính của Chúa Cứu Thế.

Chúa Giê-xu đã được Thánh Kinh đặt làm đối tượng của sự thờ phượng, là Đấng có quyền tha thứ tội ác, là Nguồn Sống và đường mở lên Thượng Đế, Ngài cũng đồng nhất với Thượng Đế, và có thể sai Đức Thánh Linh đến với các môn đệ của Ngài. Mặt khác, chúng ta cũng thấy rằng Chúa thường cảm thông với nỗi khổ đau của con người, hiểu được tâm hồn người và yêu mến dân tộc của Ngài. Sau đây là tóm tắt các đức tính của Chúa:

1. Lu-ca 2:52 ghi rằng: Chúa Giê-xu khôn ngoan càng thêm, thân hình càng lớn, càng làm đẹp lòng Đức Chúa Trời và người ta. Đây là nói về tính cách con người của Chúa. Chúa sinh ra và lớn lên như mọi người. Nhưng đặc biệt là Chúa có Thần tính. Chúa khôn ngoan không phải kiểu như con người, nhưng là cái khôn ngoan tuyệt vời, toàn hảo nhất. Khôn ngoan của Chúa là loại khôn ngoan thấy rõ mọi việc ẩn giấu, dù là trong tư tưởng hay trong tâm hồn người. Chúa đã thường cho các môn đệ biết những gì Chúa đã thấy trong tư tưởng của họ như vậy. Chúa cũng thường xuyên liên lạc với Đức Chúa Cha là Nguồn của mọi khôn ngoan và trí tuệ. Chúa Giê-xu thật là Đấng siêu phàm trong lịch sử loài người.

2. Hê-bơ-rơ 4:15 ghi rằng: "Chúng ta có một thầy tế lễ bị thử thách trong mọi việc cũng như chúng ta, nhưng chẳng hề phạm tội." Chữ thử thách trong câu này cũng đồng nghĩa như chữ cám dỗ. Chúa bị cám dỗ theo nghĩa nào? Đây là câu hỏi người ta thường hay đặt ra. Chúng ta biết rằng Chúa vô nhiễm đối với tội ác khi Chúa

sinh ra, vì Ngài không sinh ra trong dòng máu A-đam. Tuy nhiên Thánh Kinh cho biết rằng Chúa có thể bị cám dỗ qua các cơ phận của thân xác cũng như A-đam. Nhưng có thể bị cám dỗ chưa phải là có tội. Tội là sự đồng ý của ý chí để làm những gì mà cám dỗ đề nghị ra. Chúa Giê-xu có thể bị cám dỗ nhưng không để cho sức mạnh cám dỗ lôi kéo bản chất hoàn toàn thánh thiện của Ngài. Các nhà thần học thường gọi sức đề kháng cám dỗ của Chúa là *Posse Non Peccare*, nghĩa là sức mạnh không phạm tội; và *Non Posse Peccare* nghĩa là không có sức mạnh để phạm tội. Chúa Giê-xu không thể phạm tội, mặc dù Ngài bị cám dỗ. Đây cũng là điều huyền nhiệm chỉ một mình Chúa Cứu Thế có được.

3. Sự có mặt ở khắp mọi nơi, tức là omnipresence. Chúa Giê-xu mang bản tính Thượng Đế nên không bị giới hạn bởi không gian và thời gian. Ngài luôn luôn có mặt ở tất cả mọi nơi trong cùng một lúc. Nói cách khác, mặc dù mang thân xác con người, nhưng Chúa không bị giới hạn trong thân xác đó.

4. Quyền năng phép lạ. Chúa Giê-xu không phải chỉ có ân tứ làm phép lạ như các vị tiên tri hay linh tụ tôn giáo ngày xưa, Chúa có quyền năng để thi hành các phép lạ đó.

B. Danh hiệu của Chúa.

Chúa Giê-xu có nhiều danh hiệu.

Ê-sai gọi Chúa là Đấng Mưu Luận lạ thường, Đức Chúa Trời quyền năng, Cha đời đời, Chúa bình an. Nơi khác gọi Chúa là Em-ma-nu-ên, nghĩa là Chúa ở cùng chúng ta.

Tân-ước thì gọi Chúa là Ngôi Lời, Con Đức Chúa Trời, Con Người, A-đam thứ hai, Đấng Trung bảo, chiên con của Đức Chúa Trời, A-men, Al-pha và Ô-mê-ga, Đấng đầu tiên và sau cùng, Chúa Giê-xu, Đấng Christ hay Chúa Cứu thế, Ánh sáng thật. Chính Chúa cũng tự xưng là con Đường, là Chân Lý, là Sự Sống v.v. Nếu kể ra thì còn nhiều danh hiệu khác nữa đã được ghi trong Thánh Kinh.

C. Mục Đích Cuộc Đời của Chúa Cứu Thế.

Nhìn vào cuộc đời của Chúa Cứu Thế người ta thấy thật ngắn

ngủi, Chúa chỉ sống trên mặt đất có 33 năm. So với các thánh hiền, anh hùng thế giới thì Chúa chết rất trẻ, làm sao công nghiệp của một người trẻ như thế lại có thể ảnh hưởng đến nghìn đời sau ?

Ta nên nhớ rằng Chúa Giê-xu ra đời không phải để sống trong đời này hay xây dựng đóng góp vào cuộc đời này cho một thế hệ. Chúa Giê-xu là mạc khải của Thượng Đế cho nhân loại. Chúa vào đời để nhân loại thấy rằng Thượng Đế không phải là một ý niệm, nhưng là thực hữu. Hơn nữa, cao điểm của cuộc đời một người là thành công vinh quang trong địa vị nào đó, nhưng đối với Chúa Giê-xu thì cao điểm là sự chết hi sinh chuộc tội cho nhân loại. Sau đây là một vài điểm ta cần phải ghi nhớ:

1. Chúa phải vào đời để có thể trở thành sinh tể chuộc tội cho loài người. Sinh tể ấy theo Kinh Thánh Cựu Ước là phải hoàn toàn tinh sạch. Một mình Chúa Giê-xu hội đủ điều kiện này, vì Chúa hoàn toàn vô tội.

2. Chúa vào đời hoàn toàn vâng theo lệnh của Đức Chúa Cha để làm ngược lại hành động phản nghịch của A-đam ngày xưa. Chúa vâng phục để có thể khai sinh một nhân loại mới.

3. Nhờ cuộc vào đời của Chúa mà Ngài mới có thể làm Đấng Trung bảo và thầy tế lễ cho nhân loại mới.

V. Sự chết của Chúa Cứu Thế.

Đọc Phúc Âm ta đã biết Chúa Giê-xu bị phản nộ như thế nào, và sau đó Chúa đã bị bắt trong vườn Ghết-xê-ma-nê, môn đồ tan tác mỗi người một nơi, và Chúa bị đưa đến các tòa án để xét xử. Thường người ta chỉ nói đến tòa án của Tổng Trấn Phi Lát, nhưng quên rằng Chúa bị xét xử tất cả là 4 lần:

Lần thứ nhất, trước tòa án tôn giáo Do Thái. Phúc Âm Mác 14:55 và câu 64 ghi: "Các vị trưởng tế và cả Hội Đồng Do Thái giáo tìm bằng chứng để khép Chúa vào tội tử hình, nhưng không tìm được. ...Quý Ngài vừa nghe tận tai lời phạm thượng, vậy quý Ngài

quyết định thế nào?" Các lãnh tụ Do Thái Giáo đều đồng ý lên án tử hình Chúa Giê-xu.

Phiên tòa này thật ra bất hợp pháp vì các lý do sau đây:

1. Phiên tòa họp vào buổi tối. Không bao giờ người ta thi hành một việc xét xử vào buổi tối như vậy.

2. Phiên tòa họp vào một dịp lễ lớn. Trong truyền thống Do Thái người ta không bao giờ tổ chức một phiên tòa nào vào đêm rằm ngày Sa bát hay là một ngày lễ.

3. Trong các điều kiện kể trên, có thể không đầy đủ 23 linh tụ của Hội Đồng Tôn giáo Do Thái.

4. Việc lên án và hành quyết xảy ra trong cùng một ngày, ít khi người ta xử án như vậy, vì có thể oan uổng cho người có tội.

5. Tội lộng ngôn không thể đưa đến tử hình được. Đây là người ta cố tình giết Chúa, mặc dù Chúa chỉ xác nhận Ngài là Con Thượng Đế. Phiên tòa có tính cách nhục mạ nhiều hơn là xét xử.

Đó là nói về phiên xử thứ nhất, phiên xử thứ hai là ở dinh Tổng Trấn người La mã.

Phi-lát là viên Tổng Trấn thứ năm của vùng Giu Đê. Các vị trưởng tế đã tố cáo Chúa ba điều trước tòa Phi-lát:

1. Làm rối cuộc trị an.
2. Xúi dân đứng nộp thuế cho Xê-gia (hoàng đế La mã)
3. Tự xưng mình là vua.

Cả ba điều tố cáo này đều là vu oan, vì Chúa không gây rối cuộc trị an, mà chỉ chuyên làm việc thiện lành, nên dân chúng theo Ngài để được chữa bệnh, vừa thể xác, vừa tâm linh đáng nhẽ người ta phải ghi ơn Chúa mới đúng.

Vì không có chứng cứ nào cả nên sau khi trực tiếp tra vấn Chúa cận kề, Phi-Lát tuyên bố là Chúa vô tội.

Phiên xử thứ ba là ở dinh Vua Hê-rốt.

Hê-rốt là vua bù nhìn người Do Thái do La mã đặt lên. Việc đưa Chúa sang cho Hê-rốt xử hoàn toàn là sáng kiến của Phi-Lát, cốt để Hê-rốt vui lòng, vì hai bên trước kia có hiềm khích. Theo luật lệ hành chính thì Chúa ở trong lãnh thổ do Hê-rốt quản nhiệm. Phi-Lát cũng muốn có ý kiến chính thức của Hê-rốt để việc xử án được dễ dàng hơn. Tại dinh Hê-rốt, Chúa không trả lời một câu hỏi nào, mặc dù các giới lãnh đạo Do thái lên án Ngài đủ điều. Đây cũng là cuộc sỉ nhục Chúa chứ không phân xử gì cả.

Phiên xử thứ tư, cũng là cuối cùng, ở dinh Phi-Lát.

Đối với Phi-Lát thì việc Vua Hê-rốt không lên án Chúa mà lại giao về cho ông ta, chứng tỏ rằng Chúa vô tội. Phúc âm Lu-ca 23:14,15 ghi: " Các ngươi đã đem nộp người này cho ta, về tội xui dân làm loạn, nhưng tra hỏi trước mặt các ngươi đây, ta không thấy người phạm một tội nào mà các ngươi đã cáo, Vua Hê-rốt cũng vậy, vì vua đã giao người về cho ta." Phi-Lát quyết định sẽ xử phạt Chúa bằng cách đánh roi, rồi tha ra. Phi-Lát tuyên bố Chúa vô tội ba lần, đều bị các trưởng lão và các trưởng tế phản đối. Họ đòi xử tử Chúa và tha Ba-ra-ba. Tiếng hò reo của họ đã át công lý. Mặc dù không phải sống dưới chế độ dân chủ, nhưng Phi-Lát vẫn phải làm theo ý của những người âm mưu giết Chúa, vì ông ta cũng sợ hại đến bản thân mình.

Sau đó Chúa Giê-Xu đã bị đưa lên đồi Gô-gô-tha và bị hành hình chung với hai kẻ phạm tội khác. Đóng đinh trên thập tự giá là một hình thức xử tử chỉ dành cho những tội nhân không phải là công dân La-Mã. Thông thường thì một tội nhân bị hành hình như thế từ từ chết sau 12 giờ đau đớn vì các vết thương do đánh đập, do đinh đóng vào tay và chân, vì nắng nóng và vì kiến, ruồi theo dòng máu đục khoét vết thương.

Chúa bị đóng đinh trên ngọn đồi, tiếng A-ram gọi là Gô-gô-tha, tiếng La tinh gọi là Calvary, cả hai chữ đều có nghĩa là ngọn đồi hình sọ người.

Đọc câu chuyện Chúa chết trên thập tự giá ghi trong Phúc Âm ta thấy có bảy lời nói của Chúa trước khi chết:

1. "Chúa ơi, Chúa ơi! Sao Ngài đành bỏ con?" Mác 15:34.
2. "Xin Cha tha tội cho họ, vì họ không biết rõ hành động của họ." Lu-Ca 23:34.
3. "Hôm nay con sẽ ở với ta trong nơi phước lạc" Lu-Ca 23:43
4. "Lạy Cha, con xin giao linh hồn con trong tay Cha." Lu-Ca 23:46
5. "Bà, đây là con của bà" (nói với bà Ma-Ri)
"Và đây là mẹ của con" (nói với Sứ Đờ Giăng) Giăng 19:26,27.
6. "Ta khát!" Giăng 18:28
7. "Hoàn tất" Giăng 19:30.

Chúa Giê-Xu đã hoàn tất công việc hi sinh làm sinh tể, chuộc tội cho nhân loại, trên thập tự giá. Nhờ đó mà mỗi chúng ta ngày nay tin nhận Chúa thì được quyền đến với Thượng Đế để tôn thờ và được nhận làm con trong gia đình của Chúa.

VI. Cuộc Phục Sinh của Chúa Cứu Thế.

Qua lời dạy của các Sứ Đờ trong sách Công Vụ các Sứ Đờ, và trong các thư của Tân Ước, ta nhận thấy rằng sự phục sinh của Chúa Cứu Thế là một trong hai điểm quan trọng nhất của toàn bộ giáo lý của Cơ-đốc-giáo nói chung.

A. Ý Nghĩa của Sự Phục Sinh.

Sự Phục sinh của Chúa Giê-xu là đề tài chính trong các bài giảng đầu tiên của các Sứ Đờ, vì nó biện minh cho tất cả những gì đã xảy ra trong cuộc đời trần gian của Chúa. Những lời dạy, những lời tuyên bố, sự vâng phục cho đến chết của Chúa Cứu Thế cũng như đức tin và hi vọng của các môn đệ đều đã được biện minh bằng việc làm của Đức Chúa Cha trong đó Chúa Cứu Thế đã đắc thắng mọi thế lực thù nghịch, dù là loài người hay quỷ dữ, hoặc chính sự chết

đi nữa. Xét về ý nghĩa cuộc phục sinh chúng ta thấy có các điểm sau đây:

1. Phục sinh của Chúa Giê-xu là sự biện minh cho người Đầy Tớ Trung tín của Đức Chúa Trời, Đấng đã bị đóng đinh trên cây thập tự, Ngài chính là Chúa và Đấng Cứu Thế, Đấng Mê-si mà Chúa đã hứa. Cuộc phục sinh của Chúa chứng minh thần tính siêu việt của Ngài và xác nhận rằng Ngài đã được chỉ định làm quan án xét xử toàn thể nhân loại trong ngày cuối cùng.

2. Sự Phục sinh được coi như một dấu ấn chuẩn nhận công việc hi sinh của Chúa Cứu Thế để đền tội cho cả nhân loại, hoàn thành những lời hứa từ thời xa xưa. Kết quả là sự cứu rỗi và tha thứ tội ác được tuyên bố nhân danh Chúa Giê-xu. Sự Phục Sinh như vậy trở thành sức mạnh chính yếu của việc truyền giảng Phúc Âm cho thế giới.

3. Sự Phục Sinh xác nhận người tin Chúa trong đức tin đặt vào Thượng Đế và quyền năng của Ngài, và đảm bảo cho sự cứu rỗi toàn vẹn của mỗi người. Không những chứng minh rằng cái chết của Chúa là vô cùng giá trị, mà còn cho chúng ta biết rằng: Nếu khi chúng ta còn là kẻ thù với Chúa mà được giao hòa với Thượng Đế do cái chết hi sinh thay thế của Chúa Giê-xu, thì bây giờ còn hơn thế nữa, chúng ta được giao hòa và được cứu bằng sự sống lại của Ngài. Sự sống phục sinh của Chúa tiếp tục cứu chúng ta, vì Ngài hiện nay là thầy tư tế, dâng tế lễ chuộc tội cho chúng dân ở ngay trong nơi Chí Thánh trên trời.

4. Sự sống lại của Chúa Cứu Thế là dấu hiệu và là bằng chứng của sự sống lại trong thân xác của tất cả những người đã tin nhận Chúa, và cũng xác định rõ thái độ mới của người tin Chúa đối với sự chết, và biến thay hi vọng của những người ấy.

5. Cùng với sự thắng thiên về trời và sự vinh thắng, sự phục sinh đã hoàn thành công thức: Chết - Sống lại - Vinh thắng. Công thức này cũng sẽ áp dụng cho người theo Chúa vì mọi người đều sẽ trở nên giống như Chúa. Giống Chúa và sống với Chúa, người tin Chúa trở thành chết về tội lỗi mà sống cho Thượng Đế. Báp tem là một hình ảnh tượng trưng cho giai đoạn chết và sống lại của

người theo Chúa. Khi đã sống lại trong đời mới, người ấy phải đặt tâm trí mình vào những việc trên cao, chết về chính mình và sống cho Chúa mỗi ngày.

6. Sự Phục sinh là một mạc khải của Chúa cho người theo Chúa. Nó đổi đức tin của người tin từ không khí triết học và đạo đức, đến chỗ công nhận sự phục sinh là việc làm của Thượng Đế nhằm cứu vớt dòng dõi nhân loại.

B. Bằng chứng về sự Phục sinh của Chúa Giê-xu.

Sau đây là tóm lược các bằng chứng về sự phục sinh của Chúa Giê-xu:

1. Sự thay đổi trong thái độ của các môn đệ Chúa Giê-xu. Vì trước khi Chúa phục sinh đa số những người này không tin và cũng không hiểu những lời Chúa báo trước về việc Chúa phục sinh. Nhưng sau khi Chúa phục sinh, họ đã là những người can đảm đứng lên nói cho mọi người biết là Chúa đã phục sinh.

2. Quan quyền Do thái lúc ấy không thể nào tìm ra xác Chúa. Họ bảo các môn đệ của Chúa đã lấy trộm xác Chúa đem đi, nhưng họ không thể nào chối cãi được việc những người lính gác báo cáo là có cơn động đất, và Chúa Giê-xu đã sống lại bước ra khỏi mồ mả. Quan quyền Do Thái đã hoàn toàn im lặng, không mở cuộc điều tra mà cũng không làm tội những người lính gác.

3. Chúa sống lại và đã hiện ra với nhiều người, lúc thì riêng, lúc thì chung trong các đám đông. Một lần có cả một đám đông tới 500 người. Các cuộc hiện ra này xảy ra trong nhiều ngày khác nhau và các hoàn cảnh khác nhau nữa. Không có lý gì tất cả những nhân chứng đều thấy ảo giác (illusion) về Chúa?

4. Một bằng chứng xác thực về việc Chúa Phục sinh là sự tăng trưởng của Hội Thánh đầu tiên và ảnh hưởng đến các nền văn minh của thế giới. Nếu Chúa không phục sinh thì các môn đệ của Chúa không còn lý do nào để tồn tại, và truyền rao Phúc Âm cho đến ngày nay, vì không ai có thể rao truyền tin về một linh tụ bị sát hại mà có thể thu phục lòng người. Chúa Giê-xu đã sống lại thực sự

và đã ban quyền năng thay đổi hằng triệu con người, vì vậy Hội Thánh mới tồn tại cho đến ngày nay, và càng phát triển mạnh hơn.

5. Từ hai nghìn năm qua, đã có nhiều người khổ công nghiên cứu để bài bác sự kiện Chúa Giê-xu chết và sống lại, nhưng cho đến tận bây giờ vẫn chưa có ai đưa ra được một bằng cứ nào chắc chắn là Chúa không sống lại. Nhiều người lại nhân việc khảo cứu sự phục sinh của Chúa mà lại trở thành người tin Chúa mạnh mẽ.

C. Sự Phục sinh của Chúa trong thân xác.

Thánh Kinh dạy rằng sự phục sinh trong thân xác của Chúa Giê-xu là một huyền nhiệm, tri thức con người không làm sao có thể hiểu nổi. I Cô-rinh-tô 15:35-44. Các sách Phúc Âm cho biết về sự phục sinh của Chúa Giê-xu như sau:

1. Chúa sống lại bằng xương bằng thịt thật, và cùng một thân xác khi đem an táng.

2. Chúa Giê-xu đã tự xác nhận rằng Ngài không sống lại trong thần linh mà thôi, nghĩa là chỉ như hồn ma hiện về. Chính Chúa đã nói: *Hồn ma thì không có thịt và xương, nhưng ta thì có.* Khi nói câu này, Chúa đã lấy thức ăn mà ăn trước mặt các môn đệ. Chính Sứ Đồ Tô-ma cũng đã đặt tay vào các vết thương trên thân thể Chúa.

3. Tuy nhiên thân xác phục sinh của Chúa cũng có nhiều đặc tính khác với con người chúng ta. Thân xác phục sinh không bị giới hạn và ngăn cản bởi những vật chất chung quanh như thân xác chúng ta. Chúa đã vượt qua những cánh cửa khóa chặt, và cũng biến mất trước mặt hai môn đệ trên đường về làng Em-ma-út. Thân xác của Chúa đã hoàn toàn biến hóa, nghĩa là không còn bị hư hoại nữa.

VII. Chúa thắng thiên.

Các Sứ Đồ dạy rằng, sự thắng thiên và ngồi bên hữu Thượng Đế là cao điểm của công việc cứu chuộc nhân loại. Câu hỏi đặt ra là tại sao Chúa rời các môn đệ của Ngài và Hội thánh thơ ấu để về với Thượng Đế? Đây chính là câu hỏi đã được trả lời trong thư Hê-bơ-rơ. Vì vậy nghiên cứu thư Hê-bơ-rơ rất là cần thiết. Theo lời dạy trong thư Hê-bơ-rơ thì việc Chúa lia các môn đệ trở về trời

và vẫn ở đó cho đến ngày nay là vì các lý do sau đây:

1. Chúa phải trở về trời là vì Ngài đã hoàn tất công việc hi sinh đền tội cho nhân loại, và phải vào nơi chí thánh ra mắt Thượng Đế như là người đi trước cho cả một dòng dõi nhân loại mới.

2. Chúa về trời để làm công việc Đấng Trung Bảo, thầy tư tế và Đấng biện hộ cho những người tin nhận Ngài.

3. Một điểm khác nữa là Chúa đã hoàn tất nhiệm vụ hi sinh cứu chuộc nhân loại, Ngài trở về trời để mở đầu cho một thời đại mới của Đức Thánh Linh. Đây chính là điều Chúa Giê-xu đã tuyên bố. Nhiệm vụ của Thánh linh là khuyên giục, thuyết phục người tin nhận Chúa Giê-xu, giải bày chân lý và giải nghĩa lời Chúa cũng như hướng dẫn cuộc đời của mỗi người.

VIII. Công nghiệp của CHÚA CỨU THẾ.

Công nghiệp Chúa Cứu Thế có thể có ba khía cạnh cần nghiên cứu cho thật rõ. Cũng có thể hiểu là nhiệm vụ hay chức vụ của Chúa Cứu Thế.

I. Trong tư thế là Nhà Tiên Tri.

Căn cứ vào lời Kinh Thánh, ta có thể thấy các điểm sau đây:

A. Chúa Cứu Thế là tuyệt điểm của dòng tiên tri Hê-bơ-rơ.

Đó là theo Phục truyền Luật Lệ ký 18:25, lời của Môi-se linh tụ dân Chúa, ông nói: "*Từ giữa anh em người, Đức Chúa Trời hằng hữu sẽ lập nên một đấng tiên tri như ta, các người khá nghe theo Đấng ấy.*" Lu-ca trong Công-Vụ Các Sứ-Đồ 3:22,26 giải thích rằng: "*Môi-se có nói rằng: Chúa là Đức Chúa Trời chúng ta sẽ dấy lên trong anh em các người một Đấng tiên tri như ta; các người phải nghe theo mọi điều Ngài sẽ phán dạy. Đức Chúa Trời đã dấy dấy tớ Ngài lên, rồi trước hết sai Người xuống ban phúc cho các anh em, mà đất ai nấy trong bọn anh em xây bỏ tội ác mình.*"

Như vậy chính Chúa Cứu Thế là tiên tri sau cùng của dòng

tiên tri người Hê-bơ-rơ.

B. Chính Chúa Cứu Thế trực tiếp phán ra lời tiên tri.

Ngài không nói như các vị tiên tri là: "*Chúa phán rằng...*" nhưng nói: "*Ta cho các ngươi biết...*" Cuộc đời của Chúa có đặc điểm là phán truyền với thẩm quyền trực tiếp chứ không có tính cách tiên đoán như các vị tiên tri đời xưa. Một điểm khác biệt nữa giữa Chúa và các nhà tiên tri là lời giảng bằng cách dùng ẩn dụ cho dân chúng nghe. Ngay những lời giảng về tận thế của Chúa cũng đặt tâm điểm là nước Đức Chúa Trời sắp thể hiện. Ngài cũng tự khai thị về vai trò của Ngài trong việc chịu khổ hình và được tôn vinh trong vương quốc tương lai.

C. Chúa Giê-xu xác định nhiệm vụ tiên tri của Chúa:

Bằng cách thực hiện nhiều phép lạ như chữa bệnh cho dân chúng khắp nơi.

D. Chúa tiếp tục nhiệm vụ tiên tri của Ngài:

Qua các vị Sứ đồ và trao ân tứ quản trị Hội Thánh cho nhiều người tiếp nối các vị này.

II. Trong tư thế là Thầy Tế Lễ.

Công nghiệp của Chúa Cứu thế có thể nhìn trong khía cạnh, Chúa là một thầy tế lễ hay vị tư tế. Tức là người thay mặt nhân dân dâng sinh tế chuộc tội cho nhân dân.

Theo Kinh Tân Ước, chúng ta thấy nhiệm vụ tế lễ của Chúa Cứu Thế được thực hiện theo hai cách:

A. Cách hoạt động (hành động). Lu-ca ghi rằng, Chúa hướng về Giê-ru-sa-lem mà đi, tình nguyện chịu hi sinh tính mạng để sau này có thể đứng đầu trước ngai Thượng Đế, thay mặt cho những người đã được cứu chuộc.

B. Cách thụ động. Chính là thái độ của Chúa khi chịu cho

người ta hành hình trên thập giá. Ngài đã tự dâng mình như một sinh tế.

Ngày nay bên Đức Chúa Trời là Cha, Chúa Giê-xu làm ba nhiệm vụ:

1. Làm trung gian và đảm bảo cho giao ước mới.
2. Bênh vực và kêu cầu thay cho dân Chúa.
3. Cho người tin Chúa dù là ở địa vị nào, có quyền được trình dâng lên Đức Chúa Trời tất cả những gì cần thiết.

Chúa Cứu Thế vừa là sinh tế, lại vừa là người dâng sinh tế, tức là tư tế. Nhưng ta nên cẩn thận khi đọc Thánh Kinh. Thánh Kinh không có chỗ nào nói rằng Chúa tiếp tục đổ máu để chuộc tội cho loài người. Hê-bơ-rơ 10:11,12 ghi rằng: "*Các thầy tế lễ Do thái mỗi ngày cứ dâng đi, dâng lại những sinh tế không thể nào loại trừ tội lỗi được. Còn Chúa Cứu Thế chỉ dâng sinh tế chuộc tội một lần, nhưng có hiệu lực vĩnh viễn, rồi lên ngôi bên phải Thượng Đế. Nhờ dâng tế lễ chỉ một lần, Chúa làm cho những người sạch tội được hoàn hảo đời đời.*" Không có chỗ nào dạy rằng Chúa tiếp tục đau thương chịu khổ vì con dân của Chúa, và ngài cũng không cần phải đứng trước mặt Thượng Đế mà xác nhận công nghiệp cứu chuộc của Ngài. Sự có mặt của Chúa trước Thượng Đế chỉ là để bảo đảm, để làm trung gian, để cầu thay cho chúng ta là những người đã tin nhận Chúa.

III. Trong tư thế là Vua.

Công nghiệp của Chúa Cứu Thế không những chỉ nhìn về khía cạnh tiên tri, thầy tư tế dâng tế lễ, nhưng còn phải nhìn về khía cạnh Vua nữa.

A. Những lời tiên tri về vương quyền của Đấng Mê-si-a được ứng nghiệm trong Chúa Cứu thế vào hai cấp độ. Trên nguyên tắc, những lời ấy ứng nghiệm trong lần vào đời thứ nhất của Chúa. Như Chúa Giê-xu khi khởi đầu chức vụ truyền giảng tin mừng, đã nói: "Kỳ đã trọn, Nước Đức Chúa Trời đã đến gần, hãy ăn năn, tin phúc âm."

Nhờ chiến thắng của Chúa Cứu Thế mà vương quốc của Thượng Đế được thể hiện, Sa-tan và tất cả các quỷ của nó đều bị dẹp tan. Vua Giê-xu sẽ hiện ra trong vinh quang và từ đó Ngài sẽ ban phúc lành vĩnh hằng cho con dân Ngài.

B. Nhưng sự thể hiện hoàn toàn vương quốc của Chúa Cứu Thế do sự chết và sự phục sinh của Ngài vẫn còn phải đợi thời chung kết. Thánh kinh dạy rằng: "Chúng ta chưa thấy muôn vật phục Chúa, và Sa-tan vẫn còn chống đối vương quyền của ngài. Trong khi đó thì vương quốc của Chúa vẫn tiến vào tâm hồn con người. Chúa Cứu Thế vẫn là đầu Hội Thánh, nhưng Ngài phải đợi cho đến lúc tất cả các kẻ thù nghịch của Ngài trở thành bệ chân của Chúa và Ngài cầm quyền thống trị tất cả, trên trời, dưới đất và bên dưới đất nữa.

* *

*

GIAO LÝ VỀ SỰ CHUỘC TỘI

Trong toàn bộ giáo lý căn bản thì giáo lý về Sự Chuộc Tội là quan trọng hơn cả, vì đây là tâm điểm của niềm tin. Người học có thể nghiên cứu sâu sắc về các ý nghĩa của Sự Chuộc Tội trong toàn bộ Thánh kinh để không bị dẫn đi sai lạc theo các lý thuyết của loài người.

I. Quan Điểm của Tin Lành.

Quan điểm chính của Tin Lành về Sự Cứu Chuộc Tội lỗi có thể phát biểu giản dị như sau:

Nhiệm vụ tối cao của Con Đức Chúa Trời là chuộc con người bằng một đời sống hoàn toàn thuận phục, đến nỗi chịu hi sinh chính thân mình, và như thế đã có một sinh tế đầy đủ, vẹn toàn, thỏa đáng nhất để chuộc tội lỗi cho toàn thể thế gian. Trong khi sự hi sinh của Chúa Cứu Thế phải được coi là một gương mẫu về thuận phục ý chỉ của Thượng Đế, và cũng được coi là tiêu biểu đại diện cho nhân loại mới, là những người nhận thấy thất bại trong giao ước cũ, đã tìm sự sống và quyền năng trong giao ước mới là giao ước qua sự đổ máu hi sinh cứu chuộc của Chúa Cứu Thế Giê-xu. Tuy nhiên cái chết hi sinh chuộc tội của Chúa Giê-xu phải là điểm quan trọng hơn cả. Cái chết của Chúa Giê-xu được gọi là cái chết chuộc tội, chết thay thế.

II. Dẫn chứng từ trong Thánh Kinh.

A. Kinh Tân Ước.

Những từ được dùng trong Kinh Tân Ước liên quan đến nhiệm vụ chủ tể của Chúa Giê-xu đã được dùng mà không hề giải thích. Những chữ mà Tân Ước đã dùng là: hi sinh, đổ máu, chuộc tội, chuộc. Những chữ này đã được dùng trong Kinh Cựu Ước, và đã được người Do thái quen thuộc. Vì vậy muốn hiểu Tân Ước cần phải đọc Cựu Ước là như vậy, vì Cựu Ước giải thích rõ những điều Tân Ước nói đến.

B. Kinh Cựu Ước.

Trong Sáng Thế Ký và Xuất Ê-díp-tô-ký có mô tả nhiều đời sống của các linh tụ Do thái, vào những lúc thay đổi hướng đi của đời sống, đã thiết lập bàn thờ và dâng sinh tế. Trong khi đó thì cuộc giải phóng dân Chúa ra khỏi Ai-cập đã được thực hiện bằng một phương cách tiêu biểu, gắn liền với ý nghĩa của Lễ Vượt Qua sau này.

Có hai ý niệm đã được dân Chúa hiểu rõ: a. Chuộc tội liên quan đến việc đổ máu. b. Con vật được dùng làm hình thức thay thế.

Tất cả những ý niệm này được trình bày thật chi tiết trong sách Lê-vi-ký, và các phần nói về thể lệ dâng sinh tế và vai trò của người chủ tế. Các sách khác trong Cựu Ước cũng đã trích dẫn rất nhiều về những thể lệ về sự chuộc tội qua sinh tế. Chúa Giê-xu khi giảng truyền Phúc âm cũng đã nêu lên việc hi sinh chuộc tội theo đúng thể lệ của Cựu Ước, và các tác giả Tân Ước như Phao-lô, Giăng và Phi-e-rơ cũng như tác giả Hê-bơ-rơ đều nói rằng cái chết của Chúa Cứu Thế là thực hiện trọn vẹn ý nghĩa dâng sinh tế chuộc tội mà Cựu Ước đã truyền dạy.

III. Ý nghĩa của từ CHUỘC TỘI.

Chữ chuộc tội nguyên nghĩa là che đậy, dàn xếp, hoà giải, giao hoà. Theo ý nghĩa này thì việc dâng sinh tế bằng lòng tin sẽ che đậy được tội lỗi, nghĩa là tội lỗi được che khỏi ánh mắt của Thượng Đế, và Ngài sẽ không trừng phạt người phạm tội nữa. Cả Cựu Ước và Tân Ước đều nói rõ là Thượng Đế không thích sinh tế, miễn là sinh tế ấy là biểu tượng thật sự lòng tin của người dâng.

Trong Tân Ước những chữ Hi Lạp được dùng là:

THYSIA, nghĩa là hi sinh;

HILASMOS nghĩa là chuộc tội;

KATALLAGE nghĩa là làm hòa;

PHOSPHORA nghĩa là dâng hiến;

APOLYTROSIS nghĩa là cứu chuộc;

LYTRON nghĩa là chuộc lại.

Như vậy Chuộc Tội nghĩa là: chuộc lại, làm hoà, dâng hiến, cứu chuộc, chuộc lỗi.

Nói tóm lại, chuộc tội cần phải có đổ máu và có sinh tế thay thế. trong trường hợp Chúa Giê-xu thì Ngài vừa là sinh tế thay thế, đổ máu ra và chính là chủ tế dâng sinh tế lên cho Thượng Đế. Đây là điểm quan trọng nhất trong toàn bộ giáo lý căn bản mà người nào tin Chúa cũng phải để nhiều thì giờ suy nghĩ và tìm hiểu.

IV. Sự Chuộc tội nhìn qua khía cạnh Thần Học.

Thường thường khi nghĩ về sự chuộc tội, chúng ta hay có cái nhìn qua quan điểm của người, và quên rằng chính Thượng Đế đã chủ động trong tất cả công việc chuộc tội. Về phía Thượng Đế thì sự chuộc tội như thế nào?

A. Quan điểm của Thượng Đế.

1. Đối với Thượng Đế thì sự chuộc tội là sự kiện quan trọng nhất trong lịch sử thế giới loài người. Đây là sự việc có ý nghĩa nhất và được Chúa vừa lòng nhất. Vì Chúa Cứu Thế Giê-xu đã vâng phục hoàn toàn ý chỉ của thượng Đế đến nỗi hi sinh trên thập tự giá. Đây là lần đầu tiên mà ý chỉ của Ngài đã được thực hiện ở đất cũng như ở trời.

2. Sự chuộc tội chứng minh đức tính công chính và thương yêu của Chúa. Đọc kỹ Thánh Kinh chúng ta thấy không có chỗ nào hai đức tính này của Chúa mâu thuẫn. Việc chuộc tội nhân loại là do tình thương và làm rõ nghĩa đức công chính của Ngài.

3. Sự chuộc tội đưa đến một căn bản thỏa đáng cho sự tha tội, và chỉ cần tin nhận Chúa Giê-xu là đủ, không cần phải làm bất cứ một công việc nào khác. Nếu người phạm tội làm một việc nào khác thêm vào đức tin đặt nơi Chúa là đã coi nhẹ sự Cứu Chuộc của Chúa Giê-xu. Người tin Chúa phải biết rõ điều này, để khi đã tin nhận Chúa thì không còn lo sợ về tội ác của mình nữa, vì mọi tội ác đã được tha thứ, và Thượng Đế hoàn toàn bằng lòng.

B. Quan điểm của người.

Nhiều người nhìn vào công cuộc cứu chuộc của Chúa Giê-xu nhưng chỉ nhấn mạnh về tình thương của Thượng Đế, chứ không thấy rằng mặc dù thương yêu nhân loại, Thượng Đế vẫn ghét tội ác, và chỉ có sự hi sinh chuộc tội của Chúa Giê-xu như là sinh tế thì con người mới được Thượng Đế tha thứ tội và được chấp nhận mà thôi. Biết như thế con người phải ăn năn hối lỗi đối với Thượng Đế và đặt lòng tin nơi Chúa Giê-xu. Có như thế thì sự chuộc tội mới có ý nghĩa đối với con người.

PHẦN THỨ NĂM

ĐỨC THÁNH LINH

Trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời thì Đức Thánh Linh thường bị người ta hiểu lầm hơn cả, tuy nhiên nếu không hiểu tường tận về Đức Thánh Linh cũng như vai trò của Ngài trong đời sống ta, thì là một thiếu sót lớn.

I. Thân vị của Đức Thánh linh.

Trong Thánh kinh, Đức Thánh Linh có các danh hiệu như: Thánh Linh của Đức Chúa Trời, Linh của Đức Chúa Trời, Đức Thánh linh mà anh em nhận được từ Đức Chúa Trời, Đức Thánh Linh của Đức Chúa Con; Đức Thánh Linh của Chúa Cứu Thế.

Sức mạnh và ảnh hưởng của Đức Thánh Linh thường được biểu thị qua các hình thức như lửa, nước, dầu, xúc dầu và đóng ấn niêm phong.

Khúc Thánh Kinh quan trọng nhất về Đức Thánh Linh là lời dạy của Chúa Giê-xu được ghi trong Phúc Âm Giảng các chương 14-16. Trong lời dạy này Đức Thánh Linh được gọi bằng một danh hiệu rất đặc biệt, đó là Đấng An ủi. Chúa Giê-xu nói đến

vai trò của Đấng An ủi như một nhân vật rõ rệt chứ không phải chỉ là một sức mạnh hay một ảnh hưởng. Xin bạn vui lòng đọc khúc Thánh Kinh này: Giăng 14:16-17; 25-26; 16:5-8; 12-15.

Một vài chỗ trong Kinh Tân Ước có nói đến việc dôi gạt Đức Thánh Linh, như Công Vụ Các Sứ Đờ 5:3; và làm buồn lòng Thánh Linh như trong Ê-phê-sô 4:30. Như thế chúng tỏ Đức Thánh linh có một đẳng bậc rõ rệt cũng như Chúa Giê-xu và Đức Chúa Trời.

II. Thần Tính của Đức Thánh Linh.

Sau đây là những lý do khiến ta phải tin rằng Đức Thánh Linh có thần tính:

A. Trong Kinh Cựu Ước tất cả những chỗ áp dụng cho Đức Giê-hô-va thì cũng áp dụng cho đấng gọi là Thần của Đức Giê-hô-va. nghĩa là Thần của Đức Giê-hô-va hay Đức Thánh linh đều có thần tính như Đức Giê-hô-va.

B. Trong Kinh Tân Ước, những phần trích dẫn từ Kinh Cựu Ước ghi là Đức Giê-hô-va phán đều ghi lại là Thánh Linh đã phán. nghĩa là coi Đức Giê-hô-va và Đức Thánh linh chỉ là một.

C. Khi Chúa Giê-xu nói đến tội phạm đến Đức Thánh Linh là làm nhục hay xúc phạm đến Đức Thánh Linh, thì không thể tha thứ được; rồi Ngài lại nói xúc phạm đến Con Người, tức là chính Ngài còn được tha, chứ xúc phạm đến Thánh Linh thì không tha được. như thế Đức Thánh Linh là một đẳng bậc thần linh rõ rệt.

D. Trong Kinh Tân Ước Đức Thánh linh được đề cập đến ngang hàng như hai ngôi khác của Đức Chúa Trời. Thí dụ như Đức Thánh Linh là nguồn khai tâm, là giáo sư, là đấng thánh hóa con người, và đối tượng của sự thờ phượng. Trong lễ báp tem, người hành lễ phải nói: "*Nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Giê-xu và Đức Thánh Linh.*" Như vậy là ba ngôi ngang hàng nhau. Ngoài ra Tân Ước còn dạy rằng: Tâm hồn người theo Chúa là đền thờ Đức Thánh Linh ngự.

Trong bài tín điều Nicene (là một trong những tín điều căn bản) có xác nhận vai trò của Thánh Linh như sau: *Chúa, Đấng ban*

sự sống ra từ Đức Chúa Cha, cùng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con, được thờ phượng và tôn vinh.

Phân tích câu này ta thấy:

Trước tiên Thánh Linh được xưng là Chúa, Đấng ban sự sống. Danh hiệu Đấng ban sự sống thực ra không có trong Thánh Kinh, nhưng danh hiệu này mô tả công việc của Thánh linh mà Thánh Kinh nói đến rất nhiều. vì công việc của Thánh linh đã được ghi là sáng tạo, thuyết phục, đánh thức linh hồn đã chết trong tội, và gieo trồng đời sống mới cho người tin Chúa Giê-xu. Ta cũng có thể xét đến những câu như: "Sinh bởi Thánh Linh" Giăng 3:58 và "Sống theo Thánh linh" Ga-la-ti 5:25.

Nhưng ta cũng cần lưu ý là Thánh Linh của Đức Chúa Trời là Đấng ban sự sống, nhưng không phải là sự sống. Thánh Kinh dạy rõ: Sự sống mới cho người tin Chúa là sự sống của Chúa Giê-xu, và tin nhận Chúa thì mới đưa đến chỗ hưởng sự sống vĩnh hằng. nhưng ta cũng cần hiểu rõ rằng công việc tái tạo và gây dựng đời sống mới trong Chúa Cứu Thế là công việc của Đức Thánh linh.

Thứ hai, ta xét đến câu: "Ra từ Đức Chúa Cha" Câu này trích dẫn từ Phúc Âm Giăng 15:26 như sau: "Khi nào Đấng An Ủi đến, là Đấng ta sẽ bởi Cha sai xuống, tức là Thần Lẽ Thật, ra từ Cha, chính Ngài sẽ làm chứng về ta." Nguồn gốc của thánh Linh được hiểu ngầm chứ không trình bày rõ rệt trong Thánh kinh. Tuy vậy chúng ta thấy có những câu như: "Ta lại nài xin Cha, Ngài sẽ ban cho các con một Đấng An Ủi khác để ở với các con đời đời." Giăng 14:16. "Khi nào Đấng An Ủi đến, là Đấng sẽ bởi Cha sai xuống." Giăng 15:26. "Nhưng nếu ta đi, thì ta sẽ sai Ngài đến." Giăng 16:7. "Khi Ngài phán những điều đó xong, thì hà hơi trên môn đồ mà rằng: "Hãy nhận lãnh Đức Thánh Linh." Giăng 20:22. "Vậy sau khi Ngài đã được đem lên bên hữu Đức Chúa Trời, và từ nơi Cha, đã nhận lấy Thánh Linh mà Cha đã hứa ban cho, thì Ngài đổ Đức Thánh Linh ra, như các người đang thấy và nghe." Công Vụ 2:33. "Lại vì anh em là con, nên Đức Chúa Trời đã sai Thánh Linh của con Ngài vào lòng chúng ta, kêu rằng A-ba, Cha." Ga-la-ti 4:6.

Tất cả những câu kể trên cho ta thấy rằng chức năng của Thánh Linh là phục vụ Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con. Đức Thánh linh có từ vĩnh hằng cùng với hai Ngôi của Đức Chúa Trời.

Đức Thánh linh trở thành gạch nối giữa Chúa Giê-xu và Hội

Thánh của ngài, cũng như giữa những tín hữu với nhau, kết chặt mọi người vào cùng một nhiệm thể.

III. Danh hiệu của Đức Thánh Linh.

Các danh hiệu của Đức Thánh Linh phần lớn được ghi trong Kinh Tân Ước.

Linh. Danh hiệu này để nói về hoạt động của Đức Thánh Linh, chữ này không có mạo tự (article).

Thần Linh Chữ này có mạo tự, nói rõ nhiệm vụ riêng.

Đức Thánh Linh. Danh hiệu này chỉ rõ một Đấng, một người.

Thánh Linh của Chúa Cứu Thế.

Thánh Linh của Đức Chúa Trời Vĩnh Hằng.

Thần Lẽ Thật.

Thánh Linh Đời Đời.

Đức Thánh Linh của Lời Hứa

Thánh Linh của Ân Sủng

Thánh Linh của Vinh Quang

Đấng An Ủi.

Trong Cựu Ước có những danh hiệu như:

Thần Linh của Đức Giê-hô-va.

Thần Linh của Đức Chúa Trời

Thần Linh của Khôn Ngoan.

Các biểu hiệu của Thánh Linh là: Lửa, nước, gió và chim bồ câu.

IV. Công việc của Đức Thánh Linh

Thánh Linh là Đấng thực hiện những chương trình và mục đích của Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Nói khác đi, bất cứ điều gì mà Đức Chúa Trời muốn làm thì đều được thực hiện qua Đức Thánh Linh. Chức năng của Đức Thánh Linh như sau:

A. Trong quan hệ với Chúa Giê-xu.

1. Trong Tân Ước Đức Thánh Linh được gọi là Thánh Linh

của Chúa Cứu Thế.

2. Đức Thánh Linh là Đấng Trung bảo giữa Chúa Giê-xu và Hội Thánh cũng như mỗi cá nhân. Nói khác đi, Đức Thánh Linh là công cụ để giải bày Chúa Cứu Thế cho con người.

B. Trong quan hệ với Thánh thư.

1. Đức Thánh Linh là Đấng cảm ứng Thánh thư. Công-vụ 1:16: "Hỡi anh em, lời Đức Thánh Linh đã nhờ miệng vua David mà nói tiên tri trong Kinh Thánh..."; II Ti-mô-thê 3:16 "Cả Kinh Thánh đều là bởi Đức Chúa Trời soi dẫn..."; I Phi-e-rơ 1:11 "Thánh Linh Chúa Cứu Thế trong lòng họ đã bảo họ viết trước những việc tương lai, như sự khổ nạn, hy sinh và sống lại vinh quang của Chúa Cứu Thế."; Công-vụ 4:25 "Do Thánh Linh, Chúa đã phán qua môi miệng Đa-vít, tổ tiên chúng con và đây tớ Ngài."; Hê-bơ-rơ 10:15 "Chúa Thánh Linh cũng xác nhận với chúng ta điều ấy: Đây là giao ước ta đã lập với họ..."; 2 Phi-e-rơ 1:21 "Vì không có lời tiên tri nào trong Thánh Kinh do các tiên tri tự nghĩ ra, nhưng chính Chúa Thánh Linh đã cảm ứng họ nói ra lời của Thượng Đế."

Các câu Thánh Kinh trích dẫn trên đây chứng minh rằng Thánh Linh đóng vai trò chính trong việc hình thành Thánh kinh, chính Ngài cũng bảo vệ những cuốn sách trong bộ Thánh thư qua dòng lịch sử biến động của loài người.

2. Thánh Linh chính là Đấng giải thích Thánh Thư cho người tin Chúa có thể hiểu được. Thánh Linh giúp ta khi đọc Thánh Kinh có thể hiểu được trong hoàn cảnh hiện tại và áp dụng vào đời sống.

C. Trong quan hệ với thiên nhiên và thế giới loài người.

1. Thánh Kinh cho biết rằng Thánh Linh kiểm soát chế ngự vũ trụ vạn vật này và các diễn biến bình thường của thiên nhiên. Thánh Linh cũng là nguồn của mọi sinh vật trong vũ trụ. Thi thiên 104:29,30 có ghi: "Chúa giấu mặt, chúng nó bèn bối rối, Chúa lấy hơi thở chúng nó lại, chúng nó bèn tắt chết, và trở về bụi đất. Chúa sai Thần Chúa ra, chúng nó được dựng nên; Chúa làm cho

mặt đất ra mới."; Ê-sai 32:15 "Cho đến chùng Thần từ nơi cao được rải xuống khắp trên chúng ta, đồng vắng biến thành ruộng tốt, ruộng tốt được kể như rừng rậm."

2. Chúa Thánh Linh cũng chịu trách nhiệm về việc làm chứng cho Chúa Giê-xu cho thế gian và thuyết phục người ta về tội ác, sự công nghĩa và sự phán xét sau cùng. Giăng 16:8-11 "Khi Ngài đến, Ngài sẽ chứng tỏ cho nhân loại biết họ lầm lạc trong tội lỗi, dìm dất họ trở về đường công chính, và giúp họ hiểu công lý của Thượng Đế. Họ lầm lạc trong tội lỗi vì không chịu tin ta. Họ trở về đường công chính của ta cho họ khi ta về cùng Cha, dù lúc ấy họ không nhìn thấy mặt ta nữa. Họ hiểu được công lý của Thượng Đế khi quỷ vương bị hình phạt, còn họ được thoát khỏi."

D. Trong quan hệ với Hội Thánh.

1. Chúa Thánh Linh là hiện thân của Chúa Cứu Thế trong Hội Thánh.

2. Chúa Thánh linh ban cho Hội Thánh những ân tứ của Chúa, và kiểm soát những ân tứ đó.

3. Chúa Thánh Linh là động lực chính của Hội Thánh, cung cấp các năng lực thiêng liêng nhờ đó Hội Thánh mới có thể hoàn thành nhiệm vụ được.

E. Trong quan hệ với cá nhân.

1. Chúa Thánh Linh, Đấng ban sự sống, đánh thức lương tâm ngủ mê của người có tội, đưa ra những tiếng gọi thôi thúc, truyền cho lòng tin có thể được giải cứu, và cũng là tác nhân trong toàn thể chương trình tái tạo một con người.

2. Sự tương giao của người tin Chúa với Đức Chúa Trời và quyền năng cầu nguyện hoàn toàn phụ thuộc vào Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Rô-ma 8:26,27 "Cũng do niềm hi vọng đó, Thánh Linh bổ khuyết các nhược điểm của chúng ta. Chúng ta không biết phải cầu nguyện như thế nào, nhưng chính Thánh Linh cầu thay cho chúng ta với những lời than thở không diễn tả được bằng

tiếng nói loài người. Thượng Đế là Đấng thấu hiểu lòng người cũng biết rõ tâm trí Thánh Linh, vì Thánh Linh cầu thay cho chúng ta đúng theo ý chỉ của Thượng Đế."

3. Thánh Linh là tác nhân trong việc thay đổi tính tình và thánh hóa đời sống cá nhân cũng như Hội Thánh. Rô-ma 8:14-16 "Những người được Thánh Linh của Thượng Đế dắt dẫn đều là con cái của Thượng Đế. Thánh Linh ngự trong anh em không bao giờ đem anh em trở lại vòng nô lệ khủng khiếp của ngày xưa, nhưng Ngài đưa anh em lên địa vị làm con, nhờ thế anh em được gọi Thượng Đế bằng Cha. Chính Thánh Linh xác nhận với tâm linh chúng ta rằng, chúng ta là con cái Thượng Đế."

4. Thánh Linh hướng dẫn người theo Chúa. Công-vụ 8. Thánh Linh bảo Phi lip chạy theo xe của hoạn quan Ê-thi-ô-pi. Rồi sau khi làm báp tem cho ông quan này, Thánh Linh đưa Phi lip đi nơi khác. Trong Công Vụ 10 thì ta thấy Thánh Linh hướng dẫn đội trưởng Cọt-nây và Phi-e-rơ gặp nhau. Khi phao lô đi truyền giáo thì có lần Thánh Linh đã ngăn cản đoàn của ông vào giảng đạo trong vùng Tiểu Á. Chuyện này được ghi ở Công Vụ 16. Người theo Chúa được dạy là " Phải luôn luôn cầu nguyện trong mọi trường hợp, nài xin mọi điều theo sự hướng dẫn của Thánh Linh. Phải cảnh giác và cầu thay cho tất cả các tín hữu."

Vai trò và chức năng của Chúa Thánh Linh quan trọng như vậy, nên mỗi chúng ta không thể coi thường hay làm những điều Thánh Linh không bằng lòng. Vì đã theo Chúa là hoàn toàn để Thánh Linh quản trị, hướng dẫn, thánh hóa đời sống. Muốn vậy, ta cần dành nhiều thì giờ để xin Thánh Linh làm việc ngay trong đời sống của mình, và cam kết làm theo điều Thánh Linh chỉ dạy. Nhiều người ao ước được cơn phục hưng tâm linh đến với Hội Thánh, nhưng có bằng lòng thay đổi theo hướng dẫn của Thánh linh trong nếp sống của mình hay không?

V. Thánh Linh: gạch nối giữa Thượng Đế và con người.

A. Ân sủng của Thượng Đế.

Tình trạng con người sau khi A-đam sa ngã rất là bi thương. con người không thể nào trở lại và tự sửa soạn mình dù bằng năng lực tự nhiên hay việc công đức nào để có được lòng tin và kêu cầu Thượng Đế được nữa. Con người cho rằng mình được tự do, nhưng vẫn không có khả năng để thực hiện ý chỉ của Thượng Đế dành cho mình. Chúng ta không có năng lực riêng để tự giúp mình và vì thế không nhờ Chúa là không thể nào làm điều gì vừa ý Chúa được.

Người ta đã bàn cãi rất nhiều về vấn đề con người có thể tu luyện để tiếp xúc với Thượng Đế và cùng cộng tác với Ngài trong việc cứu chuộc hay không? Hay là khởi điểm lúc nào cũng ở phía Chúa chứ không ở phía con người? Thật ra thánh Augustine và Thomas Aquinas dạy rằng, ý chỉ con người cần đến Ân sủng vô điều kiện từ nơi Thượng Đế để có thể xoay hướng trở về với Ngài. Điều này gây cho một số người nghi ngờ về quyền tự do của con người, tuy nhiên sau đây là các điểm ta có thể ghi nhớ để khỏi lầm lẫn:

1. Trong một vài khía cạnh, ý chỉ con người không được coi là tự do. Như ngay trong bản chất con người cũng đã có những giới hạn.
2. Khi con người chưa sa ngã, ý chỉ hoàn toàn tự do, có khuynh hướng làm theo ý chỉ của Thượng Đế. Nhưng từ khi sa ngã, ý chỉ con người đã hướng về chỗ tự làm cho mình được thỏa mãn.
3. Ý chỉ của con người bị trói buộc trong bản chất của con người, và trở thành nô lệ trong bản chất.
4. Ân sủng của Thượng Đế sẽ không bao giờ ép buộc người nào vào sự thánh khiết, nhưng Chúa có thể làm hành động đầu tiên và cứu người ấy ra khỏi cảnh nô lệ của bản chất tội ác, rồi hướng ý chỉ của người ấy về Ngài, tự do của người ấy vẫn không bị xúc phạm, nhưng được hướng dẫn bởi con người mới. Chúa dùng ân sủng can thiệp vào đời sống ta là để ta có thể có được ý chỉ tốt, hay thiện chí.

B. Ân sủng dọn đường.

Đây là ân sủng của Thượng Đế đi trước và chuẩn bị cho tâm hồn người biết hướng về Thượng Đế. Đây là công việc đặc biệt của Thánh Linh thực hiện trong lòng người trước khi người có ý chí hướng về điều tốt lành, Thánh Linh tạo ra trong con người một ước muốn muốn được giao hòa với Thượng Đế và làm theo ý chỉ của Ngài. Sự hợp tác của con người cần phải có trong giai đoạn chuẩn bị này.

Trên căn bản hi sinh chuộc tội của Chúa Cứu Thế, Thánh Linh thôi thúc tất cả mọi người, chế ngự những người bất phục và thu hút những người thuận phục. Trách nhiệm của con người trong trường hợp này là tuyệt đối không được dập tắt Thánh Linh, và chống lại sự thúc đẩy của Ngài, nhưng bằng lòng hợp tác theo sự hướng dẫn thiêng liêng đó.

Ta cần nhớ rằng cuộc cứu chuộc từ ban đầu đến cuối cùng đều là công việc của Thượng Đế và trong mỗi trường hợp, Ngài vẫn khởi đầu việc tiếp xúc, chứ không phải con người. Phi-líp 2:13 ghi: "Vì Thượng Đế luôn tác động trong anh em, làm cho anh em vờ muốn vừa làm theo ý chỉ của Ngài."

C. Tiếng gọi của Chúa

Thường khi lời Chúa được rao truyền không tạo ra cùng một ảnh hưởng. Vì có những người nghe là làm theo, nhưng người khác lại không. Lời Chúa cũng dạy rằng: "Nhiều kẻ được gọi mà ít kẻ được chọn." Trong Thánh Kinh cũng nói rõ rằng Thượng Đế kêu mọi người ở khắp nơi phải ăn năn hối cải, còn lời mời của chính Chúa Giê-xu thì nói rằng: "Hỡi những kẻ mệt mỏi và gánh nặng, hãy đến cùng ta, ta sẽ cho các ngươi được an nghỉ." Vì thế cho nên người truyền bá Phúc Âm không biết ai là người được Chúa chọn, và chỉ làm công việc trong trách nhiệm của mình. Trong tâm hồn mỗi người Đức Thánh Linh có phương cách để đặt lời Chúa vào, và các phương cách ấy khác nhau.

Như thế chúng ta thấy rằng Thánh Kinh dạy có một tiếng gọi chung cho tất cả mọi người trên đời, con người có bốn phận phải

đáp ứng tiếng gọi đó, mặt khác Thánh Kinh cũng cho biết rằng con người cần được ân sủng dọn đường, và ân sủng kêu gọi nữa. Nhiệm vụ của người truyền giảng Phúc Âm là phải gieo rộng rãi, vì không biết hạt giống nào sẽ mọc lên. Các vấn đề nhận hay đáp ứng Phúc Âm là hoàn toàn thuộc về quyền năng của Chúa. Trách nhiệm của Hội Thánh chỉ là giảng truyền và mỗi cá nhân là phải đáp ứng.

D. Ăn Năn

Diễn tiến của một cuộc đánh thức và tái tạo đời sống một người có thể xét qua ba giai đoạn:

1. Thánh Linh của Thượng Đế bắt đầu đặt tiếng gọi trong lòng người.
2. Công việc của Thánh Linh đưa đến chỗ ăn năn tội lỗi đối với Thượng Đế và tìm đến đức tin cứu vớt trong Chúa Giê-xu.
3. Thánh Linh tái tạo cuộc đời người tin Chúa.

Ăn năn có thể định nghĩa là việc Thánh Linh đưa các tiêu chuẩn thánh thiện ra thuyết phục người có tội và kết quả là người ấy thay đổi thái độ đối với Thượng Đế. Hành vi cử chỉ của người ấy đều đổi khác. Giăng 16:8 nói rằng Thánh Linh cáo thế gian về tội ác, về sự công nghĩa và về sự phán xét tội. 2 Cô-rinh-tô 7:10 thì ghi: "Đau buồn theo ý Thượng Đế làm cho con người hối cải để được cứu rỗi. Lu-ca 3:8 ghi: "...các anh phải có một đời sống mới để chứng tỏ lòng ăn năn."

Ăn năn hối cải thật có thể được coi như đã đi được nửa đường của tình trạng tự nhiên và tình trạng hưởng ân sủng. Đó là một cuộc xoay hướng khỏi tội ác và tiến bước trên con đường đức tin. Đức tin lại được coi như là một dụng cụ mà Thượng Đế đã đặt vào kinh nghiệm của người tin. Vì ngay khi ăn năn, cũng đã có phần nào đức tin. Người có tội tin lời Chúa nói về tình trạng của mình. Yếu tố mới là đức tin đặt đúng chỗ, đó là đặt vào Chúa Giê-xu. Vì Thượng Đế nhân từ đã chứng tỏ tình thương cứu vớt của Ngài qua Chúa Giê-xu.

E. Xoay Hướng, Tái Tạo và Tân Sinh.

Sau khi ăn năn và bắt đầu tin, sẽ là giai đoạn đời sống mới trong Chúa Cứu Thế, mặc dù chúng ta trong kinh nghiệm không thấy phân biệt rõ như vậy. Tất cả có thể xảy ra thật là nhanh chóng, nhưng cần phải biết rõ là đời sống đã đổi từ chỗ tình trạng tự nhiên sang tình trạng hưởng ân sủng.

Người ta thường lẫn lộn ba từ: "Xoay Hướng, Tái Tạo và Tân Sinh". Có người coi sự Xoay Hướng là phương diện chủ quan và Tái Tạo là phương diện khách quan của sự Tân Sinh. Sự Xoay Hướng liên quan đến việc ăn năn, nghĩa là điều mà con người được kêu gọi phải làm; còn sự Tái Tạo là việc Thượng Đế làm cho người ấy.

Về bản chất của Tân Sinh:

1. Tân Sinh là một công việc của Thượng Đế làm cho một linh hồn đã chết đối với Ngài, kinh nghiệm một cuộc phục sinh tâm linh và bước vào một lĩnh vực sống mới, trong đó linh hồn ấy được sống động và được kết hợp với Chúa Cứu Thế.
2. Chúa đã đặt trong lòng người mới sinh lại về tâm linh một nguyên tắc sống hoàn toàn mới. Vì ai tin nhận Chúa Cứu Thế Giê-xu là thuộc về một trật tự sáng tạo mới.
3. Bản chất mới trong con người mới là hoàn toàn do Đức Thánh Linh thực hiện.

Xét về công việc của Thánh Linh ta thấy rất là huyền nhiệm, tuy nhiên người tin Chúa có Thánh Linh ở ngay trong tâm hồn mình. Ta cần lắng nghe tiếng của Thánh Linh nói với ta trong những giờ yên lặng, và bằng lòng trình thưa với Ngài mọi nan đề của chúng ta. Thánh Linh đóng vai trò giải thích lời Chúa trong Thánh Kinh cho ta; nhưng cũng giải thích cho ta hiểu mọi sự việc xảy ra trong đời nữa để ta có thể có thái độ đúng mà sử sự. Quan trọng hơn cả là Thánh Linh nhắc ta về những tư tưởng, những hành vi sai trái, có thể đưa đến các hậu quả tai hại. Ta đừng dập tắt Thánh Linh, nghĩa là viện hết lý này lẽ kia để làm theo tham dục hay điều mà mình ưa thích. Ta nên nhớ rằng Thánh Linh có cách

thuyết phục ta rất thích hợp, nếu ta nghe theo Thánh Linh. Những gì Thánh Linh hướng dẫn, dù thoạt đầu không hợp hay không được lợi cho mình, nhưng cuối cùng là những điều tốt nhất. Hãy nghe lời Thánh Linh và làm theo cho trọn, bạn sẽ được nhiều phước hạnh không ngờ.

VI. Giải tội và xưng công nghĩa

A. Căn Bản.

Căn cứ vào Thánh Kinh, thì sự giải tội và xưng công nghĩa cho một người trước mặt Chúa là hoàn toàn dựa trên cơ sở hi sinh cứu chuộc của Chúa Giê-xu. Vì thế tất cả những quan điểm cho rằng việc tha tội là hoàn toàn do phép bí tích mà được, hay *ex opere operato* là hoàn toàn khác với lời dạy của Thánh Kinh.

B. Tha thứ và xưng công nghĩa.

Thánh Kinh ghi rằng: "Nếu chúng ta xưng nhận tội lỗi, thì Chúa thành tín và công nghĩa sẽ giải tội cho chúng ta và thanh tẩy chúng ta khỏi mọi điều bất khiết." Chúa hoàn toàn công bằng, nhưng cũng hết mực thương yêu, vì vậy Ngài mới có thể giải tội nhờ việc hi sinh cứu chuộc của Chúa Cứu Thế.

Việc xưng công nghĩa có thể định nghĩa là một hành động ân huệ vô điều kiện của Chúa. Vì Chúa tha thứ hết mọi tội lỗi chúng ta, và chấp nhận chúng ta là công chính trước mắt Ngài. Chúng ta chỉ cần hết lòng tin nhận là đủ.

Một người đã được giải phóng khỏi sức kéo xương của bản chất cũ và đã được tái tạo trong một trật tự đời sống mới trong Chúa Cứu Thế Giê-xu, cần một thay đổi về vị thế trước Thượng Đế là Đấng ban luật lệ. Xưng công nghĩa là giáo lý liên quan đến vị thế trước tòa án của Chúa. Vì mọi người đều là tội nhân cả. Xưng công nghĩa là được kể là công nghĩa trước mặt Chúa. Xưng công nghĩa không phải là tuyên bố một kẻ tội ác là vô tội, nhưng tuyên bố rằng dù con người hoàn toàn không xứng đáng, Chúa cũng sẵn

lòng kẻ người ấy là thánh thiện, trên căn bản là Chúa Cứu Thế Giê-xu đã đền tội thay cho người ấy. Như thế địa vị của con người đã mất từ khi sa ngã, lại được phục hồi, nghĩa là được tương giao với Chúa như trước.

Một định nghĩa đầy đủ về xưng công nghĩa có thể tóm tắt như sau:

1. Xưng công nghĩa là một việc làm ân huệ đối với tội nhân, và nhờ đó kẻ có tội được tuyên bố là tha bổng.
2. Xưng công nghĩa không phải là một hành động quyền năng, nghĩa là không đưa đến một thay đổi nào trong con người. Đây chỉ là việc làm của một quan tòa đối với tội nhân, tuyên bố rằng tội nhân ấy hoàn toàn được tha, và còn được thương yêu nữa.
3. Xưng công nghĩa không phải là hành động của đức tin, nhưng là nhờ sự hi sinh của Chúa Giê-xu, Ngài đã hoàn toàn theo luật pháp và đã chịu hình án vì chúng ta.
4. Xưng công nghĩa cũng là một việc làm cho phép người tin Chúa được hưởng tất cả những quyền lợi trong Chúa.
5. Đức tin là điều kiện để được xưng công nghĩa. Chúa không thể nào xưng công nghĩa cho một người có tội, cho đến khi nào người ấy tin nhận công việc hi sinh cứu chuộc của Chúa Giê-xu là cho chính mình.

Ta cần phân biệt rõ giữa : Tha thứ tội ác, Xưng Công Nghĩa và Thánh Hóa Đời Sống.

Tha thứ tội ác là một hành động, theo sau một số các hành động tương tự. Được nhắc lại nhiều lần trong suốt đời sống. Có tính cách thụ động, làm cho khỏi bị kết tội. Nhưng hành động tha thứ không thể thay đổi địa vị của người có tội.

Trong khi đó xưng công nghĩa là một hành động theo sau một thái độ. Xưng công nghĩa là một việc làm hoàn toàn, không bao giờ phải làm lại. Xưng Công Nghĩa mang tính chất tích cực: cho một

người chỗ đứng trước mặt Chúa. Xưng công nghĩa là một hành động tái lập lại địa vị.

Ta cũng có thể so sánh Xưng Công Nghĩa và Thánh Hóa.

Xưng công nghĩa là chỗ đứng trước mặt Chúa, là vị thế của người tin Chúa, là mối liên lạc của ta với Chúa, là căn bản của an bình và đảm bảo chắc chắn, không có mức độ, vì hoàn toàn và vĩnh cửu. Trong việc Xưng công nghĩa thì chỉ một mình Chúa hành động.

Trong khi đó Thánh Hóa là một tình trạng, điều kiện của người theo Chúa, mối tương giao thông công với Chúa, là nền móng của nếp sống thánh thiện. Thánh Hóa có các trình độ. Trong sự Thánh Hóa thì con người cùng với Chúa thực hiện.

Ta đừng bao giờ lâm lẩn Xưng công nghĩa và Thánh Hóa. Nghĩa là con người không thể nào nhờ các việc công đức của mình mà được Xưng công nghĩa hay Thánh Hóa. Việc rửa tội hay làm báp tem chỉ có nghĩa tượng trưng, không thể nào đem lại đời sống mới cho bất cứ người nào. Con người được cứu là hoàn toàn nhờ Lòng Tin, Nhận Ân Huệ của Chúa, được Xưng công nghĩa và được Thánh Hóa do Thánh Linh thực hiện.

Việc Xưng công nghĩa hoàn toàn đầy đủ, vì thế con người khi tin Chúa là được Xưng công nghĩa, không phải chờ đợi vào lò luyện tội để tra xét các việc công đức, việc công đức chỉ là kết quả của đời sống được Xưng công nghĩa và được Thánh Hóa.

Người theo Chúa thường bị chỉ trích là quá nhấn mạnh về việc được Xưng công nghĩa bằng lòng tin mà coi thường các việc thiện lành và các nỗ lực về đạo đức. Điều này hoàn toàn sai. Người theo Chúa "Thật" phải là một người sống trong tình thương của Chúa, vì thế phải phổ truyền tình thương qua lời nói, việc làm và đời sống thánh thiện. Tuy nhiên không thể coi các việc nhân đức là những chứng tích để được Chúa tha tội hay là Xưng công nghĩa, hoặc là Thánh Hóa Công việc của Thánh Linh trong lòng người tin Chúa là cho chúng ta hiểu rõ ba điều về cuộc đời của chúng ta. Ba việc đó là : Sự Tha Thứ Tội Ác, Sự Xưng Công Nghĩa và Sự Thánh Hóa. Khi bằng lòng nghe lời Chúa mà tin Chúa là bạn được tha thứ

tội ác, được xưng công nghĩa. Từ đó bạn được Thánh Linh đưa vào một đời sống tái tạo, thường gọi là tái sinh. Bạn từ bỏ hẳn đời sống hư xấu, tiến lên chỗ thiện lành, gần Chúa, xa đời tội ác, bước vào mối tương giao với Chúa nhờ đọc và nghe lời Chúa dạy và tuân hành. Tất cả những điều này không phải lý thuyết, mà hoàn toàn là thực tế. Nếu bạn tin Chúa mà chỉ ngừng lại ở chỗ được tha thứ tội và được xưng công nghĩa mà thôi, thì chưa đủ, vì đời sống phải tiến lên, phải hoàn tất hành trình thánh hóa và cuối cùng được ở với Chúa mãi mãi. Mong bạn hiểu được và thực hành những điều trong bài học này.

VII. Hợp nhất với Chúa Cứu Thế và thánh hóa.

A. Thánh Hóa.

Thánh hóa là: Công việc của ân sủng Thượng Đế nhờ đó mà chúng ta được tái tạo toàn diện con người theo hình ảnh của Chúa, và càng ngày càng có thể chết về tội lỗi mà sống trong sự công nghĩa. Ta cũng cần biết rõ: Mục đích cuối cùng của công cuộc cứu chuộc là người được cứu vớt có thể tiến đến chỗ giao ngộ thật sự với Thượng Đế và được hoàn toàn thánh thiện như Ngài.

Những từ trong Cựu Ước như Thánh Hóa, Thánh Khiết, Thanh Tẩy và Biệt Riêng đã được Tân Ước đào sâu hơn và liên kết với công việc của Chúa Cứu Thế và hoạt động của Thánh linh trong đời sống người tin Chúa. Kinh Thánh nói rõ là Ngôi thứ ba của Thượng Đế, tức là Đức Thánh Linh thực hiện công việc thánh hóa cho mỗi người.

Theo nghĩa trong Cựu Ước thì Thánh Hoá là: Rời khỏi tội ác và sống vâng phục Chúa. Những điều này Tân Ước nhắc lại với các hình ảnh khác, thí dụ như: Hãy coi mình như đã chết về tội ác và sống cho Thượng Đế trong Chúa Cứu Thế Giê su.

Một câu khác: Nếu anh em được sống lại với Chúa Cứu Thế, thì hãy tìm kiếm các điều cao hơn thuộc về trời.

Rời khỏi tội ác liên hệ đến việc bằng lòng coi cái chết của Chúa là cái chết của mình, và sống cho Chúa trong sự hợp nhất với sự sống phục sinh của Chúa Giê-Xu.

Thánh hóa có thể được quan sát bằng hai cách, đó là phương diện cung cấp phương tiện của Đức Thượng Đế và phương diện tiếp nhận của con người.

1. Phương diện cung cấp phương tiện của Thượng Đế.

Thượng Đế đã hoàn tất công việc thánh hóa con người. Ngài đã khiến Chúa Giê-xu trở thành sự thánh hóa của chúng ta, và vì vậy hợp làm một với Chúa Giê-xu là được thánh hoá hoàn toàn. Người tin Chúa được gọi là những người được thánh hóa trong Chúa Giê-xu hay là được Thánh Linh thánh hóa. Phao lô đã nói trong thư Cô-rinh-tô rằng: Anh em đã được rửa sạch, được thánh hoá, được xưng công nghĩa. Thư Hê-bơ-rơ thêm rằng: Chúng ta đã được thánh hóa nhờ sự hi sinh thân thể của Chúa Giê-xu, làm sinh tế một lần là đầy đủ tất cả. Trong các thư, Phao lô và các tác giả Tân Ước đều gọi người tin Chúa là các Thánh Đồ, hay là những người thánh. Theo các ý nghĩa này, người theo Chúa không phải chỉ được biệt riêng ra làm tội tở của Chúa, nhưng còn là sự hoàn thành việc thánh hóa trên cây thập tự, và cuộc phục sinh của Chúa nữa. Trên nguyên tắc thì sự thánh hóa của chúng ta là một thực sự trong Chúa Cứu Thế, Đấng đã chết trên cây thập tự, đóng đinh con người cũ của chúng ta trên đó, và Đấng đã sống lại, cho chúng ta được phục sinh vào một đời sống mới hoàn toàn.

2. Phương diện tiếp nhận của con người.

Thánh hóa là một quá trình thực hiện những gì mà người tin Chúa đã được trong Chúa Cứu Thế Giê-Xu. Đây là một cuộc biến đổi tâm linh dần dần cho đến khi hoàn toàn giống như tâm linh của Chúa Cứu Thế. Đây là một công việc mà Thượng Đế sẽ hoàn tất khi Chúa Giê-xu trở lại, vì đến lúc ấy thân thể hèn mạt của chúng ta sẽ được biến hóa thành thân thể vinh quang như Chúa. Vinh quang của chúng ta chính là đỉnh chung của việc thánh hóa.

Trong khi đó thì bản tính cũ vẫn còn, trừ khi nào con người

thực sự chết về thể xác. Bản tính cũ vẫn còn và ngăn cản mức tăng trưởng của con người mới là con người đã nhận được khi bằng lòng tin nhận Chúa Giê-xu. Phương pháp của Chúa để diệt trừ bản tính cũ đòi hỏi phần áp dụng thực tế của con người.

Thánh Kinh trình bày thánh hóa theo ba cách khác nhau.

A. Có những phần Thánh Kinh cho thấy rằng chúng ta có thể sở hữu công nghĩa hay thánh hoá. Thí dụ như: " Nhờ Thượng Đế, anh em được sống trong Chúa Cứu Thế Giê-xu là hiện thân sự khôn ngoan của Thượng Đế, là nguồn công chính, thánh thiện và cứu chuộc của chúng ta." I Cô-rinh-tô 1:30. Một câu khác lại ghi: "Trước kia anh em đem thân mình làm nô lệ cho tội lỗi ở ướ, ngày nay hãy dâng thân ấy làm nô lệ cho lẽ công chính, thánh khiết." Rô-ma 6:19. Hai câu vừa trích dẫn cho ta thấy hai điều:

a. Sự thánh khiết của người tin Chúa phải được coi là đặt nền móng duy nhất trên việc vâng phục và công cuộc chuộc tội của Chúa Cứu Thế. Thánh khiết như vậy là một chỗ đứng của chúng ta trước mặt Chúa, có thể gọi Thánh khiết nhờ đức tin.

b. Thứ hai, việc Chúa Cứu Thế ngự trong đời sống chúng ta, sẽ làm cho chúng ta được thánh khiết như chính Ngài, việc này do Thánh Linh thực hiện. Người theo Chúa không thể tự sức mà đạt đến trình độ này, vì phải nhờ thánh Linh làm việc tiếp tục và thường xuyên thì mới thánh hóa được. Nói khác đi, Chúa Giê-xu vừa là nền tảng của sự thánh khiết của chúng ta đối với Thượng Đế, và cũng là nguồn của sự thánh khiết trong đời sống hằng ngày của chúng ta. ta phải theo gương Phao-lô như lời ông nói với Tit khi xưa: "Một khi hưởng ân phúc đó, ta từ bỏ dục vọng trần gian và tinh thần vô đạo, ăn ở khôn khéo, thánh thiện và sùng kính."

B. Các phần Thánh kinh khác lại trình bày về việc thánh hóa như là trút bỏ con người cũ và mặc lấy bản chất mới. Như Ê-phê-sô 4:22-24 "Hãy bỏ con người cũ, là nếp sống đã bị hư hỏng vì dục vọng lừa dối. Tâm hồn anh em phải đổi mới. Anh em phải trở nên người mới, có bản tính tốt đẹp, thánh sạch giống Thượng Đế." Những câu này cho ta thấy rằng có một sự dằng co không ngừng giữa các nguyên tắc cũ của tội ác và cái chết đã một thời chủ trị trong tâm hồn chúng ta và những nguyên tắc mới thánh thiện và sống trong Chúa Cứu Thế Giê-Xu.

Các lời trên đây có thể tóm tắt như sau:

1. Bản chất cũ phải được coi như là đã bị trừng phạt, bị tử hình. Thượng Đế không muốn nhìn thấy bản chất ấy nữa, và nó không có quyền cản trở bước tiến của người theo Chúa.
2. Người theo Chúa được mời vào một cuộc đời hưởng tự do hằng ngày, nghĩa là đã trút hẳn con người cũ, và sống trong con người mới.
3. Cuối cùng, cũng có những khúc Thánh Kinh trình bày sự thánh hóa như là kết quả của cuộc hợp nhất của người tín đồ với Chúa Cứu Thế và tự nhận mình cùng chết, cùng sống lại với Chúa "Anh em phải kể mình như chết thật về tội lỗi và sống cho Thượng Đế, nhờ Chúa Cứu Thế Giê-xu." Rô-ma 6:11. "Tôi đã bị đóng đinh vào thập tự giá với Chúa Cứu Thế; hiện nay không phải tôi sống, nhưng Chúa Cứu Thế sống trong tôi." Ga-la-ti 2:20. "Vì anh em đã chết, sự sống của anh em được giấu kín với Chúa Cứu Thế trong Thượng Đế." Cô-lô-se 3:3. Qua các lời dạy này ý nghĩa thánh hóa còn sâu xa hơn. Thánh Kinh khuyến khích chúng ta phải coi sự hợp nhất với Chúa là một thực sự, gắn gũi như liên lạc của Chúa Cứu Thế với Thượng Đế là Cha.

Nói tóm lại, người tin Chúa phải coi mình như đã bị đóng đinh với Chúa, và sống lại cùng với Ngài, nghĩa là chết hẳn bản tính cũ mà sống trong bản tính mới.

Với các câu Thánh Kinh trên đây, bài học về thánh hóa đã rõ ràng. Bạn cần hiểu, nhưng quan trọng hơn cả vẫn là tin và áp dụng vào đời sống ngay. Bài học này không phải để đọc, nhưng là để làm. Bạn hãy nghĩ đến việc thánh hóa đời sống, và đọc lời Chúa nhiều hơn, gắn gũi với Chúa hơn để cuộc thánh hóa tăng trưởng trong tâm hồn bạn, đây là việc khẩn cấp không thể chần chừ, vì nếu không thánh hóa, thì cuộc đời của chúng ta theo Chúa là vô ích.

PHẦN THỨ SÁU

NGƯỜI TÍN ĐỒ và GIÁO HỘI

Khi một người tin nhận Chúa thì người ấy được Chúa tái tạo đời sống, hướng dẫn tâm linh cho được hiểu biết Chúa càng hơn, được bình an, vui vẻ. Tuy nhiên không ai có thể tin Chúa và cứ sống lẻ loi một mình lâu được, mà cần phải liên kết với những người cùng một niềm tin để được bồi dưỡng đức tin và xây dựng một nếp sống thánh thiện. Chính vì vậy mà Hội Thánh thành hình và hiện hữu. Nhiều khi mới tin Chúa, bước vào một nhà thờ hay một nhóm tín hữu đang tụ họp, người mới thấy xa lạ, từ cách nói năng đến tổ chức lễ nghi. Có người vì câu nệ, đã không tiếp tục gia nhập mà đứng ngoài, một thời gian sau vì không được nâng đỡ, có thể bị cám dỗ, trở lại nếp sống cũ. Trước khi đi sâu vào ý nghĩa và chức năng của Hội Thánh, ta cần nhớ các điều sau đây:

1. Mỗi người tin nhận Chúa nên quyết định gia nhập vào một nhóm tín hữu, hay một cộng đoàn dân Chúa, tức là Hội Thánh Hữu Hình mà Chúa Giê-xu là đầu. Các bạn trẻ cần kiên nhẫn khi gia nhập như vậy, vì những lễ lối cổ truyền trong nhà thờ. Cũng đừng vội nặng lời chỉ trích phê bình. Vì tất cả chỉ là hình thức. Nếu một nhà thờ chú trọng vào hai điều sau đây thì tín hữu phải hoàn toàn vắng phục. Hai điều đó là: *Thờ phượng Chúa và học lời Chúa trong Thánh kinh*. Chính hai điều này giúp cho mỗi tín hữu thêm lòng cung kính thờ Chúa và học hỏi để biết Chúa sâu nhiệm hơn. Bạn cứ chịu khó đóng góp vào việc thờ phượng Chúa và học lời Ngài, bạn sẽ thấy yêu Hội Thánh và thành công trên đường theo Chúa.

2. Có nhiều nhà thờ hay giáo phái Cơ-Đốc, vì quan niệm hẹp hòi, tự nhận nhà thờ hay giáo phái của mình là chân chính nhất, và cho rằng các nhà thờ khác hay giáo phái khác không cùng cơ cấu tổ chức là không đúng và không thuần túy. Đó là thái độ quá khích của một số người mà thôi. Thật ra người tin Chúa sau khi đã xét kỹ

về giáo lý căn bản và mục đích của một nhà thờ, hay một giáo phái, nếu thấy hoàn toàn phù hợp, thì có thể gia nhập để cùng phục vụ Chúa. Không tổ chức giáo hội nào cứu rỗi được con người, chỉ có quyền năng tha tội và giải phóng, tái tạo của Chúa mà thôi. Ta cần nhớ như vậy. Hơn nữa người nào tin Chúa thật thì đã thuộc về giáo hội vô hình của Chúa rồi.

3. Người tin Chúa cũng cần phân biệt rõ những nhà thờ theo đúng Kinh Thánh và những nhà thờ hay nhóm tín hữu quá khích. Ngoài ra có những giáo phái hay tôn giáo tự xưng là Tin Lành, hay Cơ-Đốc, nhưng thật ra là đi xa Kinh Thánh hay quá khích. Những nơi như vậy không phải chỗ cho một người tin Chúa chân thật tham gia.

Sau khi đã nói đến một vài điều cần ghi nhớ về Hội Thánh, chúng ta sẽ đi sâu vào phần phân tích về Ý Nghĩa và Chức năng của Hội Thánh:

I. HỘI THÁNH

Hội Thánh là tập thể của tất cả những người tin Chúa thật. Hội Thánh bao gồm cả những người đã qua đời, và an nghỉ trong Chúa, cũng như những người còn đang sống. Theo một định nghĩa khác thì: Hội Thánh là một tổ chức của tất cả những người mà Chúa đã định sẵn từ cõi vĩnh hằng để cho hưởng sự sống đời đời. Người ta cũng nói đến Hội Thánh hữu hình, tức là nói chung tất cả mọi người tin Chúa thật.

Trong nguyên ngữ Hi Lạp, Hội Thánh là EKKLESIA, nghĩa là dân chúng được triệu tập như là một hội đồng, và như thế có nghĩa là một hội của Chúa. Trong Kinh Thánh Tân Ước Hội Thánh bao giờ cũng là một cộng đoàn dân Chúa, chứ không phải là một ngôi nhà thờ.

A. Mục đích của Hội Thánh.

1. Mục đích cao cả của Hội Thánh phải quan hệ với các mục đích vĩnh cửu của Thượng Đế. Hội Thánh có một giá trị đặc biệt đối với

Chúa Giê-xu. Đó là Hội Thánh Vô hình.

2. Nói về mục đích của Hội Thánh hữu hình thì:

a. Hội Thánh là một tập thể những người được cứu chuộc, họp lại với nhau để thờ phượng Chúa chung và cùng xây dựng đức tin. Chủ yếu là tạo nên một mối thông công trong các tín hữu. Thánh kinh mô tả Hội Thánh trong hình ảnh một thân thể có các chi thể. Hoặc là một tòa nhà có nhiều viên gạch xây nên.

b. Hội thánh là trung tâm của các nhân chứng, nhờ đó mà Phúc Âm được bảo vệ và loan truyền cho mọi người. Vì việc quản trị Phúc Âm đã được giao cho Hội thánh chứ không giao cho các Thiên sứ, Hội Thánh phải thực sự là cơ quan quan trọng nhất trong xã hội loài người. Hội Thánh có mặt để Chúa Cứu Thế được hiện thực đối với loài người.

B. Bản chất của Hội Thánh.

Hội Thánh là một cơ thể hơn là một tổ chức. Chính vì vậy mà những lời dạy tỉ mỉ trong các sách giáo luật thời Cựu Ước không thấy nhắc lại trong Tân Ước. Hội Thánh Hữu hình và Hội Thánh Vô hình nhiều khi khác hẳn nhau. Vì Hội Thánh Hữu hình liên quan đến cả những người nói là tin Chúa nhưng thật ra chưa hẳn thuộc về Hội Thánh. Gia nhập vào một Hội Thánh Hữu Hình chưa bảo đảm là đã thuộc về Hội Thánh Vô hình. Cái gọi là "Thân thể của Chúa" hay là "Đền thờ của Đức Chúa Trời" hoặc là "Vợ hứa của Chúa Cứu Thế" là để mô tả Hội Thánh Vô Hình, tiêu biểu cho cái toàn vẹn, đầy đủ trong các chương trình của Chúa. Tuy nhiên ta cũng dùng hai từ Hữu Hình và Vô Hình để nói rằng hai Hội thánh ấy hoàn toàn khác nhau. Vì Hội Thánh Hữu Hình là thân thể của Chúa Cứu Thế hoạt động trong thế gian này, mặc dù không bao giờ hoàn toàn vì bị thời gian không gian và tính bất toàn của con người cản trở.

C. Đặc Điểm của một Hội Thánh chân thật.

Một Hội Thánh chân thật có bốn đặc điểm như sau:

1. Tính chất Hợp Nhất.

Hợp nhất đây không phải chỉ là về tổ chức, cũng không phải cùng một hình thức áp dụng Thánh Kinh hay hoàn toàn giống nhau về giáo lý căn bản. Sự hợp nhất chính yếu là tất cả đều đặt dưới một quyền chủ tể. Đó là quyền của Chúa Cứu Thế Giê-xu. Chỉ có một Chúa, một Đức Tin, một Lễ Báp-tem, một Đức Chúa Trời là Cha của tất cả. Nghĩa là Hội Thánh không phải hợp nhất trong cách thờ phượng, quản trị và hình thức phục vụ, nhưng Hội thánh là tất cả những người kính yêu Chúa Giê-xu chân thật. Không có hình thức tổ chức bên ngoài nào có thể vượt qua được liên quan căn bản của Hội thánh do chính Chúa Giê-xu thành lập.

2. Tính chất Thánh Khiết

Hội Thánh được biệt ra thánh cho Chúa, vì vậy Hội Thánh là gồm những người đã ở trong Chúa Cứu Thế và biểu lộ được sự sống thay đổi qua các quả trái của Thánh Linh thực hiện trong đời sống. Sự có mặt của họ trong hội Thánh Hữu Hình và ảnh hưởng của họ trong cuộc đời đều chứng tỏ căn bản Thánh Khiết của Hội Thánh Chúa Giê-Xu. Hội Thánh cũng là đền thờ của Thánh Linh nữa.

3. Tính chất Hoàn Vũ

Tính chất này phân biệt Hội thánh với Do Thái Giáo, là tôn giáo chỉ dành riêng cho một dân tộc. Hội thánh mở rộng cho tất cả các dân tộc trên căn bản bình đẳng và không mang tính chất địa phương của các nhà thờ trong các thành phố khác nhau. Tính chất hoàn vũ cũng gồm cả việc áp dụng sứ điệp Phúc Âm cho tất cả các chủng tộc. Hội Thánh không phải của người tây phương nhưng là của tất cả các dân tộc. Nhiều khi người ta bảo rằng Đạo Chúa là của Mỹ hay của Tây, *thật ra các nước ấy cũng chỉ mới được thành lập sau này, còn đạo Chúa đã khởi phát từ nghìn xưa, không thuộc riêng về dân tộc nào cả.*

4. Tính chất Tông Truyền

Tính chất này cho ta thấy nguồn gốc thẩm quyền của Giáo Hội.

Hội Thánh đã được thành lập trên nền tảng là các vị Tông Đồ hay Sứ Đồ và các vị Tiên Tri và được những người kế tục sự nghiệp mãi mãi theo lời dạy của các vị này. Tính chất này thật ra là theo đúng khuôn mẫu Hội Thánh mà các Tông Đồ hay các Sứ Đồ ngày xưa đã lập, nghĩa là *đặt cơ sở trên nền tảng duy nhất là Chúa Cứu Thế Giê-xu, và mục đích của mỗi người là làm nhân chứng trung tín.*

Hội Thánh thật của Chúa được thành lập ở bất cứ nơi nào mà Chúa Cứu Thế và Đức Thánh Linh được tôn làm chủ trong tâm hồn người. Vì thế nên Hội Thánh thật của Chúa là gồm tất cả những người đã tin nhận Chúa ở rải rác trên toàn thế giới.

Hội thánh là Một vì được hợp nhất trong Chúa Cứu Thế, vì vậy mà mặc dù các hình thức quản trị có khác nhau trên đất, cũng vẫn là một Hội Thánh. Hội Thánh là Hoàn vũ vì Chúa Cứu Thế được giảng truyền khắp nơi và đời sống Giáo Hội hoàn toàn độc lập với thời gian và không gian. Hội thánh mang tính chất **Tông Truyền**, vì theo đúng lời dạy của các Tông Đồ hay Sứ Đồ trong kinh Tân Ước. như thế bất cứ đặc tính nào ta thấy đều có quan hệ đến Chúa Giê-xu, và một Hội Thánh Hợp nhất, Hoàn vũ, và Tông truyền không phải là những Hội Thánh Hữu Hình mà cũng không phải là một đoàn thể những cá nhân vô hình. Nhưng Hội Thánh vẫn hiện thực vì đời sống của Hội Thánh là ở trong Chúa Cứu Thế, và bản chất của Hội Thánh là Thần Linh.

D. Liên quan giữa cá nhân và Hội Thánh.

Định nghĩa về Hội Thánh nhấn mạnh đến tương quan giữa cá nhân với Chúa Cứu Thế. Đây chính là điều mà Thánh Kinh chú trọng, vì không có gì quan trọng hơn là mối tương giao trực tiếp giữa con dân Chúa với Chúa là đầu. Thánh Linh ngự trong tâm hồn người tin Chúa sẽ hướng dẫn người ấy thật rõ rệt, chính xác đến chỗ gặp Chúa. Một cá nhân có thể đã bị tách biệt với Hội thánh hữu hình, hay với cộng đoàn dân Chúa một thời gian lâu, vì lý do này hay lý do khác, nhưng vẫn có thể duy trì được đời sống mới trong Chúa Cứu Thế Giê-xu nhờ được tiếp xúc với Ngài thường xuyên, không gián đoạn.

Nhưng mặt khác Thánh Kinh cũng nhấn mạnh rằng một người

tin Chúa mà sống riêng lẻ là không bình thường. Vì người ấy sẽ được nhiều điều lợi khi tương giao với anh em cùng một đức tin, nhất là trong việc thực hành những ân tứ chúa ban trong Hội Thánh. người ấy cũng được lợi đặc biệt qua ân sủng của Chúa. Một người không có mối tương giao với một cộng đoàn dân Chúa, sẽ mất mát rất nhiều. Người ấy có thể kiêu hãnh là mình không bị ràng buộc vào một nhà thờ nào, nhưng làm sao một người yêu Chúa lại có thể tách ra khỏi mọi công việc cần đến bàn tay, tấm lòng của nhiều người để hoàn thành? Một phương diện khác, Hội Thánh phải nhìn thấy đời sống của từng cá nhân để xây dựng chung, vì Hội Thánh do nhiều cá nhân mà thành.

E. Thẩm quyền của Hội Thánh.

Thánh Kinh là thẩm quyền tuyệt đối, tối cao của Đức Tin. Hội Thánh giữ vai trò thẩm quyền thứ hai. Hội Thánh có các thẩm quyền như sau:

1. Hội Thánh có toàn quyền ấn định những thể thức và lễ nghi sao cho phù hợp với Lời Chúa, và triển khai Lời Chúa không thêm hay bớt.
2. Hội Thánh có quyền sửa chữa đời sống cá nhân về giáo lý căn cứ vào các tín điều của Hội Thánh.
3. Hội Thánh có quyền thi hành kỉ luật đối với cá nhân nào sống trái đạo lý và có hành vi hư xấu, đời truy.

F. Liên quan giữa Hội Thánh và Thánh Kinh:

Câu nói: có Giáo Hội mới có Thánh Kinh, hay là Giáo Hội cho ta Thánh Kinh chỉ có một phần đúng, vì câu nói này đề cập đến hình thức của Thánh Kinh. Lời Chúa là lời được truyền ra bằng môi miệng hay viết ra trên giấy thực sự đã tạo thành Hội thánh. Không chỗ nào trong Thánh Kinh nói rằng Hội Thánh đã tạo ra Thánh Kinh. Nhưng đọc cả Thánh Kinh là Lời Chúa, chúng ta thấy thẩm quyền của Thánh Kinh đã hướng dẫn từng cộng đoàn dân Chúa để trở thành Hội thánh vô hình của Chúa.

G. Hợp Nhất và Đồng nhất

Con người trong mỗi thời đại có khuynh hướng coi sự Đồng Nhất quan trọng hơn là sự Hợp Nhất. có nhiều trường hợp một cộng đoàn dân Chúa vì đồng ý và có thể lực, muốn ép các cộng đoàn khác trong vùng cùng theo một phương thức thờ phượng và cùng theo một lối quản trị, kết quả thường đi đến chỗ thất bại, hoặc chia rẽ vì bất đồng ý kiến.

Thực sự thì Hợp Nhất sâu hơn là đồng nhất. Hợp Nhất là nói về tình trạng tâm linh chung, như là cùng trung thành tuyệt đối với Phúc Âm và với Chúa Giê-xu. Trong khi đó thì sự Đồng Nhất chỉ là về hình thức bên ngoài. Tức là nói về những cách biểu lộ lòng tin, thể thức tổ chức hay quản trị.

Về sự Hợp Nhất Ê-phê-sô 4:3-6 dạy: "Phải sống bình an hòa thuận để duy trì sự hợp nhất trong Thánh linh. Chúng ta cùng thuộc về một thân thể, cùng nhận lãnh một Thánh linh, cùng chung một niềm hi vọng về tương lai vinh quang. Chúng ta chỉ có một Chúa, một Đức Tin, một lễ Báp tem, một Thượng Đế là Cha mọi người, tác động trên mọi người và sống trong mọi người."

II. NHIỆM VỤ CỦA HỘI THÁNH.

Các giáo phái Tin Lành thuần túy đều nhất trí về các điểm sau đây liên quan đến Nhiệm vụ của Hội thánh:

1. Chúa Giê-Xu đã ban cho Hội thánh các ân tứ, kể cả những ân tứ đặc biệt để phục vụ con dân của Chúa trong nhiều hình thức khác nhau, quan trọng hơn cả là năng quyền phân tích giảng giải Lời Chúa, giáo huấn người trong đức tin, và làm nhân chứng về Chúa cho những người chưa biết Ngài.

2. Những câu Thánh Kinh được ghi lại trong thư Ê-phê-sô và các phần khác cho thấy rõ ràng, mục đích chính trong nhiệm vụ của Hội thánh là xây dựng đời sống tín hữu và lãnh đạo việc phổ truyền Phúc Âm cho người khác.

3. Căn cứ vào Lời Thánh Kinh, thì tất cả những người đã tin nhận Chúa, làm con dân Chúa đều giữ nhiệm vụ tư tế, tức là trực tiếp dâng tế lễ, hay cầu nguyện và ca ngợi tôn vinh Chúa, trong đó gồm cả xưng tội, cầu thay, ca ngợi, cảm tạ và chiêm ngưỡng Chúa.

4. Cái ý niệm phân biệt mục sư và các tín hữu, lập thành một giai cấp tu sĩ, là hoàn toàn xa với lời dạy của Chúa. Mục sư hoàn toàn không khác gì thành phần con dân Chúa. Những người được gọi vào chức vụ mục sư là để phục vụ, chứ không phải để quản trị. Trong Tin Lành thường gọi là tôi tớ Chúa là thế.

5. Lời dạy của Chúa liên quan đến người phục vụ rất là quan trọng, vì Hội Thánh được Chúa thành lập có những người chịu trách nhiệm về mọi công việc, kể cả việc quản trị hay mục vụ, ta cần nhớ:

a. Người nào đảm nhiệm công việc phục vụ Chúa trong tư thế là một mục sư, phải là người đã nhận được ân tứ từ Đấng Chủ Tể của Hội Thánh, và phải hiểu rằng người ấy được gọi vào chức vụ để đem Phúc Âm đến cho những người chưa biết đến Phúc Âm.

b. Những người đại diện của Hội Thánh phải chịu trách nhiệm về việc công nhận người ấy có đủ các điều kiện để thực hiện ân tứ Chúa ban hay không, và phải xác nhận rằng đời sống tâm linh người ấy vững vàng và hành vi làm gương tốt.

c. Khi một người được phong chức mục sư thì không phải là có quyền hành gì trên Hội Thánh, việc phong chức chỉ là một hình thức công nhận, đặt riêng một người mà Chúa đã ủy nhiệm trách vụ chăn bầy của Ngài.

III. PHÁT TRIỂN NHIỆM VỤ

Theo lịch sử Hội Thánh, ta thấy cuộc phát triển nhiệm vụ Hội Thánh như sau:

1. Kinh Thánh Tân Ước cho biết có ba giai đoạn:

a. Giai đoạn thứ nhất là cuộc phục vụ của chính Chúa Giê-Xu cùng với 70 môn đệ đầu tiên do Chúa trực tiếp ủy nhiệm.

b. Các Sứ Đồ được Chúa ban cho thẩm quyền đặc biệt, đã được chọn để hướng dẫn Hội Thánh đầu tiên sau ngày lễ Ngũ Tuần.

c. Thánh Linh đã hướng dẫn các Sứ Đồ trong nhiều việc tổ chức, và sau đó kiểm soát cũng như phát triển công việc của họ. Các Sứ Đồ đã chỉ định các chấp sự để điều hành công việc tổ chức, những người ấy cũng phải đầy đủ đức độ bên cạnh các khả năng. Các Sứ Đồ về sau phong chức cho những người làm Trưởng Lão hay Giám Mục. Các vị này hợp thành các hội đồng, sau này trở thành Tổng Công Đồng của Giáo Hội. Các Công Đồng này ghi lại lời dạy của các Sứ Đồ và thực hành một cách phổ quát đồng nhất. Ba lá thư mục vụ trong Tân Ước nêu rõ các nguyên tắc chính về chức năng phục vụ.

2. Chức vụ phục vụ chuyển tiếp

Trong suốt thời gian sống của các Sứ Đồ và cho đến khi Kinh Tân Ước được phổ truyền trong nhiều cộng đoàn dân Chúa, trong Hội Thánh có những ân tứ đặc biệt, như là việc nói tiên tri. Mục đích của các ân tứ này là giúp cho cộng đoàn dân Chúa ở địa phương nắm vững được các lời dạy chính trong Kinh Tân Ước về mạc khải của Chúa Cứu thế trực tiếp từ Đức Thánh Linh.

3. Chức vụ phục vụ thường xuyên.

Thư Mục vụ trong Tân Ước có đề cập đến hai cấp bậc phục vụ đó là:

a. Chấp sự. Chấp sự là những người phục vụ trong việc điều hành, tổ chức của Hội Thánh.

b. Trưởng Lão hay Giám Mục. Trưởng Lão hay Giám Mục chịu trách nhiệm về việc phục vụ Hội Thánh thường xuyên. Các vị này được các vị trưởng lão khác đặt tay phong chức cho. Nhiệm vụ

của các vị này là hướng dẫn việc phục vụ và các lễ nghi trong nhà thờ, dạy lời Thánh Kinh cho giáo dân, và thi hành các biện pháp kỷ luật đối với giáo dân. Trưởng Lão hay Giám Mục chịu trách nhiệm trực tiếp trước mặt Chúa Giê-xu về công tác của mình, vì họ là tôi tớ Chúa. Công tác phục vụ cũng chính là sự giữ đúng luật của Thánh Kinh trong Giáo Hội, và tránh những điều nào Thánh Kinh không đề cập đến. Giám Mục hay Trưởng Lão có quyền hành như nhau.

IV. TỔ CHỨC HỘI THÁNH.

Xét về phương diện lịch sử, Hội Thánh có nhiều giáo phái. Tuy nhiên tất cả đều thuộc về ba nhóm chính, đây chỉ nói riêng về hình thức tổ chức mà thôi.

1. Hệ thống Giám Mục

Trong Hệ Thống Giám Mục hay Giám Nhiệm, Hội Thánh có các giám mục quản trị, nhưng cũng có các chấp sự, các trưởng lão hay tu sĩ. Trong hệ thống này chỉ có một vị có quyền phong chức, đó chính là vị Giám Mục. Các vị Giám Mục tự coi là theo tông truyền, nghĩa là được truyền chức từ các Tông Đồ hay Sứ Đồ để tiếp nối công tác phục vụ. Các tổ chức Giáo Hội sau đây thuộc về hệ thống Giám Mục hay Giám Nhiệm: Công giáo, Chính Thống Giáo, Anh Quốc Giáo Hội, Giáo Hội Giám Nhiệm, Giáo Hội Giám Lý, và một số các Giáo Hội Luther.

2. Hệ Thống Trưởng Lão

Trong hệ thống tổ chức Trưởng Lão thì Giáo Hội do các Trưởng Lão quản nhiệm. Người ta cho rằng từ Trưởng Lão và Giám Mục trong Kinh Tân Ước đều chỉ về một chức vụ, và được kể là quan trọng hơn cả trong một giáo phận. Trong mỗi giáo phận, một số các Trưởng Lão thành lập một ủy ban để điều hành công việc của Hội Thánh. Có hai loại Trưởng Lão. Trưởng Lão Giảng Sư và Trưởng Lão Quản nhiệm. Trưởng Lão Giảng Sư là người phục vụ chính, được các Trưởng Lão khác đặt tay phong chức. Trưởng Lão Quản Nhiệm thì do Hội Chúng tuyển chọn, và được nhận vào

chức vụ qua một lễ phong chức. Các vị này không Giảng Dạy, làm Báp Tem hay Chủ lễ Tiệc Thánh, mà chỉ phụ tá trong việc hành chính của Hội Thánh, và trong việc thực thi kỷ luật. Họ cũng chịu trách nhiệm về việc tài chính của Hội Thánh. Các Trưởng Lão Quản Nhiệm thường là giáo dân, chứ không phải mục sư.

3. Hệ thống Hội Chúng

Hình thức tổ chức Hội thánh thứ ba là Hệ Thống Hội Chúng. Đây là hình thức tổ chức Hội Thánh Tự Trị, như là các cộng đoàn Baptist, Anh em, Tin Lành Tự Do Âu Châu, và một số các giáo hội độc lập khác. Họ chủ trương rằng không có người nào hay nhóm người nào có quyền trên Hội Thánh. Hệ thống Hội Chúng có hai chức vụ chính là Mục sư và Chấp sự. Mục sư là người được phong chức và được biệt riêng ra trong một buổi lễ có các đại biểu tham dự. Mục sư là người trông coi Hội Thánh. Chấp sự là những người được trao cho trách nhiệm trông coi nhu cầu tâm linh và vật chất của những người trong giáo hội.

V. PHƯƠNG CÁCH CỦA ÂN SÙNG

Phương cách của ân sùng là tất cả những thể thức mà nhờ đó chúng ta nhận được phước hạnh Chúa dành cho chúng ta, là những người tin Chúa.

A. Cầu Nguyện.

Thường người ta lầm cho rằng cầu nguyện chỉ là một dụng cụ nhờ đó ta nhận được sự giải thoát ra khỏi một tình trạng khó khăn, hay là được điều mình sở ước. Thực ra cầu nguyện là một trong những phương cách chính của ân sùng và nhờ cầu nguyện mà tâm hồn ta mới có thể biết Chúa đầy đủ hơn và sâu nhiệm hơn, hơn bất cứ phương pháp nào khác. Chúng ta cầu nguyện được là nhờ công việc của Chúa Cứu Thế Giê-Xu chuộc tội và làm thầy tư tế cao cả cho mỗi chúng ta. Sau đây là những điểm chính liên quan đến cầu nguyện:

1. Cầu nguyện là phương cách liên lạc đầu tiên và sự trao đổi tự

do của tâm hồn ta với Đấng Tạo Hóa.

2. Cầu nguyện là sự luyện tập của tâm hồn để đưa chúng ta vào đúng ý chỉ của Chúa. Vì thế cho nên khi nào ý riêng của ta thắng thế, là lúc mà ta không thể cầu nguyện được, và không có điều gì xua đuổi ý riêng mau chóng cho bằng cầu nguyện với Chúa. Cầu nguyện cũng là lúc chúng ta biết nhiều hơn về Chúa Cứu Thế và mục đích của Ngài dành cho nhân loại trong trần gian.

3. Cầu nguyện là dịp cho ta dâng lên Chúa những lời thỉnh nguyện của riêng mình hay thay cho người khác.

4. Cầu nguyện là phương cách quan trọng nhất phải có trong bất cứ phương cách nào khác để hiểu biết về Chúa hay phục vụ Ngài.

5. Chỉ có người nào được Chúa tha thứ tội ác, mới có đủ tư cách cầu nguyện. Bất cứ người nào khi được tha thứ tội ác cũng có thể cầu nguyện thẳng với Chúa.

B. Đọc Thánh Kinh

Phương cách của ân sủng thứ hai là đọc Thánh Kinh. Thói quen đọc Thánh Kinh hằng ngày giúp cho người theo Chúa chuẩn bị tâm hồn để Thánh Linh có thể hoạt động. Vì đọc Thánh Kinh là đi vào mạc khải về Chúa, về cuộc cứu chuộc nhân loại, về tội lỗi của nhân loại, tội lỗi của chính mình, và địa vị làm con của mình trong nhà Chúa. Lời Chúa đọc hằng ngày phải hiểu rằng trước mặt ta là nguyên cả một mạc khải về Chúa, và chính Thánh Linh là Đấng giải bày mọi điều cho chúng ta. Thánh Kinh là phương cách ân sủng vì ba điểm sau đây:

1. Thánh Kinh là cuốn sách trung gian, nhờ đó khi đọc riêng ở nhà hay đọc chung giữa nhiều người thì ta biết rõ được Thượng Đế là ai.

2. Khi giảng truyền, Thánh Kinh là dụng cụ Thượng Đế dùng để cho con người biết tội của mình, tìm đến lòng tin thật và được tha thứ, và thánh hóa.

3. Thánh Kinh dùng chung với lời cầu nguyện hằng ngày giúp cho ta biết cách sống giữa đời này.

C. Giảng truyền lời Chúa.

Khả năng tiếp thụ Lời Chúa thật là giới hạn, vì vậy ta cần đến sự hỗ trợ của Đức Thánh Linh, và lối giảng truyền Lời Chúa qua những người có đặc ân làm công việc ấy. Người giảng truyền lời Chúa phải là người đã sống thật với Lời Chúa và được huấn luyện trong việc nghiên cứu và giảng giải Thánh Kinh.

D. Thờ phượng.

Người ta thường nói rằng người tin Chúa có thể thờ Chúa ở nhà riêng hay bất cứ nơi nào cũng được. Nhưng nói như thế là không để ý đến phương diện của Chúa trong vấn đề thờ phượng, mà chỉ để ý đến phương diện của mình. Thánh Kinh cho biết rằng Chúa vui khi cộng đoàn dân Chúa nhóm lại để biểu lộ lòng tôn vinh Chúa. Tụ họp nhau ca ngợi Chúa đọc Thánh Kinh và cầu nguyện với nhau là hình thức thờ phượng đơn giản nhất. Người ta còn có dịp chia sẻ kinh nghiệm, thuật lại các phước hạnh của Chúa ban, nghe giảng giải Lời Chúa và truyền bá Phúc Âm cho đồng bào nữa, nhưng tất cả đều chỉ là để tôn vinh Chúa chứ không phải tôn sùng cá nhân hay giáo hội.

E. Các Thánh Lễ.

Có khi người ta gọi các Thánh Lễ là Phép Bí Tích. Tiếng Anh là Sacrament. Chữ này rút ra từ tiếng Latin Sacramentum, cùng nghĩa với mysterion của Hi Lạp, nghĩa là: "Một điều bí mật bấy giờ được cho biết"; rồi mang thêm nghĩa: "Một điều gì có ý nghĩa bí mật" hay là "Một điều gì biểu tượng". Trong tiếng Latin thì chữ này tương đương với lời thề của một người lính khi gia nhập vào quân đội. Trong Giáo Lý của Giáo Hội Anh Quốc có định nghĩa bí tích là: "Một biểu tượng tỏ ra bên ngoài của một điều bên trong và ẩn giấu thiêng liêng." Theo Tín lý Westminster thì bí tích là: " Một thánh Lễ do chính Chúa Cứu Thế thiết lập; trong đó Chúa Cứu Thế

và lợi ích của giao ước mới được trình bày và áp dụng cho người tin Chúa."

Giáo Hội Cải Chính Tin Lành đã giới hạn Phép Bí Tích còn hai phép, hay là hai Thánh Lễ, đó là: Thánh Lễ Báp Tem và Tiệc Thánh. Đó là các Thánh Lễ do chính Chúa Giê-xu thiết lập. Anh em Công Giáo thêm vào năm thánh Lễ nữa là: Bí tích Thêm Sức, Truyền Chức Thánh, Giải Tội, Xức Dầu Thánh và Hôn Phối.

Tính chất của các Phép Bí Tích hay các Thánh Lễ được coi như là những bằng cứ hiển nhiên về ân sủng của Chúa. Có thể so sánh với các Phép Cắt Bì hay Lễ Vượt Qua của dân Chúa khi xưa. Đây là những dấu chỉ bên ngoài, như những con dấu kiểm nghiệm. Về bên trong thì các thánh Lễ này đối với người tin hay nhận lễ là một bảo đảm về ân sủng Chúa đã hứa ban cho. Đối với Chúa thì Thánh Lễ Tiệc Thánh là đảm bảo rằng Ngài sẽ thực hiện tất cả những gì Ngài đã hứa trong giao ước cứu chuộc, với điều kiện là ta phải trung tín rao truyền Phúc Âm cho đến lúc Chúa trở lại. Tóm lại các Thánh Lễ hay Bí tích phải hội đủ ba điều là: Phải do chính Chúa Giê-xu ấn định, phải là một dấu chỉ hay biểu hiệu rõ rệt, và phải liên quan đến ân sủng bên trong tâm hồn.

F. Thánh Lễ Báp Tem.

Chữ Báp tem mà ta dùng là do từ tiếng Pháp baptême, chữ này lại rút ra từ Hi Lạp, baptizo, nghĩa là nhúng xuống nước. Nhiều khi người ta dùng những chữ như Rửa Tội hay Thanh Lễ, hoặc là Tẩy Lễ để nói về báp tem, nhưng dùng những chữ đó có thể gây hiểu lầm. Vì thật ra báp tem chỉ là một biểu tượng bên ngoài thấy được của một ân sủng bên trong tâm linh. Báp tem không làm cho người nào được tha tội, cũng không thay đổi được tâm hồn con người. vì tất cả đều tùy thuộc vào quyết định TIN. Nghĩa là người nào không tin thì không được Chúa tha thứ tội, và không được tái sinh. Báp tem như vậy chỉ là một thánh lễ tuyên xưng đức tin trước Hội Thánh và cam kết sống theo lời Chúa dạy. Người chịu báp tem phải có các điều kiện sau đây:

1. Phải thực lòng tin nhận Chúa, chứ không phải vì gia đình ép buộc hay là theo người khác mà làm.

2. Phải hiểu rõ các giáo lý căn bản về Chúa và về thân phận con người. Các điều sau đây phải quả quyết: Tin rằng Chúa Giê-Xu đã giáng thế làm người, Chúa đã hi sinh mạng sống vì mọi người để chuộc tội, Chúa đã phục sinh khỏi hoàn, Chúa đã thăng thiên về trời, và Chúa sẽ tái lâm một ngày nào chưa biết rõ. Đó là nói về Chúa. Về con người thì phải tin rằng con người vì phạm tội mà cách xa Thượng Đế và chờ đợi án phạt tội đời đời. Số phận con người nếu không có Chúa Giê-Xu giải cứu thì hoàn toàn tuyệt vọng.

3. Phải cam kết từ bỏ nếp sống cũ tội ác, hư hỏng buông thả, và quyết tâm làm theo lời dạy của Chúa.

4. Phải cam kết hằng ngày cầu nguyện, đọc lời Thánh Kinh để xây dựng đức tin vững mạnh và sẵn sàng phổ truyền tin mừng cứu độ cho mọi người.

5. Người chịu báp tem phải hiểu rằng báp tem là dấu hiệu để gia nhập vào Hội Thánh mà Chúa Cứu Thế là đầu, và là một ấn chứng sự hợp nhất của mình với Chúa và được liên lạc với Đức Chúa Cha. Coi mình như đã chết con người cũ và phục sinh trong con người mới.

Có nhiều giáo hội làm báp tem cho trẻ sơ sinh. Nhưng trong Tin Lành người ta không tin rằng báp tem có quyền năng tái tạo đời sống hay giải tội tổ tông truyền lại, vì vậy dù có giáo phái Tin Lành làm báp tem cho trẻ sơ sinh, thì cũng chỉ là biểu tượng, với cam kết của cha mẹ hay người đỡ đầu là phải chăm sóc đức tin đưa bé cho đến khi khôn lớn và sẽ tuyên xưng đức tin trong một buổi lễ. Nghĩa là chính đứa bé phải chịu trách nhiệm về niềm tin của nó, chứ không phải Giáo Hội hay cha mẹ. Thông thường thì một người hiểu biết rõ về Chúa và muốn tin Chúa để được tha tội, là người có thể nhận Thánh Lễ báp tem.

Có nhiều hình thức làm báp tem. Nhưng đa số cho rằng nhúng hẳn mình xuống nước để làm biểu tượng chết hẳn con người cũ, và khi lên khỏi nước là biểu tượng cho một đời sống mới. Nhiều hình thức báp tem như rảy nước trên đầu, hay xấp nước trên trán cũng

được áp dụng. Dù sao, xin nhắc lại là báp tem chỉ là một biểu tượng, không có hiệu lực giải tội. Trường hợp người tin Chúa thật mà chưa có dịp làm báp tem cũng vẫn được cứu, vì tình thương của Chúa và lòng tin của người ấy.

G. Thánh Lễ Tiệc Thánh.

Tiệc Thánh do chính Chúa Giê-xu thiết lập và dạy là phải vâng giữ. Tiệc Thánh đầu tiên chính là tiệc kỉ niệm cuộc ra khỏi đất Ai cập của dân Chúa, gọi là Lễ Vượt Qua. Lễ này người do Thái kỉ niệm đời đời để nhớ việc Thiên sứ của Chúa giết hại con đầu lòng của người Ai cập trong phép lạ cuối cùng, và Thiên sứ vượt qua những nhà người do thái có giết chiên, lấy máu bôi lên trên cửa. Chúa Giê-xu đã nhân Lễ Vượt qua, định ra lệ về lễ Tiệc Thánh, đánh dấu việc ra khỏi cuộc đời nô lệ, nhờ máu hi sinh của Chúa trên thập giá.

Trong Lễ Tiệc Thánh đầu tiên Chúa Giê-xu nhấn mạnh về hai điều, thứ nhất là dự lễ Tiệc Thánh để nhớ đến cuộc hi sinh đền tội cho nhân loại của Chúa, và thứ hai, khi dự lễ là cam kết rao truyền tình thương của Chúa muốn cứu vớt nhân loại cho mọi người được biết.

Như thế Tiệc Thánh cũng là một biểu tượng để ghi nhớ và cam kết. Bánh và nước nho trong Lễ tiệc Thánh cũng chỉ là biểu tượng. Cuộc hi sinh của Chúa trên thập giá, đổ máu ra cứu mọi người chỉ thực hiện một lần duy nhất, và không bao giờ cần phải tái diễn. Vì vậy tiệc thánh *không phải là đóng đinh Chúa một lần nữa để chuộc tội cho mình, mà chỉ là để nhớ đến cuộc hi sinh cứu chuộc đó mà thôi*. Xin đọc các phần Thánh Kinh sau đây để hiểu rõ hơn bài học này: Hê-bơ-rơ 7:27; 9:26; 10:10; 6:6.

Về định kỳ tổ chức Lễ Tiệc Thánh thì có nhiều Giáo Hội cử hành mỗi tuần. Nhưng Giáo Hội Tin lành chung thường tổ chức mỗi tháng một lần, tốt nhất là vào Chủ Nhật đầu tháng.

Dù Báp tem và Tiệc Thánh là các biểu tượng, nhưng mỗi người tin Chúa phải tôn trọng và tham dự lễ với lòng kính nghiêm, xin xưng

tội với Chúa rành rẽ trước khi dự lễ để hưởng được ân phúc của Chúa. Cũng không nên bàn cãi hay tranh luận về hai Thánh Lễ này, vì có thể qua những cuộc tranh luận mà tình thương đại kết trong Chúa bị tổn thương.

PHẦN THỨ BẢY

THIÊN SỨ, SA TAN và ÁC QUỶ

Trong các chuyện đời xưa người ta hay nói đến những bà tiên, những vị đạo cốt thường phù hộ người lành, làm hại kẻ ác. Cũng có những câu chuyện về ma quỷ hay thần linh. Trong tâm trí những người đọc thường tưởng tượng ra các nhân vật này cho đến khi trưởng thành mới hay rằng các câu chuyện ấy chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng mà thôi. Câu hỏi đặt ra là: các thiên thần, Sa tan và quỷ sứ có thật hay không?

Căn cứ vào Thánh Kinh, chúng ta thấy rằng Thiên Sứ hay Thiên Thần, Sa tan và ma quỷ nói chung đều có thật.

THIÊN SỨ

Thánh Kinh Cựu Ước cũng như Tân Ước đều nói về Thiên sứ. Chính Chúa Giê-Xu cũng nói về Thiên Sứ nhiều lần. Xin đọc các phần Thánh Kinh sau đây để thấy rõ: Ma-thi-ơ 18:10; Mác 13:32; Mác 8:38; Ma-thi-ơ 13:41-43; Ma-thi-ơ 26:53.

Theo Thánh Kinh thì Thiên Sứ là do Chúa tạo ra. Cô-lô-se 1:16. Thiên sứ có thể là đã được tạo nên trước loài người. Sa Tan là một Thiên Sứ sa ngã, đã vào vườn Ê-đen và đã cám dỗ loài người. Thiên Sứ không có thể xác, chỉ có phần tâm linh. Hê-bơ-rơ 1:14 cho biết Thiên sứ là thần phục vụ Thượng Đế. Thiên sứ lấy hình thể loài người để xuất hiện trên mặt đất. Như khi hai Thiên Sứ đến gặp ông Lót ở thành Sô-đôm. Hay khi Chúa sống lại họ hiện ra để loan báo tin Chúa phục sinh. Nhưng đó chỉ là các trường hợp đặc biệt.

Thường thì người ta vẫn đề cập đến Thiên Sứ như là nam giới, nhưng thật ra Thiên Sứ không phải nam mà cũng không phải nữ. Chính Chúa Giê-xu đã nói đến điều này khi trả lời một câu hỏi

về việc người chết sống lại. "Nhưng các người sống lại đó, ở như thiên sứ trên trời vậy." (Mác 12:25). Nghĩa là không cưới gả.

Trong thứ bậc sáng tạo thì Thiên Sứ cao hơn loài người. Chúa tạo nên loài người thấp hơn Thiên Sứ một bậc. Những người được Chúa cứu chuộc, trong cuộc sáng tạo mới, lại cao hơn Thiên Sứ. ICô-rinh-tô 6:3: "Anh em không biết chúng ta sẽ xét xử các Thiên Sứ sao?"

Thiên Sứ sống mãi không bao giờ chết. Thiên Sứ cũng không già, và khi chúng ta sống lại, chúng ta sẽ như họ. Lu-ca 20:36.

Về trí thông minh và sức mạnh thì Thiên Sứ vượt hẳn con người, mặc dù họ hữu hạn.

Thiên Sứ không biết ngày Chúa trở lại, và tin mừng về việc cứu chuộc nhân loại, các Thiên Sứ cũng muốn được biết I Phi-e-rơ 1:12. Nghĩa là các Thiên Sứ cũng không hiểu biết tất cả.

II Phi-e-rơ 2:11 ghi: "Ngay như các Thiên Sứ đứng chầu trước mặt Chúa, dù quyền uy phép tắc cao hơn các giáo sư giả biết bao, cũng không hề nói một lời bất kính nào xúc phạm đến các bậc đó." Như vậy nghĩa là Thiên Sứ có quyền hơn con người. Ê-sai 37:36 ghi rằng trong một đêm, một Thiên sứ vào trại của người A-si-ri sát hại 185 nghìn người. Thật ra sức mạnh của Thiên Sứ là do Chúa truyền cho, và họ chỉ làm theo lệnh của Chúa mà thôi. Theo đúng tên gọi, họ chỉ là những tôi tớ Chúa sai đi làm các công việc của Ngài.

Thiên Sứ thường đứng chầu trước mặt Chúa. Chúa Giê-xu nói rằng: "...họ đứng chầu trước mặt cha ta ở trên trời." Thiên Sứ cao hơn loài người trong vị thế này và họ tiếp tục thờ phượng Chúa không ngừng. Khải Huyền 5:11. các Thiên Sứ cũng ưa thích các công việc và ân sủng của Chúa; họ cũng chú trọng đến cá nhân mỗi người. Lu-ca ghi rằng: "Các Thiên sứ trên trời rất vui khi một kẻ có tội ăn năn."

Về hoạt động của các Thiên Sứ trên đất thì ta thấy có nhiều phương diện, dù rằng chính yếu vẫn là thực hiện ý chỉ của Chúa.

Thi Thiên 103:20.

Các Thiên Sứ đứng ra trừng phạt các kẻ thù của Chúa, thi hành án phạt của Ngài. Vua Hê-Rốt vì ngạo mạn bị một Thiên Sứ đánh cho chết. Lần khác một Thiên Sứ đến thành Giê-ru-sa-lem hủy diệt cho đến khi Chúa ra lệnh ngưng lại.

Thiên sứ cũng thường có những liên lạc với từng cá nhân người tin Chúa. Trường hợp Đa-ni-ên được Thiên Sứ bảo vệ vì giữ lòng trung tín với Chúa. Khi Đa-ni-ên bị bỏ vào hang sư tử, Vua Đa-ri-út đến xem thử Đa-ni-ên có còn sống hay không, thì Đa-ni-ên nói rằng: "Đức Chúa Trời của tôi đã sai Thiên sứ Ngài đến bịt miệng sư tử, nên chúng làm hại gì tôi được." Đa-ni-ên 6:22. Khi nhà tiên tri Ê-Li nản lòng, đói nhọc trên đường chạy trốn kẻ thù, thì một Thiên Sứ đã đánh thức Ê-li dậy và bảo rằng: "Hãy thức dậy, ăn đi, vì đường xa quá cho ngươi." Sứ Đờ Phi-e-rơ thì hai lần được Thiên Sứ giải thoát ra khỏi nhà tù.

Qua các việc này, và nhiều chuyện khác được ghi lại trong Thánh Kinh chúng ta thấy rằng Thiên Sứ bảo vệ, che chở và giải thoát người của Chúa khi Chúa truyền lệnh cho họ làm như thế.

Các Thiên Sứ cũng đưa dẫn người tin Chúa đến làm chứng cho người chưa tin Chúa nữa. Như trong trường hợp Phi-Líp làm chứng cho viên Thái Giám người Ê-thi-ô-pia. Thiên Sứ cũng hướng dẫn Phi-e-rơ đến gặp Cột-nây để truyền giảng Phúc Âm cho gia đình này. Giữa cơn khủng hoảng chìm tàu, Sứ Đờ Phao Lô đã được một Thiên Sứ đến khuyến khích. Công vụ 27:23. Chính Chúa Giê-xu trong giờ đau thương ở vườn Ghết-xê-ma-nê đã được một Thiên Sứ đến thêm sức. Lu-ca 22:43.

Thiên sứ cũng quan tâm đến Hội Thánh và hoạt động của Hội Thánh. Phao lô trong lời dặn Ti-mô-thê về chức vụ đã nói rằng: "Trước mặt Đức Chúa Trời và Đức Chúa Giê-Xu, cũng như các Thiên Sứ được chọn coi sóc các việc Hội Thánh..." I Ti-mô-thê 5:21.

Các Thiên Sứ cũng sẽ cùng với Chúa Giê-Xu giáng lâm và xét xử thế giới này. Ma-thi-ơ 25:31 ghi: "Khi ta quang vinh trở lại địa cầu với tất cả các Thiên sứ Thánh, ta sẽ ngồi trên ngai vinh hiển."

Thánh Kinh không nói đến con số Thiên sứ. Nhưng ta biết họ rất đông. Đa-ni-ên trong hiện tượng về Chúa nói rằng: "Trước mặt ngài một sóng lửa chảy ra và tràn lan; ngàn ngàn hầu hạ Ngài, và muôn muôn đứng trước mặt Ngài." Đa-ni-ên 7:10.

Sứ Đờ Giảng cho biết: "Có tiếng của vô số Thiên sứ, Thiên Sứ hằng muôn, hằng ngàn."

Thiên Sứ cũng có tổ chức thành đội ngũ. Chúa Giê-xu nói đến 12 đạo Thiên Sứ. Tiên tri Mi Chê nói: "Tôi thấy Chúa ngồi trên ngai, và tất cả cơ binh trên trời đứng bên phải và bên trái ngai."

Mi-ca-ên là Thiên Sứ trưởng duy nhất được nói đến trong Thánh Kinh. Mi-ca-ên được coi như Đấng bảo vệ đặc biệt cho dân Chúa. Trong Đa-ni-ên 10 thì Mi-ca-ên được gọi là một trong các quan trưởng, câu 21 lại nói rằng Mi-ca-ên là vua.

Trong thư Giu-đe thì Thiên sứ trưởng Mi-ca-ên chiến đấu với Sa tan để dành xác Môi-se. Trong Khải Thị 12:7 thì ghi rằng Mi-ca-ên và các Thiên Sứ dưới quyền chiến tranh với con rồng.

Trong các ngoại thư, các sách của người Ba-by-lôn và người Ba-tư thì có tới 7 vị Thiên Sứ Trưởng. Nhưng Thánh kinh chỉ nêu tên một vị Thiên sứ trưởng.

Một Thiên Sứ khác được Thánh Kinh nêu tên là Gáp-ri-ên. Trong Cựu Ước Gáp-ri-ên đã hiện ra giải thích hiện tượng con dê đực và con chiên đực cho nhà tiên tri Đa-ni-ên, và tuyên rao lời tiên tri về 70 tuần lễ.

Trong Kinh Tân Ước, Thiên Sứ Gáp-ri-ên đã báo trước hai cuộc rã đời của hai nhân vật quan trọng. Một là Giảng, người làm báp tem, và sau đó là Chúa Giê-Xu.

Người ta thường vẽ hình Thiên Sứ có cánh và bay được, nhưng Thánh kinh mô tả Thiên Sứ như người thường. Thánh Kinh chỉ nói đến hai sinh vật có cánh là Chê-ru-bim và Sê-ra-phim. Nhưng ta không biết các chi tiết về các sinh vật này. Chê-ru-bim là một loại

Thiên Sứ Chúa đặt canh giữ vườn Ê-đen sau khi loài người phạm tội. Trong Ê-xê-chi-ên thì Chê-ru-bin được gọi là các sinh vật. Mỗi Chê-rup được mô tả là có 4 mặt: mặt người, mặt sư tử, mặt bò và mặt chim phụng hoàng. Mỗi mặt có bốn cánh.

Sê-ra-phim thì được nói đến trong hiện tượng mà Ê-sai được thấy về đền thờ trên trời. Nói tóm lại Chê-ru-bim và Sê-ra-phim là các loại Thiên sứ đặc biệt canh giữ ngôi của Chúa.

Trái với quan niệm thần thoại, Thánh Kinh không bao giờ nói rằng con người chết đi biến thành Thiên sứ (hay thành tiên).

Người ta có thể đặt câu hỏi: Ngày nay thiên sứ có còn hiện ra như trong các thời đại của Thánh Kinh nữa không? Điều này không ai rõ, vì cũng có những lần kẻ thù của Chúa gặp những sức mạnh ngăn cản họ xúc phạm đến người của Chúa. Cũng có những chuyện có người lạ mặt gặp gỡ truyền báo điều này điều kia. Cũng có những người bịa đặt chuyện gặp gỡ Thiên Sứ để lừa đảo người tin.

Chúng ta tin rằng Chúa vẫn dùng các Thiên Sứ khi nào người không thể làm nổi các công tác Chúa giao.

Nói tóm lại, Thiên Sứ là các vị phục vụ Chúa, cao hơn con người, nhưng không đáng tôn thờ. Thiên Sứ bảo vệ, hướng dẫn ta theo ý chỉ của Chúa trong cuộc đời này.

ÁC QUÝ

Chúa đã tạo nên các Thiên Sứ trong trạng thái hoàn hảo. Tuy nhiên Thiên Sứ cũng có ý chí tự do, và cũng bị cám dỗ phạm tội. Tội ác làm thế nào xâm nhập vào một đời sống hoàn toàn, là một điều huyền nhiệm, nhưng thực sự tội ác có xâm nhập là một điều hiển nhiên. II Phi-e-rơ 2:4 ghi: "Thượng Đế không dung thứ các Thiên Sứ phạm tội, nhưng quăng họ vào hỏa ngục, giam họ trong chốn tối tăm để đợi ngày phán xét." Giu-đe câu 6 thì ghi: "Anh em nên nhớ, những thiên sứ không chịu giữ địa vị của mình mà sa vào tội lỗi, đã bị Thượng Đế xiềng lại trong ngục tối để đợi ngày phán

xét."

Có người cho rằng các Thiên Sứ đã sa ngã, phản nghịch Chúa sau khi Chúa sáng tạo nên thế giới, vì vậy nên Sáng-thế-ký 1:2 mới ghi rằng: "Đất là vô hình và trống không, sự mờ tối ở trên mặt vực." Nhưng đây chỉ là một giả thuyết, không có gì chứng minh. Thánh kinh cũng không nói đến số các Thiên Sứ sa ngã, nhưng điển hình nhất là Sa-tan.

Cái tên Sa-Tan nghĩa là kẻ phản nghịch hay kẻ đối nghịch. Phi-e-rơ gọi Sa-tan là Ma quỷ. Giê-hô-sua ngày xưa đứng trước mặt Thiên sứ của Chúa có Sa-tan đứng bên phải để chống đối, theo như Xa-cha-ri 3:1. Sa-tan là kẻ chống đối và kẻ thù của Chúa và con người.

Trong những năm gần đây người ta có khuynh hướng coi thường Sa-tan, cho rằng những người tin có Sa-tan và hoạt động của Sa-tan là những kẻ sơ thiên, ngây thơ và mê tín. người ta còn bảo cái tên Sa-tan chỉ là một cách nhân cách hóa điều ác trong thế giới mà thôi. Ý niệm này rút ra từ những lối diễn tả Sa-tan trong thi ca thời Trung Cổ.

Mặt khác lại có những bức tranh tả vẽ Sa-tan là một nhân vật màu đỏ, có sừng và đuôi, tay cầm chìa ba. Đây cũng là mưu sâu của Sa-tan, cốt để cho người Thế kỷ 20 khinh thường nó, cho là không có nó, để nó dễ bề tiến công mà nạn nhân không hay.

Vì khi cho rằng Sa-tan không có thật, thì không ai nghĩ đến các kế hoạch của nó. Theo Thánh kinh thì ma quỷ có thật, và xác định rõ ràng. Trong sách Gióp có nói đến việc nó ra mắt Chúa kỳ kèo về Gióp và nhận lời thách thức của Chúa để thử thách Gióp. Còn trong Tân ước thì chính nó đã cám dỗ cả Chúa Giê-xu, và Chúa đã đối thoại với nó.

Thánh kinh có nhiều tên gọi Sa-tan. Tên đúng nhất là Ma quỷ. Các tên khác dùng để diễn tả việc làm của nó:

I Tê-sa-lô-ni-ca 3:5 gọi nó là Kẻ Cám Dỗ;

Ma-thi-ơ 13:19 gọi nó là Quỷ Dữ, kẻ cướp đi hạt giống gieo trong lòng người.

I Phi-e-rơ thì gọi nó là Kẻ Thù Nghịch.

Phúc Âm Giảng 8:44 Chúa Giê-xu gọi nó là Cha của Dối Trá, và là Kẻ Sát Nhân.

Khải Huyền 12:9 gọi nó là Kẻ Lừa Dối.

Sa-tan còn hai tên khác là Bê-li-an và Bê-ên-xê-bup được ghi trong Tân Ước nhưng không ai rõ duyên do từ đâu mà có hai tên này.

Việc Sa-tan sa ngã được tả vẽ trong Ê-xê-chi-ên 28:12-19, mặc dù cũng nói về Vua Ty-rơ. Câu nói rằng: "Người gồm đủ tất cả, đầy đủ sự khôn ngoan, tốt đẹp trọn vẹn"; và câu: "Đường lối người được trọn vẹn từ ngày người được tạo nên cho đến lúc thấy sự gian ác trong người." Như thế Sa-tan được tạo nên trọn vẹn, nhưng về sau đã phạm tội.

Phân đoạn Thánh Kinh thứ hai nói về Sa-Tan là Ê-sai 14:12-15. Xin mở ra đọc. Chữ sao mai trong câu 12 là chữ Lucifer, tức là một tên gọi khác của Sa-tan. Phần Thánh Kinh này cho ta thấy Sa-tan rất kiêu ngạo, và muốn đặt mình ngang bằng Chúa. Sa-tan chủ trương như thế, và khi cám dỗ loài người phạm tội, nó cũng xui loài người ăn trái cây cấm để được bằng Chúa. Ngày nay Ma Quỷ vẫn còn dùng kế hoạch này để cám dỗ loài người.

Chúa Giê-xu có lần nói: "Ta thấy quỷ Sa-tan từ trời sa xuống như chớp" Lu-ca 10:18. Trong hiện tượng lạ mà Giảng thấy ở đảo Bát mô, Giảng nói rằng: "Vị Thiên Sứ thứ năm thổi loa thì tôi thấy một ngôi sao từ trời rơi xuống đất, và được ban cho chìa khoá của vực sâu không đáy." Khải Huyền 9:1. Đó là những chỗ nói về Sa-tan là một Thiên Sứ sa ngã.

Sau khi bị đuổi ra khỏi Thiên Đàng, Sa-tan đã vào vườn Ê-đen cám dỗ Ê-va và A-đam. Rồi nó tiếp tục cám dỗ loài người trong suốt lịch sử cho đến ngày nay. II Cô-rinh-tô 4:4 nói rằng: "Nó là chúa đời này đã làm mù lòng nhân thế, nên họ không thể nào tin Chúa được." Đây là một điểm ta cần ghi nhớ trong công tác truyền bá Phúc Âm, vì không phải chỉ cố gắng thuyết phục người trong ý chí và lý trí, nhưng còn trong sự u tối do ma quỷ đưa vào lòng người nữa. Người Truyền Bá Phúc Âm phải đối đầu với Vua của chốn không trung và thế gian tội ác là Ma quỷ. Chỉ một quyền năng của

Chúa mới có thể khiến con người từ bóng tối qua vùng ánh sáng và từ trong quyền lực của Sa-tan về với Chúa Vinh Quang.

QUỶ ÁM

Nhiều người ngày nay cho rằng tình trạng quỷ ám chỉ là cách mô tả sơ thiên, chưa hiểu biết khoa bệnh tâm thần mà thôi. Dĩ nhiên là cũng có những người bệnh tâm thần mà bị hiểu lầm là quỷ ám, và bị đối xử rất tàn tệ. Tuy nhiên bệnh tâm thần và bị quỷ ám hoàn toàn khác nhau hẳn. Lại cũng có người nói rằng mọi bệnh tật đều là do ma quỷ gây nên cả. Nhưng căn cứ vào Thánh Kinh ta thấy có khác biệt rõ ràng. Ma-thi-ơ 4:24 ghi: "Họ đem đến cho Chúa tất cả những người đau yếu, mắc phải nhiều loại bệnh tật và đau đớn, quỷ ám, kinh phong tê liệt." Như thế ta thấy có sự phân biệt giữa các tật bệnh bình thường và bị quỷ ám, cũng như giữa bị quỷ ám và bệnh tâm thần.

Một trường hợp khác Chúa Giê-xu đuổi quỷ ra khỏi một người bị quỷ làm cho câm. Nghĩa là không nhất thiết hề bị quỷ ám là bị bệnh tâm thần hay thần kinh. Thánh kinh cũng phân biệt rõ bệnh kinh phong và bị quỷ ám. Ma-thi-ơ 17 ghi lại câu chuyện đứa bé bị bệnh phong điên đồng thời bị quỷ ám, và dường như nó bị quỷ hành hạ hơn là bệnh. Mác có ghi lại câu chuyện người bị quỷ ám ở Giê-ra-sê. Công vụ ghi lại chuyện một người bị quỷ ám đánh thắng hai con trai của Sê-va. Cả hai trường hợp này dường như những người ấy có mắc thêm bệnh tâm thần nữa, nghĩa là vừa bị quỷ ám lại vừa mắc bệnh tâm thần.

Trong Kinh Cựu Ước, trong sách Công Vụ và trong các thư tín ta thấy ít nói đến việc quỷ ám. Các việc quỷ ám dường như xoay quanh sự có mặt của Chúa Giê-Xu trong lúc ấy. Nghĩa là Sa-tan có những đợt tiến công đặc biệt để gây rối, phá hoại công việc của Chúa trong lòng người lúc ấy.

Tuy nhiên quỷ ám là một tình trạng phổ thông trên thế giới.

Nhiều khi người ta lại còn tự mở đời sống ra cho quỷ nhập vào nữa. Nhiều người gia nhập vào các việc cúng thờ ma quỷ hoặc là giỡn chơi với thế giới thần linh, có thể bị quỷ ám. Người tin Chúa nên cẩn thận, đừng coi thường, mà cũng đừng nghe theo các lời dụ hoặc để thử quỷ hay các thần linh, vì có thể nguy hại. Người theo Chúa cũng nên nhớ rằng, chúng ta không thể nào thắng ma quỷ bằng sức của mình. Chính các môn đệ của Chúa ngày xưa đã gặp khó khăn khi sử dụng sức của mình. Chúa Giê-xu dạy họ rằng: "Nếu không cầu nguyện và kiêng ăn, thì không thể nào đuổi thử quỷ ấy được." Mác 9:29. Thông thường thì các quỷ dữ chỉ có thể đuổi ra bằng cách nhân danh Chúa Giê-xu mà truyền lệnh cho chúng, như trong Công Vụ 16:18. Phao lô nhân danh Chúa Giê-xu đuổi quỷ Phi-Tôn ra khỏi một thiếu nữ.

Cũng có người khuyên rằng trong các trường hợp quỷ ám, ta không nên trực tiếp giải quyết vấn đề, dù rằng có nhân danh Chúa đi nữa, mà phải cầu nguyện, nhờ chính Chúa đuổi quỷ, như vậy quỷ mới sợ và phải tuân lệnh rời khỏi nơi nó đang ám. Giu-đe câu 9 ghi: Thiên sứ trưởng Mi-ca-ên khi chống với ma quỷ để dành xác Môi-se, không trực tiếp đối thoại với nó, mà chỉ nói: Cầu Chúa phạt ngươi. Nghĩa là nhờ quyền năng của Chúa.

Một người bị quỷ ám thường có những hành động không tự nhiên và không bình thường. người ấy nói một cách nói hoàn toàn khác với tiếng nói bình thường, và đôi khi còn có cả sức mạnh phi thường nữa. Người bị quỷ ám có khi có khả năng bói toán hay tiên tri. Nhưng ta nên nhớ rằng đó là quỷ ám chứ không phải do thần linh Chúa xui khiến.

Mặc dù Sa-tan có quyền năng ghê gớm, nhưng người tin Chúa không sợ nó, nếu người ấy hoàn toàn được Chúa làm chủ cuộc đời và sống gần với Chúa luôn luôn. Chúa Thánh Linh hiện diện trong mỗi cuộc đời chúng ta, bảo đảm cho chúng ta được ơn lành để đối phó với ma quỷ. Ta cũng nên nhớ các điều sau đây:

1. Quyền năng của Sa-tan đối với người tin Chúa rất là giới hạn. Nghĩa là ma quỷ không có toàn quyền muốn làm gì ta thì làm. Trường hợp Gióp ngày xưa là một điển hình. Ma quỷ không làm gì được Gióp nếu Chúa không cho phép nó làm. Còn trong Tân ước,

lũ quỷ ám vào một người đã xin Chúa cho chúng nhập vào một bầy heo. Như thế chứng minh rằng Sa-tan không có toàn quyền đối với người tin Chúa.

2. Sa-tan cũng không biết tất cả mọi sự việc đâu. Như trong trường hợp Gióp, Sa-tan không biết trước rằng kế hoạch lật đổ đức tin của Gióp do nó thực hiện là hoàn toàn thất bại. Sa-tan cũng không biết rằng nó không thể cám dỗ Chúa Giê-xu, vì nếu biết trước thất bại, nó đã không làm.

3. Sa-tan bị Chúa thống trị khi Chúa chịu chết thay cho nhân loại trên thập tự giá. Cô-lô-se 2:15 ghi: "Như thế Thượng Đế đã tước hết uy quyền thống trị của Sa-tan, công khai phô bày cho mọi người biết Chúa Cứu Thế đã chiến thắng nó tại thập tự." I Giăng 3:8 ghi: "Nhưng Con Thượng Đế đã vào đời để tiêu diệt công việc của quỷ vương."

4. Sa-tan sẽ bị trừng phạt trong cuộc phán xét sau cùng. Khải Huyền 20:10 ghi: "Còn Quỷ vương đã lừa gạt thế gian, bị quăng vào hồ lửa diêm sinh, là nơi con thú và tiên tri giả cùng bị giam cầm. chúng bị đau đớn ngày đêm mãi mãi vô tận."

5. Vì Sa-Tan đã bị Chúa chiến thắng, người theo Chúa phải nắm vững lời hứa của Chúa và theo lời dạy ở Gia-cơ 4:7 là: "Vậy hãy phục Thượng Đế và chống lại quỷ vương, nó sẽ lánh xa anh em". Cách chống trả ma quỷ hay nhất là đứng vững trong đức tin. Khi giới của chúng ta chống lại Sa-tan được ghi trong Ê-phê-sô 6:10-17. Xin bạn mở ra đọc.

6. Ta cũng đừng có thái độ cực đoan, nghĩa là hễ thấy việc gì tai hại xảy ra cũng đổ rớt cho Sa-tan, vì như vậy là tránh trách nhiệm của mình. Mặt khác cạm bẫy duy nhất của Sa-tan giăng ra là chúng ta không cảnh giác về vai trò và sức mạnh của nó. Luôn luôn nhớ rằng, người theo Chúa là tham dự vào một trận chiến với Sa-tan và nó chỉ thừa dịp cướp ta khỏi tay Chúa.

7. Người theo Chúa phải khôn ngoan nhận ra mưu lược của Sa-tan trước khi bị nó tiến công. Càng văn minh thì cuộc tiến công của Sa-tan lại càng tinh vi, ta đừng coi thường nó.

PHẦN THỨ TÁM

NHỮNG VIỆC SAU CÙNG

I. CHÚA GIÊ-XU TÁI LÂM

Con người sống với quá khứ, hiện tại và tương lai. Người theo Chúa cần cứ vào lời Thánh Kinh có thể biết được tương lai thật rõ. Tương lai rộng lớn của thế giới, của số phận con người, nhưng quan trọng hơn cả là việc Chúa Giê-xu tái lâm. Trong bài này chúng ta sẽ nói về việc Chúa Giê-xu tái lâm.

A. Sự kiện Chúa Giê-Xu tái lâm.

Các nhà thần học Tin lành đều nhất trí về việc Chúa Giê-Xu trở lại trần gian lần thứ hai. Thánh Kinh đã đưa ra một hi vọng phước hạnh về cuộc tái lâm của Chúa Cứu Thế như là một cột trụ đánh dấu nổi bật trên chân trời tâm linh của người tin Chúa. Bằng chứng về việc Chúa tái lâm có thể tìm được qua việc nghiên cứu kỹ tất cả các câu Thánh Kinh ghi chép lại liên quan đến đề tài này.

Giáo lý về việc Chúa tái lâm đã được đề cập đến khoảng 300 lần trong Thánh Kinh Tân ước. Vì vậy là một giáo lý rất quan trọng. Người theo Chúa cần đọc cho thấu hiểu và áp dụng các lời dạy ngay trong cuộc sống hiện tại của mình để đời sống theo Chúa được hoàn toàn đầy đủ.

B. Bản chất của việc Chúa Giê-Xu trở lại.

Ta cần phải nói ngay rằng việc Chúa Giê-Xu trở lại như thế nào và vào ngày giờ nào ta không bàn đến, vì đó là điều không ai biết để mà bàn cả. Thánh Kinh có nói rằng: "Chúa sẽ trở lại trần gian như cách Chúa thăng thiên vậy."

Điều quan trọng hơn cả là chính Chúa Giê-Xu đã hứa rằng Ngài sẽ trở lại, như Giăng 14:3 và Công vụ 1:11. Người theo Chúa căn cứ vào đó mà trông mong chờ đợi. Người theo Chúa trong các đời trước cũng trông mong chờ đợi như vậy. Vì việc Chúa tái lâm sẽ hoàn tất việc cứu rỗi toàn vẹn của mỗi người, người đã chết cũng như chúng ta hiện tại. Mỗi người cũng sẽ chờ đợi cuộc biến hóa cuối cùng để được mặc lấy thân thể vinh quang như chính Chúa khi Ngài sống lại, và tạo vật cũng rên rĩ trông mong ngày con dân Chúa xuất hiện cùng với Ngài. Đó là ngày cứu rỗi toàn vẹn.

Người theo Chúa nên nhớ các điểm sau đây:

1. Qua lời Thánh Kinh chúng ta biết rằng khi chết đi mình sẽ về với Chúa. Vì nhiều lần người chết được kể là Chúa tiếp đón. Nhưng Thánh Kinh dạy rằng Chúa Giê-xu sẽ thực sự đến thế gian để tiếp rước Hội Thánh của Ngài. Nghĩa là Chúa sẽ tái lâm thực sự, và sẽ có một cuộc gặp gỡ tất cả mọi người tin nhận Chúa.

2. Việc Chúa Giê-xu đích thân trở lại trần gian là căn bản của giáo lý về sự tái lâm. Vì Chúa sẽ gặp mặt mỗi một người tin Chúa, và như thế mỗi người sẽ thấy Chúa trong thể cách tự nhiên và sẽ được biến hóa giống như Chúa trong phần tâm linh.

3. Giáo lý này không phải chỉ là để biết, để hiểu, nhưng còn để áp dụng vào đời sống nữa. Vì trông mong Chúa tái lâm thì phải phục vụ cho đến chừng Chúa đến. Người nào nuôi hi vọng gặp Chúa thì phải giữ mình thanh sạch, và dù sống trong hoàn cảnh nào cũng vui chịu cả, vì lời hứa của Chúa và hi vọng về cuộc đời vinh quang bên Chúa sau này.

C. Mục đích của việc Chúa Tái Lâm.

Các mục đích của việc Chúa Tái Lâm có thể ghi lại như sau:

1. Chứng minh rằng Chúa Giê-xu là Chúa và là Vua tất cả. Lần thứ nhất Chúa đã đến trần gian hi sinh chuộc tội cho nhân loại, đã phục sinh từ cõi chết và đã thắng thiên. Lần thứ hai Chúa đến để thành lập vương quốc của Ngài. Lần thứ hai cũng là để vén lên bức màn về chính Chúa Cứu Thế và vinh quang của Ngài mà nhân loại

chỉ thấy một phần trong lần thứ nhất. (I Côr. 1:7; Tít 2:13; I Phi-e-rơ 1:7,13; 5:1; Mác 14:62; I Côr.15:23-28,54,55; 2 Tim 4:1; Hê 928; Khải 12:10.)

2. Chúa Giê-Xu tái lâm để hoàn thành và tôn vinh Hội Thánh. Nghĩa là có cả việc cứu chuộc người Israel. Rô 11:25-32; Mác 24:31; Rô 8:19-23; I Têr 4:15-17; 2 Têr 2:1.

3. Sự tái lâm của Chúa Giê-xu có mục đích phán xét người sống và kẻ đã chết. Đối với người theo Chúa thì đây là cuộc thưởng phạt cho mỗi người. Kẻ trung tín sẽ được thưởng xứng đáng, và kẻ vô tín sẽ hoàn toàn bị diệt vong. Cuộc phán xét này sẽ xảy ra sau khi mọi người được sống lại từ cõi chết. Đa-ni-ên 12:2; Giảng 5:28,29; Công vụ 24:15

4. Chúa Tái lâm là để lật đổ hoàn toàn các quyền lực của tội ác. I Côr 15:23-28; II Têr 2:3-10. Ngoài ra các chương giữa của Khải Huyền cũng mô tả về việc này.

5. Chúa Giê-xu tái lâm để thiết lập một trời mới đất mới.

Thánh kinh chỉ mô tả các việc sau cùng như là để nghiệm đúng các lời tiên tri chưa thành sự thực. Thánh kinh không bao giờ đề cập đến ngày giờ và phương cách các biến cố cuối cùng xảy ra. Người tin Chúa chỉ cần nắm chắc lấy lời Chúa đã phán hứa và đặt hết hi vọng nơi Chúa. Nhưng đừng bao giờ mất thì giờ bàn cãi hay nghiên cứu về ngày giờ Chúa trở lại. Vì nhiều người đã cố gắng làm công việc này trong gần 2000 năm qua và luôn luôn thất bại ê chề.

D. Xét về phương diện lịch sử.

1. Trước tiên, chính Chúa Giê-xu khi nói đến việc Chúa chắc chắn sẽ trở lại đã đề cập tới một số các sự việc đi trước. Như là các điềm lạ. Các điều này được ghi trong Ma-thi-ơ 24:14, và các câu 30,31. Xin vui lòng mở ra đọc.

Hơn nữa Chúa cũng phán rằng, nhiều người phải chết, khi sống lại mới gặp Chúa. Tuy nhiên việc Chúa đến được coi như là chắc chắn và rất gần.

2. Các Sứ Đồ đã nói đến việc Chúa đến như thế nào?

Lời Phao lô làm cho nhiều người nghĩ rằng Chúa sẽ đến ngay trong thời đại ông. Nhưng rất nhiều lần ta thấy rằng đó chỉ là những biểu lộ niềm tin chắc của ông, và sự trông mong ngày Chúa đến mau chóng mà thôi. Phao lô cũng nói đến cái chết của mình và hi vọng được sống lại trong ngày Chúa tái lâm.

3. Trong thế kỷ thứ hai và thứ ba.

Trong thời gian này có nhiều ý kiến khác nhau được nêu lên liên quan đến ngày tận thế, đến cuộc sống lại tập thể và tòa án trắng phán xét tội nhân, cũng như 1000 năm Chúa trị vì trên đất.

4. Thánh Augustine và một số học giả khác tin rằng quyền năng của tối tăm đã bị hủy bỏ khi Chúa chịu chết trên thập tự giá. Những người ấy cũng tin rằng 1000 năm bình an đã bắt đầu. Augustine còn tin rằng những việc ghi trong Khải Huyền sẽ xảy ra sau 1000 năm bình an. Khi ấy người ta tin rằng đến năm 1000 sẽ là ngày tận thế, tuy nhiên tận thế vẫn chưa đến.

5. Thời Giáo hội Cải Chính Nhiều người tin rằng đó là lúc đại nạn xảy ra, nhưng cũng là ước tính sai lầm cả.

6. Thời Hiện đại.

Hiện nay có hai trường Phái tư tưởng Tin Lành căn cứ trên các quan điểm rút ra từ sách Đa-ni-ên và Khải Huyền:

a. Trường phái Lịch Sử

Những người này tin rằng phần lớn các lời tiên tri trong các sách Đa-ni-ên và Khải Huyền đã được ứng nghiệm, nhưng vẫn còn phải chờ đợi cao điểm của cuộc tranh đấu giữa các thế lực tội ác đối với quyền chủ tể của Chúa Giê-xu, lúc đó Chúa sẽ hoàn toàn đắc thắng Sa-tan và cầm quyền tể trị. Quan điểm này có phần đúng, vì một số các hoạt động của kẻ chống lại Chúa Cứu Thế đã bắt đầu ngay từ thời Phao lô, nhưng cũng còn rất nhiều việc chưa xảy ra, khi nào các việc ấy xảy ra thì tận thế mới tới.

b. Trường phái Tương Lai.

Đa số những người theo trường phái này tin rằng những điều mô tả từ cuối chương 3 của Khải Huyền trở đi là thuộc về tương

lai, chưa xảy ra.

E. Các Nguyên tắc chính:

Chân lý về việc Chúa Tái Lâm phải nắm vững, gồm có các điểm sau đây:

1. Lời hứa về việc Chúa Cứu Thế đích thân trở lại trần gian.
2. Hội Thánh sẽ được vinh quang trong ngày sau cùng, nghĩa là sự đắc thắng sau cùng, và sự diệt vong mãi mãi của kẻ chối từ chân Lý.
3. Giáo lý về việc Chúa Tái Lâm phải được bảo vệ để khỏi rơi vào những sai lầm về việc thiêng liêng hoá hay là về việc giải nghĩa Thánh Kinh sai. Thí dụ như là các biến cố xảy ra trong giáo hội hay trong thế giới.

Một Giáo sư thần học đã đề nghị ba nguyên tắc sau đây để hiểu lời dạy Thánh Kinh về việc chúa tái lâm:

1. Lời Thánh Kinh không nói gì đến ngày giờ hay thời gian Chúa Tái Lâm. Các sự kiện xảy ra có thể xa cách nhau những khoảng thời gian dài, và một câu Thánh kinh có thể gói trọn ba giai đoạn hoạt động của Chúa. Các giai đoạn này liên tiếp nhau và kéo dài có khi hằng chục, hằng trăm, hay hằng nghìn năm.
2. Việc chúa Giê-xu tái tâm được trình bày trong Thánh Kinh như là một diễn tiến có nhiều giai đoạn, chứ không phải chỉ là một sự kiện xảy ra mà thôi.
3. Thời gian Chúa trở lại dường như còn phụ thuộc vào một số điều kiện. Nếu người theo Chúa trung tín đông đảo hơn và Hội Thánh hoàn thành công việc phổ truyền Phúc Âm khắp thế giới nhanh hơn, thì Chúa có lẽ đã đến rồi. Mặc dù ngày giờ đã được Cha ấn định, nhưng Hội Thánh vẫn được khuyến giục là phải hoạt động nhanh hơn cho Chúa có thể đến sớm hơn.

II. Số phận của con người

Từ bao nhiêu thế kỷ nay, con người lúc nào cũng nhắc đi nhắc lại câu hỏi: "Sau cái chết là gì?" Người ta đã thảo luận rất nhiều về cái chết. Tôn giáo nào cũng đề cập đến cái chết cả.

A. Chết và Bất tử

Chữ "chết" thông thường được hiểu là sự tan rã, hư hoại của thể xác. ý nghĩa này khác với những chữ như:

1. Tiêu diệt hoàn toàn. Thánh Kinh chưa đề cập đến một trường hợp nào có sự tiêu diệt toàn thể vật sống.
2. Sự chết tâm linh. Chúa Giê-xu và các Sứ Đồ dạy rõ rằng, người chưa được sinh lại là người sống trong tình trạng chết về tâm linh. nghĩa là tình trạng xa lạ và cách biệt với Thượng Đế. Tình trạng chết về tâm linh này xảy ra ngay trong lúc thân xác còn sống động.
3. Chết lần thứ hai, hay chết vĩnh hằng. Đây là cái chết vĩnh viễn về tâm linh, không thể thay đổi được nữa.

Ta cần nhớ rằng mặc dù quyền năng của Sa-tan, tội lỗi và sự chết đã hoàn toàn bị đánh bại ở thập tự giá, sự chết của thể xác vẫn còn phổ thông. Hê-bơ-rơ 9:26 ghi: "Ngài đã hiện ra chỉ một lần, dâng mình làm sinh tế để cất tội lỗi đi." Chữ "Cất" trong câu này nghĩa là làm cho mất hiệu lực, làm cho vô quyền. Đối với những người nhận được chiến thắng ở thập tự khi xưa, thì sự chết về thể xác chỉ là một cửa ngõ để đi vào sự sáng và sự sống cùng với Chúa Cứu Thế. Sự chết thể xác đối với người tin Chúa chỉ là một vấn đề thuộc về kỉ luật. nhưng đối với những người chưa tin Chúa thì vẫn còn là một điều kinh khủng, vì rồi đây họ sẽ bị phán xét cả xác lẫn hồn, vì tội ác.

Thánh Kinh có nói về một kinh nghiệm cá nhân liên tục giữa việc thân thể tạm này bị hư hoại và mặc lấy thân thể mới

trên trời. Thân thể trên trời đó không hư hoại, và đó chính là sự bất tử. Có ba điểm ta cần nhớ về việc này:

1. Chỉ một mình Thượng Đế vốn có tính bất tử tuyệt đối mà thôi I Tim 6:16.

2. Tính bất tử của đời sống thân xác khi được phục sinh rõ ràng là hơn hẳn loại bất tử hiểu theo nghĩa tự nhiên, vì chung điểm của đời sống này là được mặc lấy sự bất tử. Đây không phải là bất tử về thể xác mà thôi. Toàn diện con người sẽ vào một cuộc sống mới được mô tả là bất tử. II Tim 1:10 ghi: "Cứu Chúa chúng ta đã huỷ phá sự chết, dùng Tin Lành phổ bày sự sống và sự không hề chết ra cho rõ ràng." Sự không hề chết đây chính là tính bất tử. Nhưng ta phải hiểu đây không phải là sự tiếp nối cuộc sống đã bị hư hỏng vì sự sa ngã của tổ tông. Ngược lại, chính Chúa Cứu Thế cũng đã chịu cái chết do từ hậu quả sa ngã của tổ tông, làm cho sau khi chết linh hồn lìa khỏi thể xác. Câu này có nghĩa là Chúa Cứu Thế đã xua đuổi bóng tối bao phủ quan niệm về tận thế thời Cựu Ước và cho người tin nhận Chúa Giê-xu có thể nhìn vào số phận đời đời của mình một cách tin tưởng, hoặc là cuộc phục sinh của Chúa Cứu Thế Giê-xu đã cho con người được sự sống vĩnh hằng và thân xác phục sinh hoàn toàn đổi mới.

3. Phao lô trong 2 Côr. 5:1-4 có ghi rằng: "Nếu chúng ta được mặc lấy nhà ấy, hẳn sẽ không còn trần trụi." Phao lô nói đến "nhà tạm này" và "nhà trên trời" tức là hai hình thức của thân thể, thân thể tự nhiên và thân thể được đổi mới sau này.

B. Tính chất của đời sống trong giai đoạn chuyển tiếp.

Các vấn đề chính cần phải lưu ý là trong giai đoạn chuyển tiếp của đời sống, linh hồn có cảm biết hay không, có một phát triển nào khác không, có trường hợp kỷ luật lò luyện tội hay không? Nơi ở của người chết là chỗ nào? Ta sẽ lần lượt điểm qua các vấn đề này:

1. Linh hồn có cảm biết hay không?

Có ba trường hợp:

- a. Linh hồn hoàn toàn có cảm biết.
- b. Linh hồn vẫn sống nhưng ở trạng thái ngủ.
- c. Linh hồn cùng chết với thể xác, và cùng đợi được sống lại như thân xác.

Thánh Kinh Tân Ước dường như hỗ trợ ý kiến cho rằng Linh hồn hoàn toàn cảm biết. I Phi-e-rơ 3:18 ghi: "Dù thể xác Ngài chết, nhưng tâm linh Ngài vẫn sống." Chỗ khác ghi rằng "Chúa đi giảng cho các linh hồn bị tù thời Nô-ê." Riêng câu chuyện Chúa kể về người giàu và La xa rô, dù chỉ là ngụ ngôn, cũng hé mở cho ta thấy sau khi chết người ta vẫn cảm biết được. Phao lô thì bị dang co giữa một đàng là cứ ở trong thân xác với anh em tín hữu hay là đi với Chúa, và cho rằng đi với Chúa thì tốt hơn. Nghĩa là phải cảm biết được sự tốt lành trong đời sống đó. Khải 6:9-11.

Đó là quan điểm thứ nhất, quan điểm thứ hai cho rằng linh hồn vẫn sống nhưng ở trạng thái ngủ. I Côr. 15:6 ghi: "...phần nhiều người trong số ấy hiện bây giờ còn sống, nhưng có mấy người đã ngủ rồi. Chữ "ngủ" đây không nhất thiết phải là ngủ cả về phần hồn, mà chỉ có ý nói rằng họ đã chuyển từ lĩnh vực đời sống trên đất và hoạt động, sang một tình trạng yên lặng. người ta cũng hay dùng từ "ngủ trong Chúa" để an ủi những người còn sống, nghĩa là người chết không còn đón đau, lo buồn, bệnh tật nữa. Phao lô cũng nói rằng Chúa đưa những người đã ngủ về với Ngài, và những người ấy "ở cùng Chúa".

Dù sao chăng nữa thì Thánh kinh cũng bảo đảm cho chúng ta rằng sự sống lại của thân xác này là bước vào sung mãn của đời sống vĩnh cửu, điều đó không ai còn nghi ngờ gì nữa.

2. Linh hồn có phát triển gì thêm hay không?

Căn cứ vào các suy luận về phát triển tự nhiên trong cá nhân cũng như các việc chung trên thế giới, người ta nghĩ rằng linh hồn không ở yên một chỗ sau khi chết, nhưng vẫn tiếp tục phát triển. Đây là một điều ước đoán, vì không ai có cách gì mà phối kiểm, và Thánh Kinh hoàn toàn yên lặng, vì thế ta cũng không nên lạm bàn.

3. Lò luyện tội? Có hai quan điểm sai lạc sau đây: a. Kỉ luật thanh

tẩy. I Côr. 3:15 ghi: "Nếu công việc họ bị thiêu hủy thì mất phần thưởng, còn về phần người ấy sẽ được cứu, nhưng dường như qua lửa vậy." Nhiều người đọc câu này vội cho rằng người tin Chúa khi chết đi cần phải được hoàn thành đời sống thánh khiết bằng cách chịu lửa thử nghiệm, gọi là lò luyện tội.

b. Những người thời trung cổ còn đi xa hơn nữa, dạy thêm rằng có 4 nơi ở cho người chết:

1. Nơi đầu tiên dành cho người thánh. 2. Nơi thứ hai dành cho những người tin Chúa nhưng chưa hoàn toàn được thánh hoá. Đa số người trong giáo hội thuộc loại này. 3. Nơi thứ ba dành cho trẻ sơ sinh chưa làm báp tem. 4. Nơi thứ tư dành cho những người chưa tin Chúa.

Chính vì tin rằng có chỗ thứ hai dành cho những người tin chúa nhưng chưa hoàn toàn được thánh hóa mà người ta tổ chức cầu nguyện cho người đã chết, cũng như mua bùa xá tội cho người chết. Ta phải nói ngay rằng đây là những điều loài người đặt ra để trục lợi chứ Thánh Kinh không bao giờ dạy như vậy.

Nếu tin là có lò luyện tội, tức là đã coi nhẹ công ơn cứu chuộc do Chúa Giê-xu thực hiện, vì không có gì có thể thêm bớt vào cuộc hi sinh chuộc tội của Chúa Cứu Thế. Chúa đã hi sinh một lần là hoàn toàn đầy đủ, con người không cần phải qua lò luyện tội mới được thanh tẩy, mà chỉ cần hết lòng tin Chúa khi còn sống. Cơ hội quyết định không còn nữa khi ta chết đi, và cũng không ai có thể can thiệp gì được cả.

III. Nơi ở của người chết.

Về nơi ở của người chết Thánh Kinh dạy như sau:

1. Thánh Kinh Cựu Ước cho biết: Người qua đời được coi như vào Âm Phủ với một thân xác tàn tạ. Âm phủ là nơi tiếp nhận tất cả những người chết. Âm phủ đầy bóng tối và không có hi vọng gì trong tương lai. Đó là quan niệm về âm phủ của người Do Thái.

Chữ Âm phủ dịch từ chữ SHEOL của Hê-bơ-rơ.

2. Các sách Phúc Âm trong Tân Ước chữ Âm phủ là do chữ Hi Lạp HADES. Lu-ca 23:43 ghi lại lời Chúa Giê-xu nói về một nơi gọi là phước lạc, PRADISE, phân biệt với một nơi khác là GEHENNA tức là hỏa ngục. Như vậy Âm phủ cũng có hai miền khác nhau.

3. Trong các thư tín của Tân Ước các tác giả có nói nhiều đến việc những người qua đời thì được ở với Chúa, được hưởng sự sung sướng trong hiện diện của Chúa. Phao lô nói đến một nơi gọi là tầng trời thứ ba, là chỗ ông được gặp Chúa. Các thư tín cũng không nói rằng người chết đi thì được lên Thiên Đàng, và người có tội chết đi thì vào hỏa ngục, nhưng ngụ ý rằng Thiên Đàng và Hỏa ngục là nơi ở của mọi người sau cuộc phán xét cuối cùng.

Sau đây là những gì liên quan đến Hỏa Ngục.

Theo Thánh Kinh thì nơi ở cuối cùng của người phạm tội là Hỏa Ngục. Đây là một nơi kinh khủng và được mô tả bằng nhiều cách khác nhau.

Mác 9:43 gọi hỏa ngục là một nơi lửa cháy không dập được và tiếp tục đời đời.

Khải Huyền 20:10 : Hỏa ngục là một hồ lửa và diêm sinh.

Ma-thi-ơ 8:12 : Hỏa ngục là một nơi tối tăm ở ngoài, nơi đau khổ để trừng phạt đời đời. Khải Huyền 14:10,11 cũng mô tả hỏa ngục tương tự.

Các cách mô tả này có thể là chỉ tượng hình, hay là biểu tượng về những điều khủng khiếp hơn nhiều mà không một người nào có thể làm ngơ hay tránh thoát được.

Hỏa ngục có thể định nghĩa là: Sự mất mát tất cả mọi điều tốt lành, thể chất cũng như tinh thần, mang lấy một sự đau khổ của tâm hồn bị loại ra khỏi Chúa và xã hội của những người Thánh, mà phải sống mãi trong lời nguyền rủa của Chúa đời đời.

Thánh kinh không bao giờ đề cập đến việc người phạm tội khi chết đi còn mong có dịp được xá tội hoặc là về sau này mọi người đều được Chúa cứu cả, vì Chúa nhân từ không muốn tiêu diệt ai. Đây là một lý thuyết giả trá, lừa dối, trái với Thánh Kinh, do loài người bày đặt ra mà thôi.

Tuy nhiên cũng có những thứ bậc trong việc trừng phạt ở hỏa ngục và cuộc ban thưởng ở Thiên Đàng. Một số người tin Chúa nhưng khi đứng trước tòa phán xét của Chúa sẽ mất phần thưởng vì công việc của người ấy chỉ là gỗ, cỏ khô, rơm rạ, sẽ không thể nào đứng nổi trước cuộc thử lửa. Đó là theo I Cô-rinh-tô 3:15. Nghĩa là được cứu nhưng không có phần thưởng, gọi là dường như qua lửa vậy.

Kẻ tội ác cũng được xét tùy theo công việc mỗi người đã làm. Khải Huyền 20:13.

Thiên Đàng

Số phận sau cùng của người thánh thiện là Thiên Đàng. Thiên đàng được mô tả giản dị là nơi có Chúa làm chủ.

Hê-bơ-rơ 4:9 Thiên đàng là một nơi an nghỉ. II Cô-rinh-tô 4:17 Một nơi vinh quang Khải huyền 21:27 Một nơi thánh khiết. Khải Huyền 21:27 Một nơi thờ phượng. Hê-bơ-rơ 12:23 Chỗ người thánh tương giao với nhau. Khải huyền 21:3 Nơi được ở với Chúa.

Trong Thiên đàng những người tin Chúa sẽ nhận được một hay nhiều mảo triều thiên. Gia-cơ 1:12 Mảo triều thiên của sự sống. I Phi-e-rơ 5:4 Mảo triều thiên vinh hiển. II Ti-mô-thê 4:8 Mảo triều thiên thánh thiện.

Tất cả mọi điều trong thiên đàng đều mô tả là mới cả. Phi-e-rơ và Khải Huyền nói rằng sẽ có trời mới, đất mới, thành Giê-ru-sa-lem mới.

Nước của Chúa sẽ được vững lập và mọi sự việc đều đặt dưới chân

Ngài. Lúc ấy nghe danh Giê-xu thì mọi người đều quỳ xuống. Mọi đế quốc, chính quyền của thế gian đều không còn nữa và chính Chúa sẽ trị vì trái đất này.

Thiên đàng có thể không phải là một nơi chốn, nhưng là một tình trạng, một điều kiện sống hoàn toàn mới, thanh khiết, công bằng và do chính Chúa làm chủ. Nhiều người tưởng tượng ra cảnh thiên đàng và cho là buồn chán, vì cả ngày, cả đời chỉ ca hát, không làm gì cả. Nhưng thiên đàng là một nơi cực lạc mà trí óc con người không thể nào hiểu thấu được. Chỉ kinh nghiệm được mà thôi. Chúng ta hãy hẹn nhau ở thiên đàng để không còn thấy khổ đau nữa.

IV. Sự sống lại của người chết và cuộc phán xét sau cùng.

A. Sự sống lại của người chết.

Chúa Giê-xu đã dạy về sự sống lại của người chết một cách rất quả quyết và chắc chắn, như trong Phúc Âm Giảng 5:28,29 "Các ông đừng ngạc nhiên, vì sẽ đến giờ mọi người chết trong mồ mà nghe tiếng gọi của Con Thượng Đế và bước ra khỏi mồ. Người làm điều thiện sống lại để được sống mãi, còn người làm điều ác sống lại để chịu hình phạt." Sứ Đồ Phao lô dạy rằng sự sống lại là một huyền nhiệm do phúc âm mạc khải cho, vì vậy phải được coi như là điều quan trọng nhất trong bất cứ cuộc nghiên cứu nào về đoạn cuối cùng của số phận con người.

1. Đối với Chúa Giê-xu thì sự sống lại được coi như là kết quả các sự việc sau đây:

a. Công việc hi sinh cứu chuộc cho loài người. Chúa đã chết và đã sống lại để Ngài có thể làm Chúa của cả kẻ sống lẫn kẻ chết. Thư La mã ghi: "Vì Chúa Cứu Thế đã chết và sống lại để tế tri, xử đoán mọi người, dù còn sống hay đã chết."

b. Quyền năng của Chúa Cứu Thế khiến Ngài có thể chế ngự mọi sự vật. Phi líp 3:21: "Chúa sẽ biến hoá thân thể hư hoại của chúng

ta ra giống như thân thể vinh quang của Ngài, bởi quyền năng thống trị vạn vật." Giăng 5:21,28,29 "Như Cha đã kêu người chết sống lại, thì người nào con muốn, con cũng sẽ ban cho họ sống lại. Các ông đừng ngạc nhiên. Sẽ đến giờ mọi người chết trong mồ mà nghe tiếng gọi của con Thượng Đế và bước ra khỏi mồ. Người làm điều thiện sống lại để được sống mãi mãi, còn người làm ác sống lại để chịu hình phạt."

c. Người theo Chúa được kết lại làm một với Chúa. Giăng 5:26 Thượng Đế là nguồn sống nên Con Ngài cũng là nguồn sống. Giăng 11:25 "Chúa Giê-xu quả quyết : Ta là sự sống lại và Nguồn sống. Người nào tin ta dù chết, rồi sẽ sống."

2. Đối với người theo Chúa thì sự phục sinh của Chúa Cứu Thế là:

a. Sự bảo đảm rằng chính mình cũng được phục sinh như Chúa. I Cô-rinh-tô 15:20 "Nhưng Chúa Cứu Thế đã sống lại, Ngài sống lại đầu tiên trong muôn triệu người sẽ sống lại."

II Cô-rinh-tô 4:14 "Chúng tôi biết Đấng đã khiến Chúa Giê-xu sống lại, cũng sẽ cho chúng ta sống lại với Chúa Giê-xu, và trình diện chúng tôi cùng anh em trước mặt Ngài."

b. Chúa Sống lại là mẫu mực của thân thể phục sinh của người tin Chúa sau này. Phi-líp 3:21 "Chúa sẽ biến hóa thân thể hư hoại của chúng ta ra giống như thân thể vinh quang của Ngài, bởi quyền năng thống trị vạn vật." Nghĩa là sau khi sống lại chúng ta sẽ có cùng một thân thể đổi mới như chính Chúa Giê-xu. Mặc dù nói như vậy, nhưng vấn đề chính liên quan đến thân xác của người chết sống lại vẫn là bản chất của thân xác ấy như thế nào? Thánh Kinh không cho chúng ta các chi tiết đầy đủ, và cũng không khuyến khích chúng ta tìm hiểu. Người theo Chúa được dạy là phải tin rằng khi mình sống lại, thân xác cũng được biến hóa như thân xác Chúa Giê-xu. Căn cứ vào Thánh Kinh chúng ta biết được:

1. Thân xác người sống lại sẽ có hình dáng của con người với sắc diện có thể nhận ra được như khi còn sống.

2. Thân xác ấy sẽ có các năng lực mới mà bây giờ chưa thể biết

được.

3. Thân xác ấy sẽ là linh thể, không hư hoại và cũng không chết nữa.

4. Thân xác ấy sẽ giống như thân xác vinh quang của Chúa.

5. Thân xác ấy sẽ có một liên quan rõ rệt đối với thân xác phàm trần hiện tại.

B. Cuộc phán xét sau cùng.

Sự sống lại đi trước cuộc phán xét. Cuộc phán xét này dành cho tất cả mọi người. Mọi người đều phải chịu xét xử về những gì đã làm khi còn sống. Quan tòa chính là Chúa Giê-xu. Lý do phán xét và các nguyên tắc đều đã định rõ trong Thánh Kinh. cuộc phán xét sẽ hoàn toàn công minh, và bản án sẽ hoàn toàn công bằng. Kẻ phạm pháp sẽ gặt hậu quả xứng đáng.

Các cuộc phán xét:

1. Cuộc phán xét người tin theo Chúa.

Đây không phải là cuộc phán xét tội, vì người tin Chúa đã được sự hi sinh chuộc tội của Chúa Cứu Thế làm sạch tội ác, đã được tái sinh. Cuộc phán xét này chỉ để ban thưởng cho những cuộc đời phục vụ Chúa mà thôi.

2. Các nguyên tắc phán xét người vô tín:

Chúa sẽ phán xét mọi người theo các nguyên tắc sau:

a. Đức tính công chính tuyệt đối của Thượng Đế.

b. Cơ hội và trách nhiệm là những điều căn cứ để phán xét. những người có cơ hội nhưng không chịu tin nhận Chúa là những người phải chịu trách nhiệm về việc làm của mình.

c. Yếu tố quyết định trong trường hợp những người đã từng nghe Phúc Âm là có tiếp nhận hay đã chối từ Chúa Cứu Thế.

d. Trong trường hợp những người chưa bao giờ được nghe Phúc Âm, thì sẽ được phán xét theo những gì họ đã biết. La mã 2:14,25 Khi người ngoài Do thái không có luật Chúa, theo bản tính tự nhiên làm những điều mà luật Chúa đòi hỏi, thì hành động theo bản tính là luật Chúa cho họ. Việc này chứng tỏ các nguyên tắc luật Chúa đã được ghi vào lòng họ, lương tâm cũng làm chứng khi lớn tiếng buộc tội hay biện hộ.

3. Kết quả của cuộc phán xét

Ma-thi-ơ 25:46 ghi: "Rồi người ác bị đưa vào nơi hình phạt đời đời, còn người công chính được hưởng sự sống vĩnh viễn." Đó là câu tóm tắt đầy đủ nhất về kết quả của cuộc phán xét sau cùng. Người ta có các ý nghĩ khác về kết quả này, nhưng Thánh Kinh không nói gì hơn, và không ai có quyền thêm bớt vào những lời Thánh kinh.

Văn Phẩm Nguồn Sống
P.O.Box 4568
Anaheim, CA 92803